

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**DỰ THẢO**

**ĐỀ ÁN**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ LĨNH  
VỰC NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG  
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

**Đắk Nông, năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**ĐỀ ÁN**  
**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ LĨNH**  
**VỰC NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**  
**GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

**Chủ đầu tư**

**Đơn vị tư vấn**

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
II. CƠ SỞ THỰC TIỄN, PHÁP LÝ.....	2
1. Cơ sở thực tiễn.....	2
2. Cơ sở pháp lý.....	4
III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN.....	7
PHẦN THỨ NHẤT.....	9
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK NÔNG.....	9
I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.....	9
1. Vị trí địa lý.....	9
2. Khí hậu thời tiết.....	9
3. Địa hình.....	10
4. Đất đai.....	11
5. Nguồn nước.....	12
II. KHÁI QUÁT KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016 - 2021.....	13
1. Dân số.....	13
2. Lao động, việc làm.....	13
3. Kinh tế.....	14
III. CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....	17
PHẦN THỨ HAI.....	20
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG.....	20
I. SƠ LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM.....	20
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG.....	22
1. Thực trạng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Đắk Nông.....	22
1.1. Đánh giá hiện trạng phát triển các Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp.....	22
1.2. Đánh giá hiện trạng phát triển các Liên hiệp hợp tác xã (LH HTX) nông nghiệp.....	28
1.3. Đánh giá hiện trạng phát triển các Tổ hợp tác (THT) nông nghiệp.....	30
1.4. Thực trạng về loại hình, quy mô, năng lực chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm của kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.....	34
2. Đánh giá thực trạng các liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong hoạt động của kinh tế tập thể.....	34
3. Thực trạng cơ chế chính sách hỗ trợ trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.....	41
4. Thực trạng công tác quản lý Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.....	44
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.....	47
1. Những kết quả đạt được.....	47
2. Hạn chế, tồn tại.....	48

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế .....	50
<b>IV. DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ PHÂN TÍCH SWOT ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.....</b>	<b>51</b>
1. Các yếu tố ảnh hưởng.....	52
2. Phân tích SWOT đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.....	52
2.1. Điểm mạnh .....	52
2.2. Điểm yếu .....	52
2.3. Cơ hội.....	53
2.4. Thách thức.....	53
<b>PHẦN THỨ BA .....</b>	<b>55</b>
<b>NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025.....</b>	<b>55</b>
<b>I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU .....</b>	<b>55</b>
1. Quan điểm .....	55
2. Mục tiêu.....	55
2.1. Mục tiêu tổng quát .....	55
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	56
<b>II. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN.....</b>	<b>57</b>
1. Duy trì, củng cố, giải thể các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp .....	57
2. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp.....	60
3. Nâng cao năng lực, nhận thức trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông .....	63
4. Nội dung huy động các nguồn vốn về đầu tư, tín dụng cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông .....	67
5. Nội dung áp dụng khoa học công nghệ cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.....	68
6. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông .....	69
7. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng và chế biến sản phẩm.....	71
8. Xây dựng nội dung phát triển tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trong liên kết phát triển, gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông .....	72
9. Nội dung phát triển các mô hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.....	75
10. Nội dung đề xuất các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông .....	81
11. Nâng cao năng lực cho HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc chuyển đổi số.....	86
12. Đẩy mạnh xây dựng liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, giải pháp để thực hiện liên kết có hiệu quả.....	92
<b>III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN .....</b>	<b>93</b>
1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn.....	93
2. Giải pháp về hỗ trợ ứng dụng công nghệ, hỗ trợ xây dựng các mô hình nhằm thúc	

đẩy phát triển kinh tế tập thể .....	94
3. Nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước và các cơ chế chính sách ưu đãi .....	95
4. Nhóm giải pháp về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của các liên hiệp hợp tác xã .....	96
5. Nhóm giải pháp về huy động các nguồn lực xã hội, hỗ trợ đầu tư hạ tầng và chế biến sản phẩm đối với các hợp tác xã .....	96
6. Nhóm giải pháp về đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp .....	97
7. Nhóm giải pháp về phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên .....	98
8. Nhóm giải pháp về bảo vệ tài nguyên môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.....	98
9. Nhóm giải pháp về thúc đẩy liên doanh, liên kết trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh .....	99
IV. ĐỀ XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ .....	100
V. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN .....	100
1. Nhu cầu vốn đầu tư .....	100
2. Phân kỳ đầu tư.....	101
3. Phân nguồn vốn đầu tư.....	101
VI. HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA ĐỀ ÁN.....	102
1. Hiệu quả kinh tế .....	102
2. Hiệu quả xã hội .....	102
3. Hiệu quả môi trường .....	103
PHẦN THỨ TƯ .....	104
TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....	104
I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.....	104
II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH, UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ VÀ CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN.....	104
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	109
I. KẾT LUẬN.....	109
II. KIẾN NGHỊ.....	109
PHỤ LỤC.....	110

## DANH MỤC BẢNG

<b>Bảng</b>	<b>Trang</b>
Bảng 1: Dân số tỉnh Đắk Nông qua các năm	12
Bảng 2: Thực trạng các HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012 - 2021	22
Bảng 3: Thực trạng phân bố các HTX nông nghiệp	23
Bảng 4: Thực trạng hiệu quả hoạt động của các HTX	23
Bảng 5: Thực trạng về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX trên địa bàn	26
Bảng 6: Doanh thu, lợi nhuận của các HTX nông nghiệp qua các năm	27
Bảng 7: Thực trạng các Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp	28
Bảng 8: Thực trạng các THT nông nghiệp trên địa bàn	29
Bảng 9: THT nông nghiệp phân theo địa bàn	30
Bảng 10: Thực trạng sản xuất hữu cơ của một số HTX nông nghiệp	38
Bảng 11: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của yếu tố chính sách đến phát triển KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp	46
Bảng 12: Đánh giá về công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về KTTT, HTX nông nghiệp	47
Bảng 13: Dự kiến kinh phí hỗ trợ củng cố hợp tác xã	60
Bảng 14: Dự kiến phát triển các THT nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	60
Bảng 15: Các chỉ tiêu phát triển THT nông nghiệp chủ yếu	61
Bảng 16: Các chỉ tiêu phát triển HTX nông nghiệp	62
Bảng 17: Định hướng phát triển HTX nông nghiệp ở các địa phương	62
Bảng 18: Chi tiết hỗ trợ đào tạo và tập huấn	67
Bảng 19: Dự kiến kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	68
Bảng 20: Kinh phí hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	70
Bảng 21: Chi tiết các hạng mục hỗ trợ phát triển các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp gắn với OCOP giai đoạn 2022-2025	75
Bảng 22: Định hướng các mô hình kinh tế tập thể HTX nông nghiệp tại các địa bàn	79
Bảng 23: Dự kiến phát triển các mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tại các HTX nông nghiệp	91

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Diễn giải</b>
HTX	Hợp tác xã
KTTT	Kinh tế tập thể
LH HTX	Liên hiệp hợp tác xã
THT	Tổ hợp tác
KCN	Khu công nghiệp
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
HTXNN	Hợp tác xã nông nghiệp
NTM	Nông thôn mới
TMĐT	Thương mại điện tử

## PHẦN MỞ ĐẦU

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển kinh tế tập thể đã trở thành chủ trương nhất quán và xuyên suốt của Đảng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sau gần 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, nhận thức của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được nâng lên; Nhà nước đã quan tâm ban hành các chính sách cụ thể nhằm hỗ trợ cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển. Khu vực kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp, mà nòng cốt là hợp tác xã nông nghiệp đã có những chuyển biến tích cực, số lượng và chất lượng HTX nông nghiệp ngày càng tăng, hoạt động đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực, thích ứng ngày càng tốt hơn với cơ chế thị trường; khẳng định vai trò, vị trí của HTX trong nền kinh tế, từng bước nâng cao mức sống của thành viên.

Các HTX từng bước đổi mới về tổ chức và hoạt động, đội ngũ cán bộ quản lý HTX dần được trẻ hóa, năng động, có trình độ chuyên môn, mạnh dạn trong tổ chức và quản lý HTX. Hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh, nhất là HTX nông, lâm nghiệp đã giải quyết việc làm và mang lại thu nhập ổn định cho một bộ phận lao động nông thôn, đáp ứng tốt các nhu cầu của thành viên, từng bước xóa bỏ sản xuất manh mún, nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình, để hướng đến liên kết sản xuất giữa các hộ gia đình và vẫn đảm bảo tính chủ động của kinh tế hộ gia đình; góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an ninh trật tự ở nông thôn và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Từ đầu năm 2020 đến nay, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam, dịch bệnh đang tiếp tục diễn biến rất phức tạp và hậu quả có thể kéo dài nhiều năm tới. Trong khi khu vực doanh nghiệp gặp khó khăn, rất nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động thì khu vực kinh tế tập thể vẫn tương đối ổn định, khẳng định được rõ hơn vai trò hỗ trợ đối với kinh tế cá thể của các thành viên. Giải pháp lâu dài cho nền kinh tế nước ta tập trung vào an ninh lương thực, an sinh xã hội, liên kết sản xuất, tập trung thị trường trong nước rất phù hợp với bản chất, thế mạnh của mô hình HTX cần được phát huy trong thời gian tới.



Tuy nhiên, kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp vẫn còn những hạn chế, yếu kém cần tiếp tục quan tâm hỗ trợ phát triển. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền, tổ chức liên quan còn chưa được quan tâm đúng mức; công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp còn nhiều bất cập, công tác phối hợp để củng cố, giải quyết các vấn đề liên quan đến HTX nông nghiệp ở địa phương còn nhiều khó khăn. Năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý HTX nông nghiệp còn hạn chế. Phần lớn các tổ chức KTTT, HTX nông nghiệp có quy mô nhỏ, phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền; giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; khả năng cạnh tranh với các khu vực kinh tế khác còn yếu. Mô hình HTX kiểu mới theo hướng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chưa thực sự mạnh. Hoạt động xúc tiến thương mại chưa có nhiều đổi mới; xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức.

## **II. CƠ SỞ THỰC TIỄN, PHÁP LÝ**

### **1. Cơ sở thực tiễn**

Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020, sau khi Luật HTX năm 2012 được Quốc hội thông qua, đặc biệt là từ năm 2016 trở lại đây, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả, ban hành nhiều quyết sách quan trọng trong công tác chỉ đạo phát triển, phong trào phát triển kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp có chuyển biến mạnh mẽ, đạt kết quả phát triển tích cực.

Theo Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể thì sau 15 năm thực hiện Nghị quyết, nhận thức trong hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được nâng lên. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách được quan tâm xây dựng, hoàn thiện. Tổ chức bộ máy và công tác quản lý nhà nước từng bước được củng cố. Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã các cấp được thành lập từ Trung ương đến địa phương. Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, nhất là những năm gần đây có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài; đã xuất hiện thêm nhiều loại hình, mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cho các thành viên, góp phần xây dựng nông

thôn mới, bảo đảm an sinh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, từng bước khẳng định vị trí, vai trò nền tảng của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nền kinh tế quốc dân.

Bên cạnh các kết quả đạt được, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã vẫn còn hạn chế, bất cập. Phần lớn tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã có quy mô nhỏ, phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Số lượng hợp tác xã tuy tăng, nhưng số lượng thành viên có xu hướng giảm. Việc thực hiện chuyển đổi hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 còn nhiều vướng mắc. Sự liên kết, hợp tác giữa các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã với nhau và với các loại hình kinh tế khác còn yếu. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã còn nhiều bất cập; sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, hội quần chúng trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã còn thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả, đặc biệt là ở các cấp địa phương.

Đối với tỉnh Đắk Nông, trong những năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức, kinh tế tập thể nói chung và kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp nói riêng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đã có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh, đã tạo sự chuyển biến mới về chất trong tổ chức, quản lý, nội dung và phương thức hoạt động, xuất hiện một số mô hình hoạt động có hiệu quả, gắn bó chặt chẽ với lợi ích vật chất, tinh thần của các thành viên HTX.

Nhiều HTX nông nghiệp được củng cố, đổi mới, mô hình tổ chức, hoạt động ngày càng phù hợp, từng bước khẳng định vai trò, vị trí của mình và không ngừng nâng cao thu nhập cho các thành viên, hỗ trợ kinh tế hộ phát triển góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể, các HTX lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh vẫn chưa phát huy đúng tiềm năng, thế mạnh vốn có của loại hình kinh tế HTX, chưa thể hiện đầy đủ vai trò, vị trí chủ lực của HTX nông nghiệp trong xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn. Năng lực cạnh tranh thấp; chưa thu hút được nhiều loại hình sản xuất trong xã hội tham gia; thu nhập kinh tế từ kết quả hoạt động của HTX nông nghiệp đem lại cho các thành viên tham gia không cao; tính hợp tác, tương trợ cùng giúp nhau và tham gia phát triển

cộng đồng không mạnh; chất lượng quản lý, hiệu quả hoạt động chưa ngang tầm với yêu cầu phát triển. Sự liên kết, hợp tác giữa các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn với nhau và với các loại hình kinh tế khác còn yếu. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp còn nhiều bất cập; sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, hội quần chúng trong phát triển kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp còn thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả.

Nhìn chung các HTX nông nghiệp trên địa bàn vẫn còn yếu cả về năng lực quản lý và khả năng tài chính; công nghệ, kỹ thuật và qui mô hoạt động nhỏ bé; sức cạnh tranh yếu; hoạt động chủ yếu nhờ vốn tự có nhưng vốn cũng rất ít, chủ yếu nằm ở tài sản cố định. Bên cạnh đó, sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quá trình củng cố, đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác, HTX nông nghiệp trong thời gian qua của nhiều cấp, ngành, địa phương chưa thật quyết tâm, thiếu triệt để.

Từ những lý do trên, việc thực hiện xây dựng “*Đề án phát triển Kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021 - 2025*” là cần thiết, nhằm đánh giá lại một cách đầy đủ, toàn diện về thực trạng, các tiềm năng thế mạnh của tỉnh trong việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, xác định được những thuận lợi, khó khăn...từ đó đề ra phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tới.

## **2. Cơ sở pháp lý**

### **2.1. Văn bản của Trung ương**

- Luật Hợp tác xã năm 2012;
- Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;

- Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác;

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị;

- Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012;

- Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai thi hành Luật Hợp tác xã 2012;

- Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Quyết định số 1804/QĐ-TTg, ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 340/QĐ-TTg, ngày 12/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2030;

- Quyết định số 1318/QĐ-TTg, ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2030;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ

về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển KT – XH vùng đồng bào dân tộc và Miền núi giai đoạn 2021 – 2030;

- Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT, ngày 25/03/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc Phê duyệt đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022 – 2025.

## **2.2. Văn bản của địa phương**

- Kế hoạch số 485/KH-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc “Triển khai chương trình thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”;

- Chương trình số 15-CTr/TU ngày 11/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến và tiêu thụ ngành hàng nông sản đáp ứng chuỗi liên kết giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025;

- Chương trình hành động số 56-CTr/TU ngày 04/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về phê duyệt Đề án tổ chức, củng cố lại hoạt động của các Hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 1390/QĐ-UBND, ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1391/QĐ-UBND, ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt Đề án quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc ban hành kế hoạch thực hiện Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

- Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 22/7/2021 về việc triển khai Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Kinh tế tập thể, Hợp tác xã giai đoạn 2021-2030;

- Kết luận Số 809-KL/TU, ngày 19/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và triển khai Kế hoạch Số 433/KH-UBND, ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh về Phát triển nông nghiệp bền vững theo chuỗi liên kết giai đoạn 2020-2025;

- Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc xây dựng mô hình điểm Chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm đối với THT, HTX trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định số 638/QĐ-SNN, ngày 16/11/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Đề cương và dự toán xây dựng Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021 – 2025.

### **III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Thu thập thông tin, số liệu**

- Thu thập số liệu thứ cấp: Gồm các tài liệu, báo cáo, bản đồ, các

chương trình, dự án, đề án, chính sách, ... có liên quan vấn đề nghiên cứu (Báo cáo và bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, tỉnh; niên giám thống kê của tỉnh, các huyện, thành phố Gia Nghĩa; ...).

- Thu thập số liệu sơ cấp: Thông qua 02 mẫu phiếu điều tra (dành cho tổ chức và hộ sản xuất).

\* *Đối tượng điều tra, khảo sát thu thập thông tin*: Tổng cục Thống kê; các Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan của tỉnh như Cục Thống kê; các Sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị có liên quan; UBND các huyện, thành phố; Liên hiệp hợp tác xã, các HTX/THT nông nghiệp, hộ sản xuất nông nghiệp, ....

## **2 Tổng hợp, phân tích dữ liệu, số liệu xây dựng dự thảo Đề án**

\* *Nội dung*: Tổng hợp, phân tích đánh giá, xử lý dữ liệu thu thập được, phân tích dữ liệu phiếu điều tra, thực hiện các tính toán các chỉ tiêu liên quan nhằm phục vụ cho việc đánh giá thực trạng; phân tích SWOT; các yếu tố tác động; dự báo quá trình phát triển; đồng thời chọn lọc tiếp thu một cách đồng bộ và có khoa học để tổng hợp viết dự thảo “*Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025*”.

\* *Phương pháp*:

- Phương pháp kế thừa: Kế thừa các nghiên cứu trước đây còn giá trị sử dụng có liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh);

- Phương pháp phân tích thống kê: Mô tả, so sánh, phân phối, đo lường, dự đoán, dự báo, tương quan và các mối quan hệ...

- Phương pháp toán kinh tế: Sử dụng phần mềm phân tích định lượng như: EXCEL, SPSS, EVIEW,... để đánh giá, phân tích các số liệu thu thập được theo chuỗi thời gian.

## PHẦN THỨ NHẤT

### ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK NÔNG

#### I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

##### 1. Vị trí địa lý

Tỉnh Đắk Nông nằm ở phía Tây Nam vùng Tây Nguyên, phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp tỉnh Bình Phước, phía Tây giáp Campuchia với 141 km đường biên giới. Diện tích tự nhiên của tỉnh 6.516,6 km<sup>2</sup>. Dân số trung bình năm 2021 là 664.416 người. Toàn tỉnh có 8 huyện, thành phố bao gồm: Huyện Cư Jút, Đắk Mil, Krông Nô, Đắk Song, Đắk R'Lấp, Đắk G'Long, Tuy Đức và thành phố Gia Nghĩa.

Trung tâm tỉnh lỵ là thành phố Gia Nghĩa; Đắk Nông có Quốc lộ 14 nối Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền đông Nam bộ với các tỉnh Tây Nguyên, cách Thành phố Hồ Chí Minh 230 km về phía Bắc và cách thành phố Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) 120 km về phía Tây Nam; có Quốc lộ 28 nối Đắk Nông với Lâm Đồng, Bình Thuận và các tỉnh Duyên hải miền Trung. Với vị trí địa lý trên, tạo điều kiện thuận lợi cho Đắk Nông trong việc tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp cũng như khả năng thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

##### 2. Khí hậu thời tiết

Căn cứ hệ thống phân loại của W.Koppen và phân vùng khí hậu nông nghiệp theo các chỉ tiêu do Tổ chức Nông lương thế giới (FAO) đề xuất, Giáo sư - Tiến sỹ Trần An Phong và các cộng sự đã phân Đắk Nông gồm 3 vùng khí hậu nông nghiệp:

+ Vùng I (vùng bình nguyên Cư Jút + một số xã phía bắc huyện Krông Nô): Vùng khí hậu nông nghiệp có độ dài mùa sinh trưởng  $\leq 220$  ngày/năm, tổng tích ôn (ST)  $> 9000^{\circ}\text{C}$ .

+ Vùng II (huyện Đắk Mil, Krông Nô và Đắk Song): Vùng khí hậu nông nghiệp có độ dài mùa sinh trưởng từ 220 - 240 ngày,  $8000^{\circ}\text{C} < \text{ST} \leq 9000^{\circ}\text{C}$ .



+ Vùng III (Đắk Glong, thành phố Gia Nghĩa, Tuy Đức, Đắk R'lấp):  
Vùng khí hậu nông nghiệp có độ dài mùa sinh trưởng > 240 ngày,  $8500^{\circ}\text{C} > \text{ST} > 8000^{\circ}\text{C}$ .

#### *Lượng mưa*

Mùa mưa bắt đầu và kết thúc ở các vùng trên địa bàn tỉnh cũng có sự khác nhau, phổ biến từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa trung bình năm trên toàn vùng khoảng 1.800 mm - 2.200 mm, mùa mưa lượng mưa chiếm khoảng 75% tổng lượng mưa cả năm. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau, lượng mưa trung bình trên toàn vùng khoảng 400 mm, chiếm khoảng 25% tổng lượng mưa cả năm. Trong 10 năm (từ năm 2011- 2020), năm có lượng mưa cao nhất là năm 2017 với 2.722,8 mm; năm 2011 có lượng mưa thấp nhất 1.759,8 mm. Phân phối mưa trong năm không đều, những tháng mùa mưa có lượng mưa tập trung, còn các tháng mùa khô khi nhu cầu nước tăng cao, đặc biệt cho sản xuất nông nghiệp, thì lượng mưa rất nhỏ. Do vậy ở Đắk Nông, nước ngầm là một yếu tố quan trọng duy trì sản xuất nông nghiệp.

#### *Nhiệt độ*

Do ảnh hưởng của khí hậu cao nguyên nhiệt đới ẩm và gió mùa Tây Nam khô nóng, nên nhiệt độ Đắk Nông có sự chênh lệch giữa các tháng là không lớn. Nhiệt độ trung bình giai đoạn từ năm 2011 - 2020 thấp nhất là  $21,35^{\circ}\text{C}$  (tháng 1) và nhiệt độ trung bình cao nhất là  $25,14^{\circ}\text{C}$  (tháng 5). Nhiệt độ trung bình năm dao động khoảng  $22-25^{\circ}\text{C}$ ; trung bình năm khoảng  $23,5^{\circ}\text{C}$ .

### **3. Địa hình**

Đắk Nông nằm trọn trên cao nguyên M'Nông, độ cao trung bình khoảng 600 m đến 700m so với mặt nước biển, có nơi lên đến 1.982 m (Tà Đùng). Nhìn tổng thể, địa hình Đắk Nông như hai mái của một ngôi nhà mà đường nóc là dãy núi Nam Nung, chạy dài từ Đông sang Tây, có độ cao trung bình khoảng 800 m, có nơi cao đến hơn 1.500 m. Các dạng địa hình như sau:

- Địa hình thung lũng thấp có độ dốc từ  $0-3^{\circ}$  chủ yếu phân bố dọc sông Krông Nô, Sêrêpôk, thuộc các huyện Cư Jút, Krông Nô.

- Địa hình cao nguyên đất đỏ bazan chủ yếu ở huyện Đắk Mil và Đắk Song, độ cao trung bình 600 - 800 m, độ dốc khoảng  $5-10^{\circ}$ .

- Địa hình chia cắt mạnh và có độ dốc lớn  $> 15^0$  phân bố chủ yếu trên địa bàn các huyện Đắk Glông, Đắk R'Lấp.

#### **4. Đất đai**

Kết quả phân loại đất theo FAO-UNESCO do Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp thực hiện, đất Đắk Nông được chia thành 11 nhóm đất như sau:

*a. Nhóm đất phù sa (P):* Là loại đất được hình thành trên thềm bồi tích hiện tại của các sông, ngòi suối, phạm vi hẹp chỉ cách bờ từ vài chục đến vài trăm mét nên không tạo thành các vùng lớn. Đất có tầng dày, quá trình thổ nhưỡng trong đất xảy ra chậm, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, độ phì tương đối khá....thích hợp cho các loại cây lúa và màu như đậu, ngô. Diện tích đất phù sa toàn tỉnh là 2.670 ha, chiếm 0,41% diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

*b. Nhóm đất Gley (GL):* Nhóm đất Gley có diện tích là 5.303 ha, chiếm 0,81% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Phân bố tập trung ở các vùng trung thung lũng, hợp thủy vùng núi, ngập nước theo mùa và các khu vực đồng bằng thấp xa sông, ngập nước quanh năm hoặc nhiều tháng, mực nước ngầm nông. Loại đất này phù hợp cho trồng lúa và các loại cây trồng cạn vào mùa khô.

*c. Nhóm đất mới biến đổi:* Diện tích đất là 11.125 ha, chiếm 1,71% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Phân bố trên các đồng bằng nhỏ phù sa của các sông suối, là đất có hàm lượng dinh dưỡng cao. Do được phân bố tại các khu vực thuận lợi nguồn nước nên có ưu thế cho phát triển lúa và cây màu hàng năm.

*d. Nhóm đất đen:* Diện tích đất là 1.293 ha, chiếm 0,2% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Phân bố ở những nơi có địa hình thoải, ít dốc, xung quanh các miệng núi lửa cũ, vùng rìa các khối bazan, nơi tiếp giáp giữa đồng bằng và miền núi. Nhóm đất này thuận lợi cho việc trồng các loại cây trồng cạn như đậu đỗ, điều, các loại cây ăn quả và cho năng suất cao.

*e. Nhóm đất nâu (XK):* Diện tích đất là 11.731 ha, chiếm 1,8% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Phân bố ở địa hình sườn thoải, khá bằng, trong vùng khí hậu bán khô hạn. Thuận lợi cho việc trồng các loại cây hoa màu, cây ăn quả,

cây công nghiệp lâu năm và lúa nước (những nơi có nước tưới). Tuy nhiên khi khai thác loại đất này cần có các biện pháp canh tác hợp lý để tạo độ phì cho đất, chống xói mòn, rửa trôi.

*f. Nhóm đất xám:* Diện tích đất là 183.995 ha, chiếm 28,25% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Phân bố hầu hết ở các huyện, thị và ở nhiều dạng địa hình khác nhau. Mặc dù có thể khai thác trồng nhiều các loại cây trồng cạn ngắn ngày, dài ngày và những khu vực thuận lợi nguồn nước có thể trồng lúa, nhưng ở khu vực địa hình cao dốc có thể khoanh nuôi tái sinh trồng rừng.

*g. Nhóm đất nâu thẫm (PH):* Diện tích đất là 27.387 ha, chiếm 4,2% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Loại đất này thích hợp cho việc trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày như bông vải, thuốc lá và trồng một số cây ăn quả như măng cầu, cây công nghiệp dài ngày (cà phê, điều...).

*h. Đất có tầng sét chặt, cơ giới phân dị (PL):* Diện tích đất là 339 ha, chiếm 0,05% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Hiện tại trên đất này có nhiều rừng khộp cần được khoanh nuôi bảo vệ, ở những nơi địa hình ít dốc, có nguồn nước có thể cải tạo để trồng lúa hoặc các cây trồng cạn ngắn ngày.

*i. Nhóm đất đỏ (FR):* Là nhóm đất có diện tích lớn nhất (395.431 ha), chiếm 60,71% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Loại đất này phù hợp với nhiều loại cây lâu năm và có giá trị kinh tế cao như cà phê, ca cao, hồ tiêu, cây ăn quả.

*k. Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá (E):* Diện tích đất là 9.389 ha, chiếm 1,44% diện tích đất tự nhiên của tỉnh, phân bố trên đất dốc hạn chế tầng dày, chủ yếu ở Cư Jút. Loại đất này chỉ có thể khoanh nuôi, trồng, tu bổ rừng.

*l. Nhóm đất nứt nẻ:* Diện tích đất là 2.682 ha, chiếm 0,41% diện tích đất tự nhiên của tỉnh, phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng bồi tụ bazan. Loại đất này đang được sử dụng để trồng lúa, cây lúa phát triển tốt cho năng suất cao.

## **5. Nguồn nước**

Địa phận tỉnh Đắk Nông có hai hệ thống sông chính chảy qua là hệ thống sông Sêrêpôk và hệ thống sông Đồng Nai. Sông Sêrêpôk đoạn chảy qua Đắk Nông dài khoảng 125km, lòng sông hẹp và dốc, có khả năng phát triển du lịch và thủy điện; Hệ thống sông Đồng Nai, có các nhánh ở thượng nguồn

như suối Đắc Rung, suối Đắc Nông, suối Đắc R'tít, suối Đắc Buk So, suối Đắc R'lấp,... có nước quanh năm.

## II. KHÁI QUÁT KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016 - 2021

### 1. Dân số

Dân số toàn tỉnh Đắc Nông đến 2021 là 664.416 người, tốc độ tăng trưởng dân số bình quân đạt 1,74%/năm trong giai đoạn 2016 – 2021. Toàn tỉnh có 40 dân tộc chung sống, người Kinh chiếm trên 70%, dân tộc thiểu số tại chỗ M'Nông, Ê Đê, Mạ chiếm 11,4%, còn lại là các dân tộc khác như H'Mông, Nùng, Thái, Tày,...

**Bảng 1: Dân số tỉnh Đắc Nông qua các năm**

*Đvt: Người*

TT	Đơn vị hành chính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2021	Tăng BQ (%)
	<b>Tổng số</b>	<b>609.595</b>	<b>628.067</b>	<b>645.401</b>	<b>664.416</b>	<b>1.74</b>
1	TP. Gia Nghĩa	58.644	60.748	63.025	65.301	2.17
2	H.Đắc G'Long	58.701	63.203	65.200	67.171	2.73
3	H. Cư Jút	99.983	100.986	101.721	105.312	1.04
4	H. Đắc Mil	104.308	106.200	107.560	110.811	1.22
5	H. Krông Nô	74.812	76.816	78.235	80.743	1.54
6	H. Đắc Song	76.481	79.482	81.279	83.736	1.83
7	H. Đắc R'Lấp	86.385	88.329	89.666	92.376	1.35
8	H. Tuy Đức	50.281	52.303	58.715	58.966	3.24

*Nguồn: Niên giám thống kê và báo cáo KT-XH tỉnh Đắc Nông năm 2021*

### 2. Lao động, việc làm

Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Đắc Nông năm 2021 là 445.158 người, trong đó lao động trong ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp là 286.815 người (chiếm 64,43%); lao động ngành Công nghiệp – Xây dựng là 43.180 người (chiếm 9,7%); lao động ngành Thương mại, dịch vụ là 115.162 người (chiếm 25,87%). Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, kéo theo sự dịch chuyển cơ cấu lao động. Theo đó, lao động trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm ở ngành nông – lâm - ngư nghiệp và tăng ở các ngành

phi nông nghiệp trong cơ cấu lao động. Năm 2010, lao động ngành nông nghiệp chiếm tới 81,37% trong cơ cấu lao động toàn tỉnh thì đến năm 2018, lao động ngành nông nghiệp chỉ còn khoảng 68%. Tỷ lệ thất nghiệp giảm qua các năm từ 0,6% (năm 2010) còn 0,3% năm 2021. Tuy nhiên, lao động nông – lâm – ngư nghiệp trong độ tuổi chưa qua đào tạo còn rất cao, đây là thách thức lớn cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông.

### **3. Kinh tế**

#### **3.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Trong giai đoạn 2016 – 2021, kinh tế tỉnh Đắk Nông có bước phát triển khá. Năm 2016, giá trị sản phẩm bình quân đạt 16.063 tỷ đồng, đến năm 2021 đạt 20.727 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản phẩm bình quân giai đoạn 2016 - 2021 đạt 5,23%/năm. Trong đó, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2016 – 2021 của ngành nông – lâm – ngư nghiệp là 3,75%/năm; Ngành công nghiệp – xây dựng tăng 12,57%/năm (trong đó ngành công nghiệp tăng 12,46%/năm); ngành dịch vụ tăng 3,57%/năm; thuế sản phẩm tăng 6,53%/năm.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh Đắk Nông đã từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng, đồng thời giảm tỷ trọng của ngành nông - lâm - ngư nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, tuy nhiên mức độ chuyển dịch còn chưa cao. Đối với ngành nông - lâm - ngư nghiệp: Năm 2016, tổng giá trị sản phẩm của ngành chiếm 45,52% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, đến năm 2021 giảm xuống còn 38,11% trong cơ cấu; ngành công nghiệp - xây dựng: Năm 2016, chỉ chiếm 13,67% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, đến năm 2021 chiếm 18,74% trong cơ cấu.

*(Chi tiết thể hiện ở phụ lục 9,10)*

#### **3.2. Các ngành kinh tế**

##### **3.2.1. Ngành nông – lâm - ngư nghiệp**

Tổng giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp, thủy sản năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (theo giá hiện hành) là 13.193 triệu đồng. Trong hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh thì lĩnh vực nông nghiệp vẫn là ngành chủ đạo chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu ngành.

*\*. Lĩnh vực nông nghiệp*

Trong giai đoạn 2016 – 2021, lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh Đắk Nông có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 3%/năm. Những năm gần đây, ngành nông nghiệp chú trọng phát triển chăn nuôi gia súc gia cầm theo quy mô trang trại, mang tính sản xuất hàng hóa. Sản xuất chăn nuôi đã hướng vào phát triển những con gia súc, gia cầm có lợi thế so sánh và giá trị kinh tế cao. Cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh có sự dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chăn nuôi (từ 7,3% năm 2016 tăng lên 12% năm 2021), dịch vụ nông nghiệp (tăng từ 1,8% năm 2016 lên 4% năm 2021) và giảm tỷ trọng ngành trồng trọt (từ 90,9% năm 2016 giảm xuống còn 84% năm 2021). Đây là hướng chuyển dịch đúng nhằm phát huy tốt tiềm năng lợi thế và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững cả về kinh tế - xã hội và môi trường, cơ cấu lại lao động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Tuy vậy, ngành trồng trọt vẫn là ngành chủ đạo, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu ngành nông nghiệp.

*\*. Lĩnh vực lâm nghiệp*

Lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng 1,72%/năm, tăng chủ yếu ở lĩnh vực khai thác gỗ lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp. Cơ cấu ngành lâm nghiệp của tỉnh năm 2021: Trồng và chăm sóc rừng chiếm 33%, khai thác gỗ và lâm sản chiếm 30%, còn lại là dịch vụ lâm nghiệp chiếm và thu nhập sản phẩm từ rừng.

*\*. Lĩnh vực thủy sản:* Lĩnh vực thủy sản đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 8,04%/năm, trong đó tăng chủ yếu là lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (9,57%/năm).

### 3.2.2. Ngành công nghiệp

Các ngành có đóng góp chủ yếu trong ngành công nghiệp là ngành chế biến nông, lâm sản và khai khoáng, sản xuất điện đã ở mức tới hạn, khó có khả năng gia tăng quy mô (theo phương thức hiện nay). Công nghiệp chế biến nông lâm sản và thực phẩm chủ yếu là chế biến thô, ở nấc thang thấp của chuỗi sản xuất (sản xuất nguyên liệu đầu vào), phụ thuộc nhiều vào diễn biến thị trường.

*- Thực trạng sản xuất và chế biến nông - lâm sản:*

+ *Chế biến cà phê:* Chế biến cà phê nhân xô (nguyên liệu) để xuất khẩu, theo phương pháp chế biến ướt và chế biến khô, chế biến cà phê bột

phục vụ thị trường nội tỉnh; Chế biến theo phương pháp khô (sơ chế): 70 - 80% tự người dân trang bị loại máy xay xát nhỏ chế biến cà phê nhân xô. Ở quy mô công nghiệp, toàn tỉnh có 25 cơ sở chế biến cà phê theo phương pháp xát khô gồm nhiều ngành, nhiều thành phần kinh tế tham gia, tập trung nhiều ở huyện Đắk Mil: 10 cơ sở; Cư Jút: 04 cơ sở; Đắk Song: 06 cơ sở; Đắk R'Lấp: 04 cơ sở và thành phố Gia Nghĩa: 01 cơ sở.

Phương pháp chế biến ướt: Trên địa bàn có cơ sở chế biến ướt của Công ty cà phê Đắk Nông với 03 cơ sở (01 cơ sở tại khu vực công ty, 01 cơ sở tại Nông trường Đắk Ngo và 01 cơ sở tại khu vực xí nghiệp) tổng công suất thiết kế của 03 cơ sở là 21 tấn/h, công suất thực tế: 15 tấn/h và 01 cơ sở chế biến của Công ty cà phê Tháng 10 đóng tại xã Đắk Buk So (huyện Tuy Đức), công suất 500 - 600 tấn/năm; HTX Nông nghiệp Công Bằng Thuận An (huyện Đắk Mil). Ngoài ra, còn các cơ sở chế biến ướt của các hộ dân và một số HTX trên địa bàn huyện Krông Nô, TP. Gia Nghĩa.

+ *Chế biến tiêu*: Hai địa phương có diện tích tiêu ổn định và tập trung nhất là huyện Đắk R'Lấp và huyện Đắk Song, hai huyện này cũng là địa phương có cơ sở chế biến tiêu trên địa bàn tỉnh. Tại huyện Đắk R'lấp có 02 cơ sở chế biến tiêu sọ của Công ty TNHH Nhân Tài ở xã Nghĩa Thắng và doanh nghiệp tư nhân Toàn Hằng ở xã Nhân Cơ với sản lượng 1.000 tấn/năm/cơ sở. Tại huyện Đắk Song cũng có 03 cơ sở đang hoạt động là Công ty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu An Phong Đắk Nông và nhà máy chế biến tiêu xuất khẩu của công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tổng Hợp 1 Việt Nam đặt tại xã Trường Xuân.

+ *Chế biến sản phẩm chăn nuôi*: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 18 cơ sở giết mổ tập trung với công suất thực tế giết mổ trung bình từ 30 - 60 con gia súc/ngày. Các điểm giết mổ hầu hết nằm trong khu dân cư, không đảm bảo tiêu chí về địa điểm, quy mô diện tích hoạt động, không có các khu vực tách riêng, dụng cụ giết mổ còn thô sơ.

Vận chuyển thịt xẻ chủ yếu bằng xe máy đến các chợ; dụng cụ chứa đựng thô sơ, nước rửa chưa được kiểm tra, chưa xử lý chất thải rắn (lông, phân, rác) và nước rửa thường đổ chung vào nước thải sinh hoạt của gia đình, không qua xử lý, gây ô nhiễm môi trường, nên sản phẩm rất dễ bị nhiễm bẩn,

nhiễm vi sinh vật gây hại, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và dễ lây lan dịch bệnh.

+ *Chế biến thức ăn chăn nuôi*: Hiện tại KCN Tâm Thắng có 01 cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi đang hoạt động của doanh nghiệp tư nhân Phú Lợi, công suất 960 tấn/năm.

### 3.2.3. Ngành thương mại – dịch vụ

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của tỉnh Đắk Nông tăng từ 4.217 tỷ đồng năm 2010 lên 14.500 tỷ đồng năm 2018 (giá hiện hành) và tăng lên 15.538 tỷ đồng trong năm 2021. Hoạt động thương mại, dịch vụ đã cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân trong vùng.

- Xuất nhập khẩu: Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh tăng từ 250,15 triệu USD năm 2010 lên 990 triệu USD năm 2018 và đạt 1 tỷ USD năm 2021, các sản phẩm chủ yếu là cà phê, điều, tiêu, Alumin (trong đó giá trị xuất khẩu cà phê chiếm 27%, điều chiếm 46%, tiêu chiếm 12% và Alumin chiếm 13%).

## III. CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 1. Giao thông

Tỉnh Đắk Nông hiện có duy nhất 01 phương thức vận tải đường bộ, toàn tỉnh hiện có 4.800 km đường bộ, đã nhựa hóa 3.200 km, trong đó quốc lộ gồm 03 tuyến dài 497 km, tỷ lệ nhựa hóa đạt 100%; tỉnh lộ gồm 06 tuyến dài 226 km, tỷ lệ nhựa hóa 100%; đường đô thị dài 297 km, tỷ lệ nhựa hóa đạt 87%; đường huyện dài 650 km, tỷ lệ nhựa hóa đạt 78%; còn lại là đường xã thôn, buôn tỷ lệ nhựa hóa đạt 37%.

Như vậy, hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong những năm gần đây phát triển khá nhanh đáp ứng tốt nhu cầu phát triển các ngành kinh tế; đối với nông nghiệp có thể xem là một thuận lợi không nhỏ bởi các loại vật tư nông nghiệp hàng hóa nông sản có thể được vận chuyển một cách nhanh chóng, đáp ứng tốt yêu cầu về thời vụ và chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, giao thông nội đồng trên địa bàn tỉnh vẫn còn khá nhiều bất cập, cần phải xem việc hoàn chỉnh hệ thống giao thông nội đồng vừa là mục tiêu trong xây dựng nông thôn mới, vừa là giải pháp quan trọng để nông nghiệp phát triển một cách bền vững.



## **2. Thủy lợi**

Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông hiện có 283 công trình thủy lợi, trong đó có 240 công trình hồ chứa, 25 đập dâng, 09 trạm bơm, 09 kênh tiêu. Hiện Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông quản lý 252 công trình thủy lợi với tổng số hơn 185 km kênh tưới và 17 km kênh tiêu, còn lại các địa phương quản lý 31 công trình thủy lợi.

Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới trên địa bàn là 80%. Nhìn chung các công trình thủy lợi trên địa bàn phần lớn quy mô nhỏ, nhiều công trình xây dựng không đồng bộ, kênh mương hầu hết là kênh đất, đã hư hỏng, gây tổn thất nước lớn, công tác sử dụng và khai thác tùy tiện, hiệu quả thấp. Do đó, tình trạng thiếu nước cho sản xuất trong mùa khô tại một số khu vực ngày càng nghiêm trọng ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp.

Ngoài các công trình thủy lợi kể trên thì trên địa bàn tỉnh còn có 120 sông suối lớn nhỏ kết hợp với 1.450 đập tạm, đập bồi do dân tự làm, 19.582 ao chứa nước, 13.144 giếng khơi, giếng khoan do dân tự làm để tưới cà phê, hồ tiêu và có 103/230 công trình cấp nước tập trung đang hoạt động.

Tuy nhiên, so với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp, năng lực của các công trình thủy lợi trên địa bàn vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu tưới tiêu nông nghiệp, hiệu suất sử dụng của một số công trình còn khá thấp.

## **3. Điện**

### **3.1. Hiện trạng lưới điện**

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, có đường dây 500kV với tổng chiều dài 242,35 km (trong đó Truyền tải điện Đắk Lắk quản lý 4,35 km); 01 trạm áp với tổng dung lượng 900 MVA; Đường dây 220 KV với tổng chiều dài 304,75 km (trong đó truyền tải điện Đắk Lắk quản lý 34,67 km); 01 trạm biến áp với tổng dung lượng 250 MVA; Đường dây 110 KV với tổng chiều dài 183,853 km; 05 trạm biến áp với tổng dung lượng 283 MW (TBA 110 kV Cư Jút (E56)-103 MVA, TBA 110kV Đắk Mil-50 MVA; TBA 110 kV Đắk Song-25 MVA, TBA 110 kV Đắk Nông (E54)-80 MVA; TBA 110 kV Đắk R'lấp-25 MVA).

Đường dây trung áp 35 kV, 22 kV với tổng chiều dài 1783,12 km (ngành điện 1.546,56 km, khách hàng 236,55km); 2.009 trạm biến áp với tổng

dung lượng 329.28 kVA (ngành điện 1.318 trạm với tổng dung lượng 194.805kVA; khách hàng 691 trạm với tổng dung lượng 134.474 kVA); Đường dây hạ áp với tổng chiều dài 2.029,807 km (ngành điện 1.836,354, khách hàng 193,528 km); Số xã, phường có điện đạt tỷ lệ 100%. Số thôn, bon, buôn có điện đạt tỷ lệ 99%. Số hộ được sử dụng điện đạt tỷ lệ 97,5%.

### **3.2. Các dự án thủy điện đang vận hành**

Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và giáp ranh giữa tỉnh Đắk Nông với tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng có 22 Nhà máy thủy điện đã đưa vào vận hành phát điện với tổng công suất 1.640 MW, điện lượng sản xuất trung bình năm khoảng 6,85 tỷ kWh/năm. Trong đó, có 14 công trình có nhà máy nằm trên địa bàn tỉnh với công suất 349,11 MW, điện lượng trung bình khoảng 1,5 tỷ kWh/năm; năm 2018, sản lượng điện của các nhà máy nằm trên địa bàn tỉnh đạt 1.553 triệu kWh.

### **4. Các khu, cụm công nghiệp**

Tỉnh Đắk Nông hiện có 02 Khu công nghiệp: KCN Tâm Thắng (huyện Cư Jú) tỷ lệ lấp đầy KCN đạt 91,59%, KCN Nhân Cơ (huyện Đắk R'Lấp) tỷ lệ lấp đầy KCN đạt 86,49%. Các khu công nghiệp trên địa bàn đã thu hút được 39 dự án đầu tư, tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp là 82,26%. Hiện tại trên địa bàn tỉnh có Cụm công nghiệp Thuận An (huyện Đắk Mil); cụm công nghiệp Quảng Tâm (huyện Tuy Đức).

## **PHẦN THỨ HAI**

### **THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

#### **I. SƠ LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM**

Đến năm 2020, khu vực kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp được đánh giá là đã có bản khắc phục được những hạn chế, yếu kém kéo dài và đang có nhiều tiềm năng, cơ hội để phát triển (theo đánh giá của Trung ương tại Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị).

- Về số lượng HTX: Tính đến 31/12/2021, cả nước có khoảng 18.327 HTX nông nghiệp và 79 Liên hiệp HTX nông nghiệp. Như vậy, sau 20 năm thực hiện Nghị quyết 13, số lượng HTX nông nghiệp tăng 12.569 HTX; còn so với thời điểm 31/12/2013, khi Luật HTX có hiệu lực thì số lượng HTX nông nghiệp cả nước tăng khoảng 7.917 HTX. Từ năm 2013 đến nay, số lượng HTX nông nghiệp tăng nhanh, trung bình mỗi năm tăng gần 800 HTX, giai đoạn 2017 - 2021 cao gấp hơn 3 lần giai đoạn trước đó (2012-2016). Không chỉ tăng nhanh về số lượng, mà chất lượng và hiệu hoạt động của các HTX nông nghiệp cũng đã được cải thiện. Tỷ lệ các HTX nông nghiệp được đánh giá xếp loại khá, tốt đã tăng từ 10% (năm 2013) lên 33% (hết năm 2016) và trên 60% năm 2020.

- Thành viên và lao động trong HTX: Đến hết năm 2021, cả nước có khoảng 3,23 triệu thành viên (tăng 473 nghìn thành viên so với năm 2001 nhưng giảm khoảng 1,87 triệu thành viên so với năm 2013). Trung bình 1 HTXNN có 176 thành viên. Số lượng thành viên giảm do các HTX giải thể đa số là các HTX kiểu cũ, đông thành viên, trong khi các HTX mới thành lập quy mô thành viên ít. Vì vậy, trong giai đoạn 2013-2021, mặc dù thành viên HTX bị giảm đi về số lượng, nhưng chất lượng thành viên được nâng cao (họ thực sự có nhu cầu hợp tác). Tổng số lao động thường xuyên trong HTX nông nghiệp khoảng 550 nghìn người (tăng 94 nghìn lao động so với năm 2002 và tăng 143 nghìn người so với năm 2013). Trong đó, lao động là thành viên HTX khoảng 259 nghìn người, chiếm tỷ lệ 47%.

- Về chất lượng và hiệu quả hoạt động: Đến nay cả nước có 2.297 HTX nông nghiệp đã thành lập doanh nghiệp trong HTX và 2.200 HTX ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, tương ứng bằng 13% và 12% tổng số HTXNN cả nước. Đặc biệt đã có trên 4.339 HTX nông nghiệp đảm nhận bao tiêu nông sản, bằng 24,5% tổng số HTX nông nghiệp; tỷ lệ này trước năm 2015 chỉ là 5-7%. Mỗi HTX nông nghiệp cung cấp từ 7-16 dịch vụ cho thành viên và hộ nông dân (cung ứng giống, vật tư phân bón, bảo vệ thực vật; làm đất, tưới tiêu, công nghệ sản xuất; thu hoạch; sơ chế, bảo quản). Các hoạt động dịch vụ của HTX đã góp làm tăng thu nhập nông nghiệp trung bình của hộ thành viên là 20%, qua đó thể hiện đúng bản chất của HTX, khẳng định được vị trí, vai trò của HTX trong chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng NTM. Trong tổng số trên 5.000 sản phẩm OCOP cả nước, có 39% số sản phẩm thuộc về các tổ hợp tác, HTX. Tổng vốn hoạt động của các HTX nông nghiệp hiện nay khoảng 29.425 tỷ đồng, bình quân/HTX là 1,61 tỷ đồng (tăng khoảng 800 triệu đồng/HTX so với năm 2013). Năm 2020, doanh thu bình quân/HTX đạt 2,44 tỷ đồng/năm (tăng gấp 5,64 lần so với năm 2001 và tăng 3,35 lần so với năm 2011); thu nhập bình quân của lao động thường xuyên đạt 40,5 triệu đồng/năm (gấp 9,1 lần so với năm 2001).

Bên cạnh các kết quả đạt được, khu vực kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp vẫn còn hạn chế, bất cập. Nhận thức của người dân, cơ quan quản lý về kinh tế tập thể, nhất là HTX kiểu mới được nâng lên nhưng vẫn còn tâm lý e ngại tham gia HTX và kinh tế hợp tác. Tốc độ tăng trưởng còn thấp so với các khu vực kinh tế khác, tỉ trọng đóng góp vào GDP chưa ngang tầm, đáp ứng yêu cầu. Phần lớn tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp có quy mô nhỏ, phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp còn nhiều bất cập; thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả, đặc biệt là ở các cấp địa phương, còn nhiều đầu mối các cơ quan có chức năng về quản lý kinh tế hợp tác. Chính sách và nguồn lực hỗ trợ cho phát triển kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp còn hạn chế, phân tán, chủ yếu là lồng ghép.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Công tác tổ chức thực

hiện vẫn là khâu yếu, nhận thức của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đảng viên và người dân về bản chất, vị trí, vai trò của khu vực kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, bị chi phối, ảnh hưởng bởi định kiến về mô hình HTX kiểu cũ.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền còn hình thức, chưa thực sự quan tâm, thậm chí còn hoài nghi về sự thành công của kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp nhiều nhưng dàn trải, phân tán, thiếu nguồn lực thực hiện, chưa tạo xung lực phát triển mạnh mẽ.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực thi pháp luật chưa thường xuyên. Việc đánh giá về hiệu quả và đóng góp của kinh tế tập thể trong nền kinh tế còn chưa đầy đủ; còn thiếu sót trong tính toán về đóng góp của các tổ chức kinh tế hợp tác đã dẫn đến việc hạ thấp vai trò, vị trí của thành phần kinh tế tập thể trong nền kinh tế của nước ta.

## **II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

### **1. Thực trạng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Đắk Nông**

#### **1.1. Đánh giá hiện trạng phát triển các Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp**

- *Số lượng các HTX nông nghiệp*: Thực hiện Luật HTX năm 2012, Nghị định 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số điều của Luật HTX, nhằm đổi mới toàn diện cả về nội dung và hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp; củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các HTX; xây dựng và phát triển các mô hình HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Trong giai đoạn 2012 – 2021, số HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông không ngừng tăng lên qua các năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân của các HTX nông nghiệp giai đoạn 2012 – 2021 đạt 10,88%.

**Bảng 2: Thực trạng các HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012 - 2021**

Stt	Hạng mục	Đvt	Năm 2012	Năm 2015	Năm 2021	Tăng, giảm BQ (%)
1	Tổng số HTX nông nghiệp (đăng ký hoạt động)	HTX	63	105	177	10,88
	Số hợp tác xã nông nghiệp thành lập mới	HTX	4	8	15	14,13
	Số HTX nông nghiệp giải thể	HTX	2	3	4	7,18
2	Số HTX đang hoạt động	HTX	41	87	136	12,74
3	Tổng số thành viên HTX nông nghiệp	Thành viên	549	928	1.977	13,67
4	Tổng số lao động thường xuyên trong các HTX nông nghiệp	LĐ	401	894	1545	14,44
	Số lao động thường xuyên mới	LĐ	195	248	789	14,99
	Số lao động là thành viên HTX	LĐ	206	280	756	13,90
5	Tổng vốn hoạt động của các HTX nông nghiệp	Triệu đồng	2.110	15.670	30.431	30,59
6	Tổng giá trị tài sản của các HTX nông nghiệp	Triệu đồng	8.017	18.760	38.038	16,85
7	Doanh thu bình quân của một HTX nông nghiệp	Triệu đồng/năm	305	780	1.144	14,13
8	Lợi nhuận bình quân của HTX nông nghiệp	Triệu đồng/năm	113	201	308	10,61
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX nông nghiệp	Triệu đồng/năm	27.6	32.5	46.2	5,28
10	Tổng số cán bộ quản lý của HTX nông nghiệp	Người	66	261	476	21,84
	Số cán bộ quản lý HTX nông nghiệp đã qua đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp	Người	18	34	85	16,79
	Số cán bộ quản lý HTX nông nghiệp đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	12	47	70	19,29

*Nguồn: Báo cáo các huyện, thành phố và số liệu khảo sát*

Tuy vậy, số HTX lĩnh vực nông nghiệp đã và đang hoạt động năm 2012 là 41 HTX, đến năm 2021 có 136 HTX nông nghiệp đang hoạt động. HTX ngừng hoạt động đang chờ giải thể: Là 41 HTX, chiếm tỷ lệ 23,16% trong

tổng số HTX đăng ký kinh doanh.

**Bảng 3: Thực trạng phân bố các HTX nông nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh**

Stt	Địa bàn	Số lượng (HTX)			Tăng giảm BQ (%)
		Năm 2012	Năm 2015	Năm 2021	
1	TP Gia Nghĩa	2	12	16	23,11
2	Huyện Đắk R'Lấp	5	14	22	15,97
3	Huyện Tuy Đức	3	6	12	14,87
4	Huyện Đắk G'Long	4	9	11	10,65
5	Huyện Đắk Song	3	14	24	23,11
6	Huyện Đắk Mil	6	8	10	5,24
7	Huyện Krông Nô	13	15	26	7,18
8	Huyện Cư Jút	5	9	15	11,61
	<b>Tổng</b>	<b>41</b>	<b>87</b>	<b>136</b>	<b>12,74</b>

*Nguồn: Báo cáo các huyện, thành phố và số liệu khảo sát*

- *Thực trạng hoạt động của các HTX nông nghiệp:* Đến thời điểm cuối năm 2021, tổng số HTX đang hoạt động khá, tốt trên địa bàn tỉnh là 25 HTX, chiếm tỷ lệ 18,38% trong tổng số HTX đang hoạt động; HTX đang hoạt động trung bình, yếu: Cuối năm 2021, tổng số HTX đang hoạt động có chưa hiệu quả trên địa bàn tỉnh là 111 HTX, chiếm tỷ lệ 81,62% trong tổng số HTX đang hoạt động. Cụ thể bảng dưới đây:

**Bảng 4: Thực trạng hiệu quả hoạt động của các HTX**

Stt	Địa bàn	Số lượng HTX đang hoạt động	Phân loại	
			HTX hoạt động khá, tốt	HTX hoạt động trung bình, yếu
1	TP Gia Nghĩa	16	4	12
2	Huyện Đắk R'Lấp	22	3	19
3	Huyện Tuy Đức	12	3	9
4	Huyện Đắk G'Long	11	4	7
5	Huyện Đắk Song	24	3	21
6	Huyện Đắk Mil	10	3	7
7	Huyện Krông Nô	26	2	24
8	Huyện Cư Jút	15	3	12
	<b>Tổng</b>	<b>136</b>	<b>25</b>	<b>111</b>

*Nguồn: Báo cáo các huyện, thành phố và số liệu khảo sát*

- *Phân bố các HTX nông nghiệp đang hoạt động theo địa bàn:*

Trong những năm qua, kinh tế tập thể, hợp tác xã nói chung và hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp nói riêng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông luôn được quan tâm của các cấp chính quyền cũng như người dân. Thời gian này tỉnh Đắk Nông đã xây dựng nhiều chương trình về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và xây dựng nông thôn mới. Các HTX nông nghiệp phân bố khắp các huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trong đó tập trung chủ yếu ở các huyện Đắk R'Lấp (22 HTX nông nghiệp), Huyện Đắk Song (có 24 HTX nông nghiệp), huyện Krông Nô (có 26 HTX nông nghiệp).

\* *Huyện Đắk Mil:* Hiện trên địa bàn huyện có 10 HTX lĩnh vực nông, lâm nghiệp đang hoạt động (không tính các HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể), số HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện tăng bình quân 5,24%/năm. Doanh thu bình quân của HTX đạt khoảng 400 triệu đồng/HTX/năm, thu nhập bình quân của người lao động làm việc thường xuyên tại HTX khoảng 40 - 50 triệu đồng/người/năm.

\* *Huyện Krông Nô:* Năm 2021 huyện Krông Nô có 26 hợp tác xã đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; Đối với các HTX ngưng hoạt động, các ngành chức năng huyện đã hướng dẫn kiến toàn và quy trình giải thể tự nguyện, bắt buộc để các hợp tác xã thực hiện theo đúng Luật Hợp tác xã năm 2012.

\* *Huyện Đắk Glong:* Hiện nay trên địa bàn huyện Đắk Glong có 11 HTX lĩnh vực nông nghiệp đang hoạt động (đạt tốc độ tăng bình quân 10,65%/năm trong giai đoạn 2011 – 2021). Các Hợp tác xã nông nghiệp của huyện đã tập trung đáp ứng các khâu dịch vụ cơ bản cho thành viên, hướng dẫn thành viên về tham gia dịch vụ, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, kinh nghiệm liên kết tiêu thụ sản phẩm, từng Hợp tác xã phấn đấu nâng cao chất lượng của từng khâu dịch vụ. Doanh thu bình quân 3,3 – 4,0 tỷ đồng/HTX/năm, lãi bình quân 0,8 – 1,0 tỷ đồng/HTX/năm.

\* *Thành phố Gia Nghĩa:* Thành phố hiện có 16 HTX lĩnh vực nông nghiệp đang hoạt động. Doanh thu bình quân đạt khoảng 420 triệu đồng/HTX/Năm.

\* *Huyện Đắk R'Lấp:* Trên địa bàn huyện Đắk R'Lấp hiện có 22 HTX hoạt động ở lĩnh vực nông nghiệp. Tổng doanh thu của hợp tác xã khoảng 2,5



tỷ đồng/năm. Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của hợp tác xã đạt khoảng 4.000.000 đồng/tháng.

\* *Huyện Đắk Song*: Hiện trên địa bàn huyện Đắk Song có 24 hợp tác xã nông nghiệp. Doanh thu bình quân hàng năm của một HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện đạt 800 triệu đồng/HTX.

\* *Huyện Tuy Đức*: Toàn huyện hiện nay có 12 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Số thành viên tham gia HTX là 80 người. Tổng vốn điều lệ bình quân của các HTX là 800 triệu đồng, nhiều HTX có vốn đăng ký cao.

\* *Huyện Cư Jút*: Tổng số hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện là 15 HTX. Tổng số thành viên của các HTX nông nghiệp là 136 người, số lao động làm việc thường xuyên trong HTX nông nghiệp là 105 người. Doanh thu bình quân của HTX nông nghiệp (chỉ tính HTX đang hoạt động) là 451 triệu đồng; lãi bình quân của một HTX nông nghiệp là 33 triệu đồng/năm.

*(Chi tiết thể hiện ở phụ lục 2)*

*- Trình độ cán bộ quản lý của các HTX nông nghiệp:*

Phần lớn các HTX đã hoàn thiện được mô hình tổ chức bộ máy, hoạt động theo hướng kinh doanh tổng hợp, kết giữa dịch vụ với sản xuất, phục vụ tốt hơn nhu cầu của thành viên và các hộ nông dân. Các HTX đã chú trọng sử dụng phương thức khoán và hợp đồng dịch vụ trong các khâu để phát huy vai trò làm chủ của thành viên, tăng năng suất và sinh lợi trực tiếp; tiếp tục xử lý những tồn đọng về tài sản, nguồn vốn góp, làm rõ tư cách của thành viên. Nhiều HTX đã quan tâm, tăng cường các nguồn lực về nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, khoa học, công nghệ. Tổng số cán bộ quản lý của các HTX nông nghiệp năm 2021 là 476 người.

Đa số các HTX, chủ tịch HĐQT đồng thời là Giám đốc HTX, thành viên HĐQT là Phó Giám đốc HTX. Trong đó số cán bộ qua đào tạo chiếm tỷ lệ thấp; số đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp là 02 người, cán bộ đạt trình độ cao đẳng 01 người. Còn lại 93% số cán bộ chưa qua đào tạo. Nhìn chung, trình độ năng lực của cán bộ HTX còn hạn chế, hầu như chưa qua đào tạo, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới của HTX. Hơn nữa, do thu nhập đối với cán bộ HTX thấp, chế độ chính sách lâu dài chưa có đã làm giảm động

lực của bộ máy quản lý cũng như thu hút những người có năng lực, trình độ tham gia vào HTX.

**Bảng 5: Thực trạng về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX trên địa bàn**

Stt	Hạng mục	Đvt	Năm 2012	Năm 2015	Năm 2021	Tăng, giảm BQ %
	<b>Số HTX nông nghiệp đang hoạt động</b>	<b>HTX</b>	<b>41</b>	<b>87</b>	<b>136</b>	<b>12,74</b>
1	Tổng số cán bộ quản lý của HTX nông nghiệp	Người	66	261	476	21,84
2	Số cán bộ quản lý HTX nông nghiệp đã qua đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp	Người	18	34	85	16,79
3	Số cán bộ quản lý HTX nông nghiệp đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	12	47	70	19,29

*- Thực trạng về vốn, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật hiện có của các HTX nông nghiệp:*

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có trên 30% số HTX nông nghiệp đã tích lũy được vốn sản xuất, liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, sản xuất theo hướng sinh thái, hữu cơ, đẩy mạnh xuất khẩu, ứng dụng công nghệ cao và thực hiện tái đầu tư để mở rộng sản xuất, kinh doanh.

*- Doanh thu, lợi nhuận của các HTX nông nghiệp:* Các HTX đã tập trung đáp ứng các dịch vụ cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp cho thành viên, hướng dẫn thành viên sản xuất theo kế hoạch, theo lịch thời vụ hằng năm. Các HTX ở lĩnh vực này đã không ngừng đổi mới phương thức quản lý, điều hành, đổi mới tư duy trong kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực. Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể, các HTX thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ với nhiều quy mô, cấp độ khác nhau như tổ chức liên doanh liên kết sản xuất, làm dịch vụ đầu vào, đầu ra cho thành viên... Về cơ bản, các HTX đã tạo điều kiện hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế thành viên và hộ gia đình, từng bước khắc phục một số mặt hạn chế của kinh tế hộ về vốn, công cụ, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất; hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng thu nhập cho thành viên và hộ gia đình; góp phần xây dựng xã nông thôn mới, tái cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp, thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

Kết quả hoạt động của các HTX nông nghiệp giai đoạn 2012 – 2021 cho thấy, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm đạt 14,13%; lợi nhuận bình quân của một HTX nông nghiệp tăng 10,61%/năm. Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong các HTX nông nghiệp trên địa bàn tăng 5,28%/năm.

**Bảng 6: Doanh thu, lợi nhuận của các HTX nông nghiệp qua các năm**

Stt	Hạng mục	Đvt	Năm 2012	Năm 2015	Năm 2021	Tăng, giảm BQ %
1	Số HTX nông nghiệp đang hoạt động	HTX	41	87	136	12,74
2	Tổng giá trị tài sản của các HTX nông nghiệp	Triệu đồng	8.017	18.760	38.038	16,85
3	Doanh thu bình quân của HTX nông nghiệp	Triệu đồng/năm	305	780	1.144	14,13
4	Lợi nhuận bình quân của HTX nông nghiệp	Triệu đồng/năm	113	201	308	10,61
5	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX nông nghiệp	Triệu đồng/năm	27,6	32,5	46,2	5,28

*Nguồn: Báo cáo các huyện, thành phố và số liệu khảo sát*

Với doanh thu của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt từ 800 – 1.200 triệu đồng/năm/HTX. Lợi nhuận tạo ra bình quân hàng năm đạt 308 triệu đồng/HTX/năm. Thu nhập của người lao động trong các HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh bình quân đạt 3 - 4 triệu đồng/tháng. Tuy mức thu nhập của người lao động trong các HTX còn thấp, nhưng đây là nguồn thu nhập ổn định và quan trọng của các gia đình ở khu vực nông thôn.

## **1.2. Đánh giá hiện trạng phát triển các Liên hiệp hợp tác xã (LH HTX) nông nghiệp**

*- Trên địa bàn tỉnh có 3 liên hiệp HTX nông nghiệp:*

Liên hiệp Hợp tác xã Hợp Lực Đắc Nông: Được thành lập dựa trên nguyên tắc tự nguyện và nhu cầu hợp tác của 5 HTX gồm: HTX Nông nghiệp và dịch vụ thương mại Tia Sáng (Gia Nghĩa), HTX nông nghiệp, dịch vụ thương mại Quyết Tâm (Đắk R'lấp), HTX Nông Lâm nghiệp Nam Hà (Cư Jút), HTX Hồ tiêu hữu cơ Bình Tiến (Đắk Song) và HTX nông nghiệp Bon N'Ting (Đắk G'long).

Liên hiệp HTX nông nghiệp thương mại Công Bằng Việt Nam, thành

viên là 10 HTX tại các tỉnh Đắk Nông, Đắk Lắk, Kom Tum tự nguyện thành lập năm 2019.

Liên hiệp HTX nông nghiệp hữu cơ Việt Nam tại Thôn 2, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông. Liên hiệp được thành lập và hoạt động với các HTX thành viên gồm: HTX nông nghiệp hữu cơ Thuận Phú Đắk R'Tih (Đắk R'Lấp), HTX nông nghiệp hữu cơ Đắk Nông (Gia Nghĩa), HTX nông nghiệp Tiên Thành (Cư Jút), HTX dịch vụ nông nghiệp Cao Nguyên Xanh (Cư Jút).

- *Đánh giá hiệu quả hoạt động:* Các Liên hiệp HTX đã tổ chức dịch vụ đầu vào, đầu ra tập trung cho các HTX thành viên, phù hợp với xu thế liên kết sản xuất kinh doanh và tạo ra sức mạnh tổng hợp, đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường, hướng tới tinh chế sản phẩm và xuất khẩu trực tiếp hàng hóa, tạo ra chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, mang lại lợi ích lớn hơn cho thành viên và người lao động.

Tuy vậy, hiện nay các Liên hiệp HTX trên địa bàn chưa có phương án sản xuất kinh doanh cụ thể, bộ máy quản lý của các Liên hiệp chưa đáp ứng yêu cầu; đồng thời do địa bàn các HTX thành viên của Liên hiệp khá xa nên sự kết nối, trao đổi trực tiếp còn khó khăn. Bên cạnh đó, những năm gần đây do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid-19 nên các Liên hiệp HTX trên địa bàn tỉnh chỉ hoạt động cầm chừng.

**Bảng 7: Thực trạng các Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp**

TT	Tên HTX	Địa chỉ	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Thành viên
1	Liên hiệp HTX Hợp Lực Đắk Nông	Tổ 5, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	22.10.2018	Nông nghiệp	200	6
2	Liên hiệp HTX nông nghiệp hữu cơ Việt Nam	Thôn 2, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	26.7.2019	Nông nghiệp	1.500	4
3	Liên hiệp HTX nông nghiệp, thương mại Công Bằng Việt Nam	Đường Nguyễn Trãi, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	19.8.2019	Nông nghiệp	200	10

*Nguồn: Báo cáo các huyện, thành phố và số liệu khảo sát*

### 1.3. Đánh giá hiện trạng phát triển các Tổ hợp tác (THT) nông nghiệp

- *Số lượng các THT nông nghiệp*: Hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 209 tổ hợp tác lĩnh vực nông nghiệp, tổng số thành viên của các THT là 3.970 thành viên; doanh thu bình quân của một THT nông nghiệp là 220 triệu đồng/năm. Lợi nhuận bình quân của một THT nông nghiệp là 20 triệu đồng/năm.

**Bảng 8: Thực trạng các THT nông nghiệp trên địa bàn**

Stt	Hạng mục	Đvt	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2021	Tăng, giảm BQ %
1	Tổng số THT nông nghiệp	HTX	450	347	209	-7.38
	Số tổ hợp tác nông nghiệp có đăng ký thành lập	THT	98	320	209	7.87
2	Tổng số thành viên của các THT nông nghiệp	Thành viên	6.985	5.552	3.970	-5.49
3	Doanh thu bình quân của một THT nông nghiệp	Triệu đồng/năm	125	180	220	5.82
4	Lợi nhuận bình quân của một THT nông nghiệp	Triệu đồng/năm	14	17	20	3.63

*Nguồn: Báo cáo các huyện, thành phố và số liệu khảo sát*

Hoạt động của các THT ngày càng đa dạng, tuy số lượng giảm nhưng chất lượng từng bước được nâng cao, đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho tổ viên và người lao động trên địa bàn, giúp các thành viên tăng thêm thu nhập, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, góp phần thúc đẩy tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Quy mô hoạt động nhỏ, năng lực của thành viên trong THT nông nghiệp trên địa bàn tỉnh hạn chế; cách thức quản lý chưa rõ ràng, minh bạch; trình độ khoa học công nghệ, vốn và thị trường còn hạn chế nên phần lớn THT nông nghiệp gặp khó khăn trong các giao dịch kinh tế, thương mại, vay vốn ngân hàng. Một số THT nông nghiệp hoạt động không thường xuyên, chỉ mang tính mùa vụ, tự phát, thiếu hướng dẫn, tư vấn của chính quyền cơ sở; tổ chức của THT nông nghiệp thiếu chặt chẽ, quan hệ hợp tác lỏng lẻo, không bảo đảm tính ổn định, bền vững.

- *Phân bố sự phát triển của các THT nông nghiệp theo địa bàn:*

Tổ hợp tác là một thành phần quan trọng trong phát triển kinh tế tập

thể. THT ra đời và phát triển khá mạnh, đã góp phần không nhỏ giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn. Tuy nhiên, do THT được thành lập trên cơ sở tự nguyện, hợp đồng hợp tác và không có tư cách pháp nhân trong quan hệ dân sự nên hoạt động của mô hình này còn nhiều khó khăn, hạn chế.

Đối với các THT nông nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay có quy mô sản xuất nhỏ, số lượng thành viên THT nông nghiệp còn ít, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ dừng lại ở mức độ học tập, trao đổi kinh nghiệm; chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của từng thành viên và sức mạnh của kinh tế tập thể để cạnh tranh với những thành phần kinh tế khác. Chưa có kế hoạch, phương án hoạt động cụ thể nên thường bị động trong việc thực hiện các dịch vụ đầu vào, đầu ra cho sản phẩm của các thành viên.

**Bảng 9: THT nông nghiệp phân theo địa bàn**

Stt	Địa bàn	Số lượng (THT)	Tỷ lệ %
1	TP Gia Nghĩa	7	3,35
2	Huyện Đắk R'Lấp	10	4,78
3	Huyện Tuy Đức	12	5,74
4	Huyện Đắk G'Long	81	38,76
5	Huyện Đắk Song	31	14,83
6	Huyện Đắk Mil	20	9,57
7	Huyện Krông Nô	22	10,53
8	Huyện Cư Jút	26	12,44
	<b>Tổng</b>	<b>209</b>	<b>100</b>

Đa số cán bộ quản lý của các THT nông nghiệp trên địa bàn trình độ quản lý và năng lực điều hành còn hạn chế, thiếu chuyên môn nghiệp vụ, vẫn còn quản lý và hoạt động theo kinh nghiệm tự có, chưa thật sự quan tâm đến lợi ích của tập thể.

Vấn đề thụ hưởng các cơ chế, chính sách của Nhà nước theo tinh thần Nghị định 151/2007/NĐ-CP, ngày 10/10/2007 về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã về tài chính, đất đai, khoa học - công nghệ, thị trường... và các ưu đãi khác gần như chưa có, bởi không có nguồn vốn để hỗ trợ. Điểm đáng chú ý nữa là các THT nông nghiệp hiện đang hoạt động nhưng chưa có tư cách pháp nhân. Do không có tư cách pháp nhân nên hoạt động sản xuất, kinh doanh của các THT gặp nhiều khó khăn trong các giao dịch kinh tế, thương mại, vay vốn ngân hàng.

\* *Huyện Đắk Mil*: Hoạt động của các Tổ hợp tác (THT) nông nghiệp trên địa bàn huyện đóng vai trò khá quan trọng đối với sản xuất, đời sống của các hộ dân, giúp nhau trong khai thác, dịch vụ hậu cần, chia sẻ kinh nghiệm, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tận dụng các nguồn nguyên liệu, lao động hiện có tại địa phương, tạo tiền đề cho cách làm ăn mới, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho người dân, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở.

Đến nay, trên địa bàn huyện có 20 THT nông nghiệp, trong đó có 13 THT cà phê có chứng nhận, 01 THT xay xát lúa, 04 THT trồng trọt, 01 THT sản xuất rau an toàn và 01 THT tổng hợp. Các THT được UBND xã chứng thực hoạt động theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác. Doanh thu bình quân của THT nông nghiệp khoảng 240 triệu đồng/năm.

\* *Huyện Đắk Glong*: Trên địa bàn huyện có 81 Tổ hợp tác được thành lập, trong đó có 61 hoạt động có hiệu quả, trong đó có 41 THT chăn nuôi với 456 thành viên và 25 THT trồng trọt với 799 thành viên. Các Tổ hợp tác được thành lập xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân, đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi. Nhiều Tổ hợp tác hoạt động tương đối tốt, quản lý chặt chẽ các khâu từ vốn góp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thời gian qua, các Tổ hợp tác đã đóng góp một phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

\* *Huyện Đắk Song*: Hiện trên địa bàn huyện có 31 THT hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; hoạt động chủ yếu ở các ngành trồng trọt và chăn nuôi.

\* *Thành phố Gia Nghĩa*: Trên địa bàn TP. Gia Nghĩa hiện có 07 tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, cụ thể như sau: Lĩnh vực trồng rau an toàn: Có 02 THT gồm THT trồng rau an toàn phường Nghĩa Phú, THT trồng rau an toàn phường Nghĩa Trung với 16 thành viên. Hiện nay đang trồng các loại rau như xà lách, rau dền, bí đỏ, mồng tơi, cải...; với diện tích canh tác trên 20 ha, doanh thu trung bình trên 2 tỷ đồng/năm.

Lĩnh vực trồng hoa: Có 02 THT gồm THT trồng hoa phường Nghĩa Phú, THT trồng hoa phường Quảng Thành, 15 thành viên. Hiện nay đang

trồng các loại như hoa cúc, hoa ly...; diện tích canh tác trên 15 ha, doanh thu trung bình trên 1,5 tỷ đồng/năm.

THT Trồng cây ăn quả phường Nghĩa Phú: Có 04 thành viên, hiện nay đang trồng các loại cây ăn quả như: Cam sành, bưởi da xanh, mít thái, bơ sáp, diện tích canh tác 8 ha, doanh thu trung bình 500 triệu đồng/ năm.

THT chăn nuôi phường Quảng Thành: Có 08 thành viên, hiện nay đang chăn nuôi trâu, bò, gà, lợn...doanh thu trung bình trên 1,2 tỷ đồng/năm.

THT tổng hợp VAC phường Nghĩa Đức: Có 03 thành viên, hiện nay đang trồng các cây công nghiệp cà phê, hồ tiêu kết hợp thả cá... doanh thu trung bình trên 1,2 tỷ đồng/năm.

*\* Huyện Đắk R'Lấp:* Trên địa bàn huyện hiện nay có 10 Tổ hợp tác:

+ 01 THT tại bon PiNao, xã Nhân Đạo được chính quyền địa phương xác nhận. Lĩnh vực hoạt động: hợp tác dùng nước chung, chăn nuôi, sản xuất lúa nước và nhận khoán bảo vệ rừng. Tổng số thành viên của Tổ hợp tác là 84 hộ gia đình với 168 người, trong đó có 2 người là dân tộc kinh, chiếm 1%.

+ 03 THT ở xã Nghĩa Thắng (2 THT trồng tre lấy măng, 1 THT trồng rau an toàn), tổng số thành viên là 15 thành viên.

+ 06 THT thành lập năm 2017, ở xã Nghĩa Thắng, Nhân Đạo, Đắk Ru. Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất cà phê bền vững, tổng số thành viên là 288 thành viên.

*\* Huyện Tuy Đức:* Toàn huyện có 12 THT, hoạt động đa dạng ở các loại hình như: hợp tác sản xuất và tiêu thụ cà phê, hồ tiêu, điều; sản xuất rau xanh an toàn, sản xuất hoa thương phẩm ... ; doanh thu bình quân hàng năm một THT khoảng 200 triệu/năm và lợi nhuận đạt 30 triệu. Các THT nông nghiệp đã tận dụng các nguồn lực đất đai, nguyên liệu, tiếp cận các nguồn vốn để mở rộng quy mô sản xuất, phù hợp với phát triển đa dạng ngành nghề trong nông thôn, giúp người nông dân thay đổi phương thức sản xuất, nâng cao khả năng tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật và tiếp cận dễ dàng với các nguồn vay tín dụng, góp phần trong việc nâng cao thu nhập và phát triển kinh tế của nông hộ.

Tuy nhiên các THT trên địa bàn đa số phát triển mang tính chất tự phát, cơ chế quản lý lỏng lẻo, quy mô nhỏ, tiềm lực kinh tế yếu việc tiếp cận nguồn



vốn tín dụng còn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến hoạt động sản xuất chưa mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, hiện nay theo quy định tại Nghị định 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác thì các THT không phải thực hiện chứng thực hợp đồng hợp tác mà chỉ thông báo tới UBND cấp xã để tổng hợp theo dõi, điều này làm cho công tác quản lý THT ngày càng khó thực hiện và kém hiệu quả do hầu như các THT không thực hiện việc thông báo thành lập tổ và chấm dứt hoạt động tới UBND cấp xã.

\* *Huyện Cư Jút*: Trên địa bàn huyện có 26 tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó: Trồng trọt và chăn nuôi: 06 tổ hợp tác; Chuyên trồng trọt: 9 tổ hợp tác; Chuyên chăn nuôi: 09 tổ hợp tác; Bảo vệ rừng: 2 tổ hợp tác.

#### **1.4. Thực trạng về loại hình, quy mô, năng lực chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm của kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

Tính đến nay tỉnh Đắk Nông có 03 Liên hiệp Hợp tác xã nông nghiệp, có 136 Hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động, các HTX nông nghiệp hoạt động đa dạng lĩnh vực như: Trồng trọt, chăn nuôi, cung ứng dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ sau thu hoạch,...; phân theo loại hình hoạt động gồm có: 95 HTX trồng trọt, 04 HTX chăn nuôi và 37 HTX dịch vụ nông nghiệp.

Các HTX dần phát triển ổn định, bền vững, từng bước thể hiện nhiều mô hình HTX kiểu mới như: HTX Nông lâm nghiệp Thương mại dịch vụ Tia Sáng (xuất khẩu chanh dây sang Hàn Quốc); HTX Nông nghiệp thương mại Công Bằng Thuận An (sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn Fairtrade chất lượng cao; sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm, sử dụng công nghệ chế biến ướt trong sản xuất, chế biến cà phê nhân), HTX Đồng Tiến (sản xuất heo chất lượng cao), HTX Nông lâm nghiệp Đắk Mil (đưa giống mới và áp dụng công nghệ vào sản xuất), HTX cà phê OGA (xây dựng dự án cửa hàng trưng bày, giới thiệu và kinh doanh các sản phẩm), HTX Nông nghiệp Tiến Thành (sản xuất VietGAP, hữu cơ).

## **2. Đánh giá thực trạng các liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

### **2.1. Đánh giá thực trạng liên kết sản xuất trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp thông qua khảo sát các tổ chức kinh tế**

## **tập thể lĩnh vực nông nghiệp**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến về phương thức hoạt động, xuất hiện những mô hình HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012 hoạt động đa ngành nghề, thích ứng với cơ chế thị trường; từng bước mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại vào sản xuất.

Hoạt động liên doanh, liên kết, sản xuất gắn với chuỗi giá trị của các HTX nông nghiệp bước đầu đã có những hiệu quả nhất định. Các khâu trong chuỗi mà HTX nông nghiệp tham gia, tập trung chủ yếu ở khâu trồng trọt, bên cạnh đó tham gia vào các khâu sơ chế, chế biến và tiêu thụ. Hình thức sản xuất có hợp đồng ký kết giữa HTX nông nghiệp với thành viên HTX hoặc giữa HTX nông nghiệp với doanh nghiệp, hộ nông dân, hộ kinh doanh. HTX nông nghiệp tự tạo ra giá trị gia tăng; tác động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh tế, việc làm, đời sống cho thành viên, từ đó góp phần tăng trưởng của kinh tế địa phương; gắn kết hữu cơ chuỗi giá trị sản xuất cá thể của hộ nông dân với khâu dịch vụ đầu vào, dịch vụ đầu ra, áp dụng công nghệ, tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, gắn nông nghiệp với công nghiệp, lưu thông, từ đó mang lại lợi ích to lớn cho thành viên HTX, người nông dân.

Qua thực tế cho thấy, mô hình liên kết giữa doanh nghiệp - HTX - hộ nông dân vẫn được xem là hiệu quả nhất trong việc cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm cho các HTX nông nghiệp, cải thiện môi trường sản xuất; tiếp cận dịch vụ và công nghệ kỹ thuật; nguồn nguyên liệu sản xuất ổn định.

Các hợp tác xã đã có liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo việc phát triển sản xuất một cách bền vững. Các hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong canh tác, nuôi trồng, bảo quản sản phẩm (ứng dụng nhà lồng, nhà kính trong sản xuất rau hoa và áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến như: Organic, VietGAP, HACCP, UTZ và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong sản xuất.

Để đẩy mạnh sản xuất, tăng cường liên kết, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, cần giải quyết “mắt xích” quan trọng

trong liên kết giữa thị trường tiêu thụ với các hộ nông dân trong tổ chức sản xuất, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, trong đó Hợp tác xã đóng vai trò chủ đạo, cần trang bị đầy đủ kiến thức quản lý, kêu gọi sự tham gia của các doanh nghiệp chế biến, chế biến sâu trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh trong thời gian tới.

## **2.2. Mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp điển hình; mô hình HTX kiểu mới sản xuất kinh doanh gắn với chuỗi giá trị phát triển sản phẩm bền vững**

Thời gian qua, các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp phát huy vai trò tập hợp, vận động thay đổi cách nghĩ, cách làm cho người dân, ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Bên cạnh đó, HTX là cầu nối tạo liên kết dọc, khâu trung gian giữa người sản xuất và người tiêu dùng, nơi tiếp nhận thông tin thị trường, đầu mối đảm nhận khâu thu mua và đưa hàng hóa đến thị trường...Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 27 HTX hoạt động hiệu quả theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao với các sản phẩm đặc trưng như: Cà cao, cà phê, hồ tiêu, Chanh dây, Sa chi, Mắc ca, rau sạch, gạo.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 40 HTX, 01 THT tham gia chuỗi giá trị sản phẩm đặc trưng như: Cà cao, Cà phê, Hồ tiêu, Chanh leo, Sa chi, Mắc ca, rau sạch ứng dụng công nghệ cao,... Năm 2021, Liên minh HTX tỉnh đã tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 về Đề án xây dựng mô hình điểm Chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm đối với THT, HTX trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025. Đến nay, đã có nhiều HTX lĩnh vực nông nghiệp từng bước phát triển sản xuất kinh doanh trong đó chú trọng gắn với chuỗi giá trị.

Một số mô hình liên kết sản xuất của các HTX nông nghiệp trên địa bàn:

- *Mô hình liên kết sản xuất của HTX Tia Sáng:* Với ngành nghề kinh doanh chủ yếu hiện nay là trồng trọt, sản xuất chanh dây cấp đông, nước chanh dây nguyên chất, nước chanh dây tách hạt, kem sầu riêng, bơ,... hàng năm xuất khẩu hơn 800 tấn chanh dây, bơ, sầu riêng thành phẩm, thu nhập bình quân hơn 25 tỷ đồng/năm, lợi nhuận hơn 1,25 tỷ đồng.

- *Mô hình liên kết sản xuất của HTX Nông nghiệp hữu cơ Đắk Nông:*

Hiện nay các thành viên HTX đang trồng hồ tiêu, cà phê hữu cơ, với diện tích hơn 90 ha, sản lượng cà phê đạt 125 tấn/năm, sản lượng tiêu 100 tấn/năm và sản xuất cà phê, hồ tiêu đóng gói.

- *Mô hình tổ chức liên kết sản xuất của HTX Nông nghiệp Công Bằng Thuận An:* HTX sản xuất, kinh doanh cà phê chất lượng theo tiêu chuẩn Fairtrade; chế biến cà phê bột,...HTX đã áp dụng quy trình sản xuất cà phê chất lượng theo tiêu chuẩn Fairtrade, HTX đã đầu tư xây dựng nhà máy chế biến cà phê ướt, nâng cấp lò sấy để phục vụ cho bà con nông dân xã có nhu cầu trong vụ thu hoạch. Sản xuất cà phê chất lượng cao. HTX thu mua cà phê chất lượng của thành viên, hộ liên kết với giá được cộng thêm từ 2.000 - 8.000 đồng/kg so với giá bán cà phê thị trường tại địa phương. Thời gian qua, HTX đã thực hiện cải tạo vườn cà phê bằng giống mới; sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm cho cà phê; quản lý sản xuất và chế biến cà phê nhân bằng công nghệ chế biến ướt. Ngoài ra, HTX nông nghiệp Công Bằng Thuận An tham gia hoạt động liên kết sản xuất tại vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao tại xã Thuận An, huyện Đắk Mil. Đây là vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao đầu tiên ở Đắk Nông có liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo bước đột phá, nâng cao thu nhập cho người dân. Cụ thể, vùng sản xuất có tổng diện tích 335 ha với 186 hộ nông dân ở các thôn Thuận Hạnh, Đức An và 1 tổ chức (Hợp tác xã Công Bằng Thuận An).

- *Mô hình liên kết sản xuất của HTX Nông nghiệp Công Bằng Thanh Thái:* HTX đã thành công trong việc xây dựng sản phẩm OCOP gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Điều này giúp HTX phát triển ổn định, bảo đảm thu nhập tốt cho thành viên. HTX Thanh Thái đóng chân trên địa bàn huyện Krông Nô được thành lập vào năm 2017. Lĩnh vực hoạt động chính của HTX là trồng cà phê, kinh doanh nông lâm sản, sản xuất cà phê. Số lượng thành viên của HTX hiện nay là 240 người, với hơn 500 ha cà phê. Trong đó, diện tích cà phê canh tác theo tiêu chuẩn 4C là trên 300 ha, trải rộng trên địa bàn xã Năm Nung, Tân Thành, Đắk Rô. HTX đã đạt được chứng nhận canh tác cà phê bền vững UTZ do Hà Lan cấp. Năm 2021, HTX đã chuyển sang chứng nhận Rainforest Alliance (RA) trên diện tích 120 ha, với 60 nông hộ thành viên. Sản lượng cà phê của HTX đạt trên 300 tấn/vụ, tất cả đều đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang châu Âu, Mỹ...

HTX đã vận động nông dân canh tác cà phê theo tiêu chuẩn bền vững, có chứng nhận các tiêu chuẩn nông nghiệp tốt. HTX cũng mạnh dạn đầu tư, xây dựng cơ sở chế biến quả tươi theo phương pháp bán ướt, nhân xanh chất lượng. Để tiến xa hơn, HTX đã đầu tư thêm xưởng rang xay, cửa hàng trưng bày giới thiệu sản phẩm, cung cấp cà phê bột rang xay đến tay người tiêu dùng. Từ cơ sở đó, HTX từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm cà phê bột “Thanh Thai coffee”. Năm 2020, HTX tham gia Chương trình OCOP. Trong đó, HTX giới thiệu 2 sản phẩm tham gia bình chọn OCOP là cà phê bột và cà phê phin giấy. Cả 2 sản phẩm này đều đạt chứng nhận OCOP hạng 3 sao. Nhờ sản xuất theo chuỗi, nên doanh thu hàng năm của HTX đều tăng bình quân trên 50%. Bên cạnh đó, việc cung cấp nhân xanh chất lượng để rang xay với giá 60.000 đồng/kg cũng đem về doanh thu cho HTX trên 2 tỷ đồng/năm.

- *Mô hình liên kết sản xuất của HTX nông nghiệp Hoàng Nguyên (huyện Đắk Song):* Ngay sau khi thành lập, HTX Nông nghiệp Hoàng Nguyên (Đắk Song) đã quyết định đầu tư 800 triệu đồng làm thủ tục đề nghị cấp 3 giấy chứng nhận hồ tiêu hữu cơ cho 100 ha hồ tiêu theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản. Sau khi đạt các chứng nhận, sản phẩm hồ tiêu của HTX được các đối tác mua với giá cao gấp 2-3 lần so với trước. Trong 3 năm qua, HTX xuất khẩu trên 700 tấn hồ tiêu hữu cơ sang các thị trường khó tính, trong đó có châu Âu.

HTX Nông nghiệp Hoàng Nguyên với mục tiêu sản xuất, kinh doanh bền vững. Do đó, đòi hỏi phải đạt chứng nhận về chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế. Đối với HTX Hoàng Nguyên, ngày càng có nhiều đối tác muốn đặt mua hồ tiêu với số lượng lớn. HTX đang xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh đáp ứng phần nào nhu cầu đặt hàng bằng cách mở rộng quy mô sản xuất tiêu hữu cơ, đa dạng các sản phẩm, chú trọng chế biến sâu. Theo kinh nghiệm của HTX Nông nghiệp Hoàng Nguyên, việc được cấp giấy chứng nhận hồ tiêu hữu cơ theo cách độc lập đã giúp đơn vị chủ động hơn trong sản xuất. Khâu tiêu thụ sản phẩm cũng linh hoạt hơn, không phải phụ thuộc vào các thị trường cố định.

- *Mô hình liên kết sản xuất của Hợp tác Nông nghiệp xanh Quảng Trục:* Đã thu hút được nhiều thành viên tham gia sản xuất và chế biến Mắc

Ca. Năm 2020, HTX đã xây dựng được sản phẩm hạt mắc ca của mình đạt danh hiệu sản phẩm OCOP theo tiêu chuẩn 3 sao cấp tỉnh và đã xây dựng được một số hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các đối tác trong và ngoài tỉnh

- *Mô hình liên kết sản xuất của Hợp tác Nam Hải Đăk Nông (xã Quảng Tân):* Thu hút được nhiều thành viên tham gia sản xuất chanh dây, đến nay HTX đã mở rộng quy mô sản xuất ra một số địa phương ngoài huyện và liên kết với Công ty TNHH MTV Long Huệ trong quá trình bao tiêu sản phẩm chanh dây cho các thành viên trong HTX.

*(Thực trạng tổ chức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị của một số HTX nông nghiệp – chi tiết tại phụ lục 3, phụ lục 4, phụ lục 5).*

Tuy vậy, việc xây dựng mô hình HTX kiểu mới sản xuất kinh doanh gắn với chuỗi giá trị phát triển sản phẩm bền vững hạn chế do chất lượng hoạt động của một số hợp tác xã nông nghiệp còn yếu, hiệu quả không cao, thiếu nhân lực chủ chốt, cán bộ quản lý chưa thực sự tâm huyết, cố gắng tìm tòi, học hỏi, cống hiến cho sự phát triển của hợp tác xã để tạo sự đột phá cho hợp tác xã, chưa khai thác tối đa sức mạnh, vai trò của các thành viên nhằm phát huy sức mạnh tập thể, các thành viên hợp tác xã chưa thực sự thực hiện đúng đủ vị trí của mình.

### **2.3. Đánh giá thực trạng sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị, có chứng nhận của các HTX nông nghiệp**

Hiện nay, nhiều HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đang hướng đến sản xuất nông nghiệp theo các tiêu chuẩn hữu cơ trong nước và quốc tế. Sản phẩm của các HTX này chủ yếu sản xuất cà phê, hồ tiêu, cây ăn trái, dược liệu...đây là các sản phẩm phục vụ chế biến, tiêu thụ thị trường trong và ngoài nước.

**Bảng 10: Thực trạng sản xuất hữu cơ của một số HTX nông nghiệp**

STT	Tên hộ/ cơ sở	Địa chỉ	Loại hình cây trồng	Quy mô (ha)	Sản lượng (tấn)	Năm chứng nhận	Thực trạng	Tiêu chuẩn chứng nhận
1	HTX NNTMDV Hữu cơ Hoàng Nguyên	Thôn 8-xã Thuận Hà	Tiêu	100	500	2018, 2019, 2020	Đang duy trì	Hữu cơ
			Cà phê	20	40		Đang duy trì	
			Bơ	20	60		Đang duy trì	
			Sầu	20	40		Đang	

STT	Tên hộ/ cơ sở	Địa chỉ	Loại hình cây trồng	Quy mô (ha)	Sản lượng (tấn)	Năm chứng nhận	Thực trạng	Tiêu chuẩn chứng nhận
			riêng				duy trì	
2	HTX nông nghiệp Hồ tiêu hữu cơ Tây Nguyên	Thôn 6, Xã Nhân Cơ	Hồ tiêu	30	40	2018	Đang duy trì	Hữu cơ
			Gừng sắt lát phơi khô	2,5	8,5			
			Cà phê	30	12 tấn			
3	HTX nông nghiệp dịch vụ và thương mại Hà Sơn Bình	Thôn 4, xã Nhân Đạo	Hồ tiêu	40	30	2018	Đang duy trì	Hữu cơ
4	HTX hồ tiêu hữu cơ Đồng Thuận	Thôn 6, xã Nhân Cơ	Hồ tiêu	50	50	2018	Đang duy trì	Hữu cơ
			Chanh dây	5	200			
			Cà phê	40	40			
<b>Tổng cộng</b>				<b>469,5</b>				

Các hợp tác xã có sản phẩm hữu cơ hiện nay đang hoạt động có doanh thu, chất lượng hàng hóa đảm bảo, mẫu mã hàng hóa đa dạng phong phú, được thị trường trong và ngoài nước đánh giá cao. Các hợp tác xã hoạt động theo hướng kinh doanh tổng hợp, kết hợp giữa dịch vụ với sản xuất, nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của thành viên và các hộ nông dân, sản xuất theo hướng sinh thái, hữu cơ, đẩy mạnh xuất khẩu.

Mặc dù sản phẩm hữu cơ tốt với sức khỏe con người, bảo vệ môi trường và bền vững nhưng số lượng hợp tác xã sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ còn chiếm tỷ lệ thấp, do giá cả cao và bên cạnh đó là do người tiêu dùng gặp khó khăn trong việc phân biệt giữa sản phẩm hữu cơ và sản phẩm thông thường. Điều này đã làm cho sản phẩm hữu cơ của các HTX vẫn khó tìm thị trường, chỉ có các tổ chức cá nhân có hợp đồng trước, với đầy đủ các chứng nhận hợp lệ mới có thể tìm đầu ra cho sản phẩm và đứng vững trên thị trường.

Đến nay Đắk Nông đã có 52 sản phẩm OCOP, trong đó 6 sản phẩm hạng 4 sao, 46 sản phẩm 3 sao; trong năm 2021 tỉnh Đắk Nông đã công nhận 16 sản phẩm OCOP. Trong đó có các sản phẩm OCOP của các HTX nông nghiệp.

### **3. Thực trạng cơ chế chính sách hỗ trợ trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

#### **3.1. Các cơ chế, chính sách hỗ trợ đã triển khai thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp**

Sau chuyển đổi Hợp tác xã theo luật HTX năm 2012, các hợp tác xã nông nghiệp đã có những chuyển biến tích cực, số thành viên ở các hợp tác xã giảm so với thời điểm trước khi chuyển đổi, do việc xác định lại tư cách thành viên tham gia hợp tác xã rõ ràng hơn; số vốn góp của từng thành viên, tài sản của Hợp tác xã đã tăng lên, góp phần mở rộng các hoạt động dịch vụ của các hợp tác xã.

Trình độ cán bộ hợp tác xã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nên bước đầu đã được nâng lên, một số hợp tác xã đã mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả thiết thực cho hợp tác xã và thành viên của hợp tác xã, một số HTX nông nghiệp đã và đang thích nghi dần với công nghệ thông tin tiến tới công nghệ 4.0.

##### **3.1.1. Đất đai**

Đối với chính sách về đất đai, theo điểm e, khoản 1, Điều 110 Luật đất đai năm 2013 thì khi thuê đất, HTX sẽ được hưởng chính sách ưu đãi mà cụ thể là việc miễn, giảm tiền sử dụng đất cũng như tiền cho thuê đất đối với trường hợp HTX sử dụng đất được thuê vào trong mục đích sử dụng như: Xây trụ sở, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp,... Nhưng thực tế, hiện nay tại các địa phương không còn quỹ đất công, nếu còn quỹ đất thì nằm các vùng không thuận tiện giao thông, vận chuyển.

Trong thời gian qua, có 8 HTX nông nghiệp có đất thuê của nhà nước, được giao đất không thu tiền sử dụng đất để xây dựng trụ sở và kho mang tên HTX, với tổng diện tích 147.103 m<sup>2</sup>, đến nay chỉ còn 04 HTX hoạt động, 04 HTX giải thể, đang thực hiện thu hồi đất. Các HTX nông nghiệp còn hoạt động đang được giao đất, cho thuê đất bao gồm: HTX nông lâm nghiệp và thương mại Tia Sáng là 35.034 m<sup>2</sup>; HTX nông nghiệp công nghệ cao Tây Nguyên là 7.124 m<sup>2</sup>; HTX nông lâm nghiệp và dịch vụ thương mại Tấn Phát là 4.461,51 m<sup>2</sup>; HTX nông lâm nghiệp và Du lịch TM Tân Thịnh là 166.066,5 m<sup>2</sup>.



### 3.1.2. Tín dụng

Đối với HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được thực hiện thông qua Nghị Định số 55/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị Định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 55/NĐ-CP ngày 09/06/2015. Từ năm 2004 đến nay, các Ngân hàng Thương mại chỉ thực hiện cho vay vốn phát triển trong sản xuất kinh doanh, hàng năm chiếm tỷ lệ rất thấp 0,04% tổng dư nợ, do HTX ít có tài sản chung để thế chấp và phương án sản xuất kinh doanh chưa thuyết phục.

Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX được thành lập tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX. Từ khi triển khai đến nay Quỹ hỗ trợ HTX đã hỗ trợ 34 lượt HTX, THT vay vốn với số tiền 11,95 tỷ đồng; Quỹ quốc gia giải quyết việc làm của Liên minh HTX Việt Nam ủy thác qua Liên minh HTX tỉnh là 808 triệu đồng, đến nay đã cho 29 lượt dự án vay quay vòng, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh với số tiền 4,2 tỷ đồng.

### 3.1.3. Hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại HTX

Thực hiện theo Nghị Định số 88/2005/NĐ-CP về một số chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển HTX, quy định: Nguồn kinh phí hỗ trợ khuyến khích thành lập mới HTX từ ngân sách hàng năm của địa phương, hỗ trợ từ ngân sách trung ương và các nguồn hợp pháp khác. Từ năm 2012 đến nay, ngân sách tỉnh hỗ trợ 631 triệu đồng để Liên minh HTX tỉnh hỗ trợ cho các nhóm sáng lập viên thành lập mới HTX. Ngoài ra, UBND các huyện, TP. Gia Nghĩa cũng hỗ trợ một phần kinh phí cho việc tổ chức Hội nghị ra mắt HTX nông nghiệp.

### 3.1.4. Đào tạo, tập huấn

Về đào tạo dài hạn được thực hiện theo văn bản của Trung ương, đến nay đã hỗ trợ 40 học viên với tổng kinh phí 180,85 triệu đồng, là thành viên các HTX đi đào tạo dài hạn tại các trường cao đẳng, đại học với trình độ từ trung cấp trở lên.

Bồi dưỡng ngắn hạn được thực hiện theo văn bản của Trung ương:

Hàng năm các Sở, ban ngành, Liên minh HTX và UBND các huyện. thành phố đã mở các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý HTX theo Luật HXT năm 2012.

### 3.1.5. Ứng dụng KHKT, Công nghệ cao

Đã thực hiện chuyển giao công nghệ cho một số HTX về chế biến tơ tằm, khoai lang, Sắn. Bảo quản và chế biến nông sản sau thu hoạch và tổ chức một số hội nghị, hội thảo khoa học về giống vật nuôi, cây trồng giúp các HTX nông nghiệp ứng dụng vào sản xuất; có 15 HTX được hỗ trợ Quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn GAP; 04 HTX được hỗ trợ chuyển giao máy móc thiết bị mới nâng cao hiệu quả sản xuất; 03 HTX được hỗ trợ chuyển giao máy móc thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất từ chương trình khuyến công (HTX nông nghiệp Lâm Hà, HTX nông nghiệp Công Bằng Thuận An); 01 HTX được hỗ trợ chuyển giao quy trình sản xuất mới từ nguồn sự nghiệp kinh tế của huyện (HTX nông nghiệp Đắc Mil); 01 HTX được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật trồng và chăm sóc cây chanh dây của Viện Cây ăn quả Miền Nam.

### 3.1.6. Đầu tư kết cấu hạ tầng

Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng được thực hiện tại Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với HTX nông nghiệp, đã hỗ trợ 07 HTX nông nghiệp với các hạng mục: Trụ sở làm việc, sân phơi, xưởng sơ chế, kho lạnh bảo quản, đường điện hạ thế, đường trục chính giao thông nội đồng với kinh phí 8.646 triệu đồng.

Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng trong thời gian qua được thực hiện từ nguồn kinh phí dự án VnSat, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai hỗ trợ cho hơn 20 HTX, THT nông nghiệp với tổng kinh phí trên 111.374 triệu đồng để thực hiện các hạng mục như: Xây dựng kết cấu hạ tầng, máy móc, thiết bị, nhà xưởng, sân phơi, tưới tiết kiệm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bao bì sản phẩm.

## **3.2. Công tác triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp của địa phương**

Công tác tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách về nông nghiệp,

nông dân, nông thôn, về phát triển kinh tế tập thể và chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới được tập trung triển khai. UBND các huyện, thành phố đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, các phòng ban, đơn vị chuyên môn (phụ trách lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã) trong đó có HTX nông nghiệp, đã chủ động ký kết các chương trình phối hợp với các tổ chức đoàn thể, Mặt trận tuyên truyền vận động hội viên các cấp tham gia phát triển kinh tế tập thể, phát triển sản xuất theo mô hình hợp tác xã.

Bên cạnh đó, UBND huyện thành phố đã chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế thành phố thường xuyên cập nhật và phổ biến các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã thông qua các chương trình phối hợp với các cơ quan truyền thông (Đài Phát thanh và Truyền hình), UBND các xã phường, thông tin, tuyên truyền nội dung về Luật HTX năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, thành viên HTX, THT nông nghiệp về nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh...

Từ khi chuyển đổi nội dung hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012, với sự nỗ lực của chính quyền các cấp, các Hợp tác xã đã tiếp cận các chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể, cơ chế đầu tư kết cấu hạ tầng khu vực nông nghiệp nông thôn. Nhờ đó, đã tác động tích cực trong quá trình đầu tư, mở rộng, phát triển Hợp tác xã.

Các Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn từng bước đã hình thành việc Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa hợp tác xã, với các doanh nghiệp điển hình như: Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Đắc Nông, Hợp tác xã nông nghiệp thương mại Tia Sáng.

#### **4. Thực trạng công tác quản lý Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

Về cấp ủy, nhận thức được tầm quan trọng của KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp, các cấp ủy đảng, địa phương trong xây dựng chương trình, kế hoạch công tác đã đưa nội dung phát triển KTTT, HTX nông nghiệp vào chương trình hành động của đơn vị mình, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên.

Về chính quyền địa phương, UBND các huyện, TP Gia Nghĩa đã thành lập Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.

Các văn bản liên quan đã ban hành:

- Văn bản của tỉnh ủy: Ban hành 07 văn bản
- Văn bản của HĐND tỉnh: Ban hành 04 văn bản
- Văn bản UBND tỉnh: Ban hành 26 văn bản

\* *Đánh giá mức độ ảnh hưởng của công tác quản lý Nhà nước và ban hành các văn bản liên quan trong phát triển KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông qua khảo sát các HTX, kết quả như sau:*

- Mức độ hiệu quả của việc ban hành và hướng dẫn triển khai các chính sách và thực thi chính sách liên quan đến KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp. Để đánh giá các yếu tố đang phân tích, thực hiện kết quả khảo sát các HTX nông nghiệp. Ta có bảng tổng hợp sau:

**Bảng 11: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của yếu tố chính sách đến phát triển KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp**

STT	Chỉ tiêu	Số người đánh giá (người)	Tổng số người khảo sát (người)	Tỷ lệ (%)
1	Việc hướng dẫn triển khai hệ thống các văn bản Quy phạm pháp luật về phát triển KTTT, HTX nông nghiệp trên địa bàn là kịp thời	35	120	29,16
2	Hệ thống các văn bản Quy phạm pháp luật về phát triển KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp được ban hành mang lại hiệu quả	47	120	40
3	Hệ thống các văn bản Quy phạm pháp luật về phát triển KTTT, HTX nông nghiệp được ban hành phù hợp với từng đối tượng	54	120	45

*(Nguồn: Xử lý dữ liệu điều tra thực tế)*

Từ kết quả bảng trên cho thấy, mặc dù đã ban hành nhiều văn bản liên quan khác nhau nhưng việc triển khai hướng dẫn hệ thống các văn bản Quy phạm pháp luật về phát triển KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn là chưa kịp thời và chưa đáp ứng được hiệu quả và yêu cầu đặt ra như kỳ vọng. Qua đánh giá cho thấy, có 29,16% ý kiến cho rằng việc hướng dẫn triển

khai hệ thống các văn bản Quy phạm pháp luật về phát triển KTTT, HTX nông nghiệp trên địa bàn vẫn chưa kịp thời.

- Công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp: Qua số liệu khảo sát đánh giá các HTX cho thấy, hoạt động tuyên truyền phổ biến các chính sách pháp luật về KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp trong những năm qua đã có những bước chuyển biến tích cực. Qua kết quả khảo sát ở bảng dưới cho thấy, có 44 ý kiến cho rằng công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách pháp luật về KTTT, HTX nông nghiệp trên địa bàn đạt hiệu quả (chiếm 37,15%); có 41 ý kiến cho rằng bình thường (chiếm 34,12%); có 34 ý kiến (tương đương 28,56%) cho rằng công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông vẫn còn hạn chế, chưa mang lại hiệu quả cao.

**Bảng 12: Đánh giá về công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về KTTT, HTX nông nghiệp**

Mức độ đánh giá	Tần số	Tỷ lệ (%)
Rất hiệu quả	5	4,57
Hiệu quả	39	32,58
Trung bình	41	34,12
Không hiệu quả	27	22,76
Rất không hiệu quả	7	5,8
<b>Tổng số</b>	<b>120</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát*

Như vậy có thể thấy, công tác quản lý Nhà nước và ban hành các văn bản liên quan trong phát triển KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông vẫn còn hạn chế. Qua đánh giá cho thấy, có 29,16% ý kiến cho rằng việc hướng dẫn triển khai hệ thống các văn bản Quy phạm pháp luật về phát triển KTTT, HTX nông nghiệp trên địa bàn vẫn chưa kịp thời.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **1. Những kết quả đạt được**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể tỉnh đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh được sự quan tâm, đã triển khai thực hiện nghiêm túc, bằng nhiều giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố. Công tác phối hợp của các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, UBND các huyện, thành phố có nhiều chuyển biến tích cực.

- Chính sách, nguồn lực đầu tư cho khu vực kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp phong phú, đa dạng, vừa đầu tư, hỗ trợ từ kinh phí được cấp từ các đề án, vừa lồng ghép thông qua các chương trình, đề án khác; kết hợp giữa nguồn ngân sách Trung ương cấp thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện). Một số chính sách hỗ trợ HTX đã được thực hiện như: Chính sách về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, thành lập HTX, đăng ký nhãn hiệu: Cà phê, xoài, sầu riêng,...lồng ghép chương trình khuyến nông thử nghiệm một số mô hình nuôi trồng mới.

- Công tác tuyên truyền Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã được quan tâm. Các ban ngành, đoàn thể cấp huyện phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh và thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng đào tạo kết hợp phổ biến đến cán bộ, thành viên Hợp tác xã về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về kinh tế tập thể. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp trong nền kinh tế từng bước được nâng lên.

- Các hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp cơ bản đã thể hiện bản chất, nguyên tắc và giá trị của Hợp tác xã. Quá trình thành lập theo đúng trình tự của Luật Hợp tác xã và các Nghị định hướng dẫn của Chính phủ. Quan hệ giữa hợp tác xã và thành viên thể hiện được quan hệ bình đẳng, hợp tác, trên cơ sở thoả thuận, tự nguyện, cùng có lợi và cùng chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh.

- Hoạt động của các HTX, THT lĩnh vực nông nghiệp thực hiện theo đúng chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhiều HTX nông nghiệp đã ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh. Các HTX thực hiện các chương trình khuyến nông, khoa học công nghệ để xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể như: Sầu riêng Đắk Mil, Xoài Đắk Mil và Bơ VietGap song song với việc triển khai nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Các HTX đã bước đầu thực hiện vai trò liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho các thành viên; tham gia tích cực vào chuỗi giá trị đối với các sản phẩm của địa phương. Góp phần chuyển dịch và tái cơ cấu kinh tế theo định hướng chung của tỉnh, giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn. Đóng góp của các HTX đã tác động lớn vào việc hỗ trợ phát triển Kinh tế hộ thành viên, góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đóng góp vào chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế chung của toàn tỉnh.

## **2. Hạn chế, tồn tại**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền vẫn còn có nơi chưa được quan tâm kịp thời. Chưa phát huy tốt vai trò quản lý Nhà nước đối với kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp; nhiều HTX đã ngừng hoạt động nhiều năm nhưng chưa được giải quyết, xử lý theo quy định, công tác báo cáo thực hiện chưa tốt, số liệu báo cáo liên quan đến KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp không đầy đủ. HTX kiểu mới đã được tuyên truyền nhưng quy mô chậm phát triển, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị còn yếu.

Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX nông nghiệp được quan tâm, tuy nhiên chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế tại các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Một số chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với khu vực KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp triển khai thực hiện còn chậm và chưa hiệu quả. Nguồn lực phân bổ còn hạn chế, việc tháo gỡ khó khăn về vốn, đất đai xây dựng trụ sở và cơ sở sản xuất chế biến của HTX còn thiếu tính định hướng, chưa được giải quyết kịp thời. Chính sách hỗ trợ các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chưa thực hiện được. Việc tiếp cận

các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; đất đai để mở rộng nhà xưởng, hạng mục công trình của các HTX còn gặp rất nhiều khó khăn;

Công tác phối hợp của các tổ chức đoàn thể, các ngành trong tư vấn, tuyên truyền về phát triển kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp chưa được phát huy đúng mức. Nhận thức của một bộ phận người dân về tính tất yếu của kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp trong gắn kết, liên kết sản xuất, để nâng cao giá trị và sức cạnh tranh đối với kinh tế hộ gia đình còn hạn chế.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các HTX nông nghiệp chịu nhiều ảnh hưởng từ các tác động như: Giá cả thị trường không ổn định, biến đổi khí hậu, diễn biến phức tạp bởi dịch bệnh Covid-19,... dẫn đến nhiều khó khăn trong việc cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, kết nối cung cầu, việc liên doanh, liên kết được với các chợ truyền thống, hộ kinh doanh, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh ảnh hưởng nghiêm trọng, nhiều hợp đồng mua bán bị hủy (do giãn cách xã hội, nhiều đơn vị liên kết phải tạm ngừng hoạt động nên đầu mỗi tiêu thụ giảm); nhiều HTX thiếu vốn đầu tư, thiếu đất sản xuất, khu chế biến, kho lưu trữ, cơ sở hạ tầng xuống cấp.

Tuy tăng về số lượng nhưng quy mô HTX nông nghiệp trên địa bàn còn nhỏ; chưa năng động, linh hoạt trong sản xuất, kinh doanh. Trình độ, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ lãnh đạo HTX còn hạn chế, cơ bản chưa được qua đào tạo chuyên môn, quản lý kinh tế. Hầu hết Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, mức vốn thấp, khả năng huy động vốn, năng lực quản lý còn hạn chế, có Hợp tác xã thiếu vốn hoạt động, việc tiếp cận chính sách tín dụng còn nhiều khó khăn về cơ chế.

Số lượng các HTX nông nghiệp tăng, nhưng tỷ lệ HTX hoạt động trung bình, yếu chiếm tỷ lệ còn cao. Số HTX xây dựng được thương hiệu sản phẩm chưa nhiều, giá trị xuất khẩu và cạnh tranh trên thị trường còn hạn chế; việc xử lý các HTX ngừng không hoạt động chưa dứt điểm; năng lực nội tại của HTX yếu, còn phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ của Nhà nước;

Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý, sản xuất còn hạn chế; sức cạnh tranh của một số sản phẩm trên thị trường chưa cao; sự liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp, HTX, Tổ hợp tác, hộ thành viên, hộ nông dân theo chuỗi giá trị chưa chặt chẽ, thiếu tính ổn định, nhất là trong tiêu thụ sản



phẩm; giá trị HTX nông nghiệp mang lại cho thành viên chưa nhiều.

Các THT nông nghiệp trên địa bàn có quy mô nhỏ, nguồn nhân lực của THT không được đào tạo bài bản, năng lực còn nhiều hạn chế; hoạt động THT nông nghiệp hiện còn lỏng lẻo, thiếu tính liên kết, ít linh hoạt, sáng tạo; chậm khắc phục tình trạng khó khăn yếu kém; chưa chủ động xây dựng kế hoạch, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, hiệu quả thấp, chưa chủ động mở rộng hình thức kinh doanh theo hướng đa ngành nghề; chưa có các hình thức liên doanh liên kết khu vực THT nông nghiệp với các tổ chức doanh nghiệp, Hợp tác xã. Trình độ lao động còn thấp; nhiều nơi thành viên tham gia mang tính hình thức, chưa thu hút sự tham gia đầy đủ và phát huy tinh thần trách nhiệm của thành viên vào hoạt động cũng như công tác kiểm tra, giám sát THT.

### **3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

Việc triển khai, cụ thể hóa Luật Hợp tác xã năm 2012 và các Nghị quyết, chính sách để tạo điều kiện cho HTX, THT phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động còn chậm. Một số chính sách, quy định chưa sát thực tế đối với lĩnh vực kinh tế tập thể như: Chính sách đất đai, thuế, tín dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hợp tác xã;

Từng Hợp tác xã nông nghiệp chưa thực sự phát huy nội lực để vươn lên, còn chịu nhiều ảnh hưởng của tư duy cũ, còn tư tưởng trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước; thành viên ỷ lại, chưa thấy được trách nhiệm của mình đóng góp vào quá trình phát triển Hợp tác xã;

Nhiều HTX nông nghiệp còn lúng túng trong việc xác định phương án sản xuất kinh doanh và các giải pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ, thiếu năng động, sáng tạo trong việc mở rộng ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm phù hợp với cơ chế thị trường;

Chính sách hỗ trợ Kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp chưa nhiều, các giải pháp về thực hiện phát triển KTTT chưa mang lại hiệu quả cao, đội ngũ cán bộ quản lý HTX đa phần chưa đáp ứng yêu cầu điều hành kinh doanh của đơn vị;

Một số địa phương nhận thức chưa đầy đủ tầm quan trọng của KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp nên chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên

truyền vận động phát triển.

#### **IV. DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ PHÂN TÍCH SWOT ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

##### **1. Các yếu tố ảnh hưởng**

- *Định hướng phát triển KTTT ở cấp độ quốc gia:* Định hướng phát triển chung của kinh tế tập thể là khuyến khích phát triển trong các ngành nghề, lĩnh vực vùng, miền của đất nước, ưu tiên xây dựng các mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, gắn với sản phẩm chủ lực của quốc gia, địa phương, chương trình OCOP...; mở rộng quy mô thành viên. Hợp tác xã tập trung phát triển và cung ứng các dịch vụ phục vụ thành viên, hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm lợi ích hợp pháp của các thành viên.

- *Dự báo thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp:* Sản phẩm nông nghiệp nói chung và các sản phẩm khác của tỉnh Đắk Nông nói riêng, trong bối cảnh hầu hết nông dân đều tham gia vào sản xuất hàng hóa nên việc mở rộng thương mại quốc tế đem lại hiệu quả lan tỏa sâu rộng trong việc tạo việc làm và thu nhập của đông đảo người lao động nông thôn. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được xem là động lực để thúc đẩy cải cách nền nông nghiệp tạo ra những sản phẩm chất lượng có thương hiệu và lợi thế so sánh riêng để nâng cao giá trị sản phẩm.

Mặc dù phải chịu nhiều rủi ro từ các yếu tố bất yếu của thương mại quốc tế nhưng người sản xuất đã từng bước làm quen, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản, không ỷ lại vào trợ cấp và hàng rào bảo vệ thương mại của nhà nước. Ngoài ra hội nhập kinh tế còn mang lại cơ hội lớn cho việc cải thiện thể chế, chính sách, bộ máy Nhà nước hiệu quả hơn.

- *Dự báo về đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển kinh tế tập thể:* Ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đã được nhiều nước trên thế giới và khu vực quan tâm áp dụng từ nhiều thập kỷ qua, với lộ trình thực hiện bài bản và thật sự có hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao nhiều nước đã đạt tầm: có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; tích hợp được thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo

ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới và hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có. Điều này có ảnh hưởng rất lớn đối với việc phát triển kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp trên địa bàn.

## **2. Phân tích SWOT đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

### **2.1. Điểm mạnh**

Các HTX và THT nông nghiệp trên địa bàn hoạt động đúng quy định của Pháp luật, tạo được sự liên kết hợp tác sản xuất trong nông nghiệp; một số HTX nông nghiệp đã vươn lên tổ chức sản xuất kinh doanh theo hướng tổng hợp, phát triển các dịch vụ phục vụ lợi ích cho thành viên của HTX. Nhiều HTX nông nghiệp đã chủ động chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chú trọng ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, từng bước cải tạo tập quán sản xuất cũ, hướng vào thị trường.

### **2.2. Điểm yếu**

Năng lực nội tại của kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp vẫn còn nhiều bất cập như một số HTX thiếu vốn, thiếu nguồn nhân lực có chất lượng cao; đội ngũ cán bộ quản lý đa số tuổi cao, còn nặng tư duy HTX kiểu cũ, chưa năng động với thị trường; cơ sở vật chất xuống cấp, công nghệ sản xuất lạc hậu.

Nhiều HTX nông nghiệp chưa xây dựng được kế hoạch, chiến lược phát triển trung và dài hạn; công tác kế hoạch không được coi trọng đúng mức, nhiều đơn vị làm còn mang nặng tính hình thức. Hoạt động của các HTX nông nghiệp còn thiếu gắn bó, chưa có sự liên kết hệ thống cả về kinh tế, xã hội và tổ chức. Các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các HTX nông nghiệp còn ít, nội dung hạn chế; việc tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh còn yếu, gây khó khăn trong liên kết với các doanh nghiệp tiêu thụ nông sản.

Chất lượng đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu công tác, cán bộ chủ chốt không ổn định, thay đổi thường xuyên ảnh hưởng tới hoạt động của HTX nông nghiệp.

Các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp

chưa đủ mạnh, chưa tạo cơ chế thúc đẩy phát triển. Việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về HTX trong nông nghiệp còn chông chéo và chưa rõ ràng, chưa nhận được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của các ngành, các cấp.

### **2.3. Cơ hội**

Sự quan tâm hỗ trợ của các cấp từ Trung ương đến địa phương đối với việc phát triển kinh tế tập thể nói chung và kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp nói riêng. Hiện nay, đang triển khai đồng bộ nhiều chính sách hỗ trợ trong phát triển nông nghiệp, nông thôn như chính sách trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển hợp tác xã.

Việt Nam đang là thành viên của các tổ chức thương mại trong khu vực và quốc tế sẽ tạo ra cơ hội cho các sản phẩm của tỉnh Đắk Nông tiếp cận được với thị trường mới đầy tiềm năng.

Ứng dụng kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp của các HTX nông nghiệp đang được phổ biến, đây là cơ hội nâng cao hiệu quả sản xuất và giúp tăng thu nhập cho HTX cũng như của các thành viên, tạo tiền đề cho sản xuất từng bước đáp ứng được tiêu chuẩn cao của thị trường trong nước và quốc tế về các mặt hàng nông sản.

Có sự hỗ trợ của các tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước (tập huấn đào tạo, chuyển giao khoa học kỹ thuật).

### **2.4. Thách thức**

Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm các các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn.

Yêu cầu ngày càng cao về chất lượng và sản phẩm nên các HTX phải không ngừng đổi mới, cải tiến sản phẩm để đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Quá trình sản xuất của các HTX nông nghiệp hiện nay đứng trước thách thức phải được tiêu chuẩn hóa theo yêu cầu của các thị trường, hàng nông thủy sản phải có nhãn hiệu và thương hiệu cũng như các HTX phải ngày càng cải thiện để phát triển mạnh về số lượng, tiến bộ rõ về chất lượng, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Cùng với việc phát triển chất lượng sản phẩm hướng đến mở rộng thị

trường thì việc hình thành nên thương hiệu và tiêu chuẩn hóa sản phẩm phù hợp với xu hướng chung và tiêu chuẩn chung của Quốc tế là tiêu chí được quan tâm trọng. Đây là một trong những thách thức lớn cho các HTX nông nghiệp trên địa bàn.

## PHẦN THỨ BA

# NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

## I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

### 1. Quan điểm

Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp nhanh và bền vững, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của người dân và tổ chức tham gia với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; phát triển dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xu hướng phát triển và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp của địa phương, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp năng động, hiệu quả góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội; tiếp tục phát huy và khẳng định vị trí, vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã;

Chú trọng hỗ trợ phát triển các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động có hiệu quả trở thành kiểu mẫu để nhân rộng; khuyến khích người dân tham gia góp đất tạo quỹ đất đủ lớn, hình thành vùng sản xuất hàng hóa để nhân rộng và thu hút người dân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoặc liên kết với hợp tác xã.

### 2. Mục tiêu

#### 2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp cả về chiều rộng và chiều sâu. Tập trung phát triển các HTX chuyên ngành gắn với chuỗi giá trị trong nông nghiệp.

Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và người dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp trong điều kiện mới. Tập trung xây dựng và phát triển HTX kiểu mới, gắn kết chặt chẽ với các loại hình doanh nghiệp, các hoạt động sản xuất, kinh doanh

của nền kinh tế.

Từng bước chuyển đổi số, thúc đẩy hỗ trợ tiêu thụ nông sản thông qua các nền tảng số nói chung cho các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho các HTX nông nghiệp; nâng cao năng lực triển khai chuyển đổi số, thúc đẩy tiêu thụ nông sản trên các nền tảng số và thúc đẩy các chương trình hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch Covid-19.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Xây dựng và hình thành mỗi năm ít nhất 05 mô hình điểm THT, HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Phát triển các mô hình HTX nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị sản phẩm cho 50 HTX;

- Thực hiện việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao để có trên 50% HTX ứng dụng công nghệ cao trong quản lý, sản xuất và tiêu thụ nông sản;

- Phấn đấu có ít nhất 40% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức từ 70 – 80% cán bộ quản lý điều hành HTX nông nghiệp các kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu phát triển của HTX trong thời kỳ hội nhập; 100% số cán bộ chủ chốt HTX tham gia ít nhất một khóa tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ;

- Phấn đấu 100% HTX có sản phẩm nông nghiệp được giao dịch trên sàn thương mại điện tử;

- Hình thành 05 mô hình HTX liên kết sản xuất với các doanh nghiệp; là những mô hình thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của địa phương, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm;

- Phấn đấu 100% tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp được tổ chức tập huấn, giới thiệu các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm;

- Xây dựng điểm 03 - 05 mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm;

- Thực hiện củng cố, tư vấn hướng dẫn 100% số HTX nông nghiệp hoạt động trung bình, hoạt động có hiệu quả; cơ bản không còn HTX hoạt động yếu kém; xử lý dứt điểm các hợp tác xã đã ngừng hoạt động;

- Vận động thành lập mới khoảng 20 HTX nông nghiệp/năm; đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có khoảng 216 HTX nông nghiệp; doanh thu bình quân của các HTX nông nghiệp đạt khoảng 1.600 triệu đồng/năm/HTX;

- Phân đấu đến năm năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 259 THT nông nghiệp, tốc độ tăng bình quân THT nông nghiệp trên địa bàn giai đoạn 2021 – 2025 đạt 4,38%/năm; doanh thu bình quân của THT nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 500 triệu đồng/THT; lợi nhuận bình quân đạt 36,78%/THT/năm;

- Phân đấu đến năm 2025 có 40 HTX có sản phẩm đạt OCOP.

## **II. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Duy trì, củng cố, giải thể các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp**

Trong giai đoạn tới cần tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp nhất là đối với HTX gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; xây dựng phát triển HTX hiệu quả, ứng dụng công nghệ và phát triển bền vững, mở rộng quy mô thành viên và quy mô về sản xuất kinh doanh (quy mô toàn xã); sản xuất gắn với chế biến và ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật mới tiên tiến, tạo ra những sản phẩm hàng hóa chất lượng mang tính đặc thù của địa phương, phát huy hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện đời sống thành viên; phát triển thành viên thông qua thu hút ngày càng nhiều nông dân, hộ kinh tế cá thể và tổ chức tham gia vào phát triển kinh tế tập thể, HTX.

Hướng dẫn chuyển đổi và xây dựng các mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho các HTX đặc biệt đối với HTX khá, giỏi, trung bình. Đối với các HTX nông nghiệp hoạt động kém hiệu quả: Hướng dẫn Hội đồng quản trị, Giám đốc HTX báo cáo đánh giá hoạt động của HTX sát với tình hình thực tế; xây dựng lại Phương án phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với thị trường hiện nay và tổ chức hoạt động có hiệu quả; thường xuyên liên hệ với cơ quan, đơn vị



có thẩm quyền để được tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn đổi mới, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các HTX nông nghiệp cần rà soát lại đội ngũ cán bộ kế toán, bộ máy quản lý của HTX để điều chỉnh hoặc cử đi đào tạo, bồi dưỡng giúp Hội đồng quản trị quản lý tốt tài chính trong HTX, thường xuyên đào tạo nâng cao ý thức trách nhiệm, giải quyết tốt chế độ chính sách, tạo điều kiện cho cán bộ HTX an tâm làm việc.

### **1.1. Duy trì, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp**

#### 1.1.1. Mục tiêu thực hiện

Đến năm 2025, duy trì, củng cố và phát triển 136 HTX nông nghiệp đang hoạt động (trong đó có 111 HTX hoạt động chưa hiệu quả); Hoàn thành hồ sơ, thủ tục giải thể đối với 41 HTX nông nghiệp đã ngừng hoạt động mà chưa được giải thể theo quy định.

#### 1.1.2. Đối tượng hỗ trợ

- HTX, Liên hiệp HTX lĩnh vực nông nghiệp đang hoạt động, hoạt động kém hiệu quả hoặc có nhu cầu phát triển mở rộng;
- HTX, Liên hiệp HTX nông nghiệp được sáp nhập, hợp nhất, chia tách;
- Người dân có nhu cầu thành lập tổ chức KTTT, HTX nông nghiệp.

#### 1.1.3. Nội dung và hình thức hỗ trợ

- Tổ chức các lớp tư vấn, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp;
- Cung cấp thông tin, tư vấn, phổ biến quy định pháp luật về HTX; hỗ trợ tư vấn xây dựng/sửa đổi điều lệ, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động theo quy định hiện hành cho các tổ chức KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp;
- Tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tay nghề, kỹ thuật sản xuất, kinh doanh cho cán bộ HTX và thành viên.

#### 1.1.4. Tổ chức triển khai thực hiện

- + Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT
- + Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2025
- + Đơn vị triển khai thực hiện: Các tổ chức KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp.

## **1.2. Hướng dẫn giải thể đối với các HTX nông nghiệp đã ngừng hoạt động gồm hình thức giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc**

Đối với HTX yếu kém, nợ đọng nhiều, thua lỗ không có khả năng chuyển đổi thì thực hiện các thủ tục giải thể hoặc tổ chức thành các mô hình kinh tế hợp tác khác phù hợp với điều kiện hoạt động của từng đơn vị.

Kinh phí giải thể sử dụng từ các nguồn tài chính còn lại của HTX nông nghiệp; trường hợp không đủ thì sử dụng nguồn ngân sách địa phương cùng cấp với cơ quan đăng ký HTX, Liên hiệp HTX (Điều 19 Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX).

### **1.3. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện cho nội dung công tác hỗ trợ trong việc thành lập mới, củng cố các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 như sau:

- Hỗ trợ thành lập mới tổ chức KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp là 2.075 triệu đồng;
- Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về KTTT, HTX là 360 triệu đồng;
- Hỗ trợ rà soát, củng cố, xử lý dứt điểm đối với các HTX nông nghiệp yếu kém, đã ngừng hoạt động hoặc hoạt động không đúng quy định của Luật HTX là 600 triệu đồng.

**Bảng 13: Dự kiến kinh phí hỗ trợ củng cố Hợp tác xã**

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (triệu đồng)
<b>I</b>	<b>Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp</b>			<b>3.035</b>
1	Hỗ trợ thành lập mới tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp			2.075
1.1	Tổ chức các lớp tập huấn, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động, cho các đối tượng là sáng lập viên có nhu cầu thành lập HTX, THT, Liên hiệp HTX lĩnh vực nông nghiệp	Lớp	4	360
1.2	Hỗ trợ kinh phí thành lập mới Liên hiệp HTX, HTX nông nghiệp	Đơn vị	80	1.715
2	Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền về chủ trương của Đảng, Luật HTX và các chính sách phát triển KTTT, HTX nông nghiệp cho các địa phương trên địa bàn tỉnh	Lớp	4	360
3	Hỗ trợ rà soát, củng cố, xử lý dứt điểm đối với các HTX nông nghiệp yếu kém, đã ngừng hoạt động hoặc hoạt động không đúng quy định của Luật HTX	Đợt	4	600

## **2. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp**

### **2.1. Nội dung phát triển các tổ hợp tác nông nghiệp**

Định hướng đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 259 THT nông nghiệp, tốc độ tăng bình quân THT nông nghiệp trên địa bàn giai đoạn 2021 – 2025 đạt 4,38%/năm.

**Bảng 14: Dự kiến phát triển các THT nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

Stt	Địa bàn	THT năm 2021	THT năm 2025	Tăng BQ (%)
1	TP Gia Nghĩa	7	10	7,39
2	Huyện Đắk R'Lấp	10	15	8,45
3	Huyện Tuy Đức	12	17	7,21
4	Huyện Đắk G'Long	81	87	1,44
5	Huyện Đắk Song	31	45	7,74
6	Huyện Đắk Mil	20	25	4,56
7	Huyện Krông Nô	22	28	4,94
8	Huyện Cư Jút	26	32	4,24
	<b>Tổng</b>	<b>209</b>	<b>259</b>	<b>4,38</b>

Phấn đấu đến năm 2025, doanh thu bình quân của THT nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 500 triệu đồng/THT; lợi nhuận bình quân đạt 36,78%/THT/năm.

Để đạt được mục tiêu đến năm 2025, toàn tỉnh Đắk Nông thành lập mới 259 THT nông nghiệp, nhiệm vụ cần phải tổ chức hoạt động của các THT nông nghiệp (thành lập mới) trên cơ sở kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm, bố trí kinh phí để hỗ trợ cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn cho sáng lập viên THT nông nghiệp; tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của THT. Thực hiện tư vấn giúp cho các THT thực hiện lập hồ sơ, hợp đồng liên kết và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác.

**Bảng 15: Các chỉ tiêu phát triển THT nông nghiệp chủ yếu**

Stt	Hạng mục	ĐVT	Năm 2021	Năm 2025	Tăng BQ (%)
1	Tổng số THT nông nghiệp	HTX	209	259	5,51
2	Tổng số thành viên của các THT nông nghiệp	Thành viên	3.970	5.750	9,7
3	Doanh thu bình quân của một THT nông nghiệp	Triệu đồng/năm	220	500	22,78
4	Lợi nhuận bình quân của một HTX nông nghiệp	Triệu đồng/năm	20	70	36,78

## **2.2. Nội dung phát triển các hợp tác xã nông nghiệp**

Định hướng phát triển HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới cần tập trung phát triển theo hướng:

- Một là phát triển HTX trên cơ sở quy hoạch vùng nông lâm nghiệp của tỉnh và liên tỉnh;

- Hai là nâng cao trình độ quản lý hiện đại cho các HTX nông nghiệp về marketing sản phẩm nông nghiệp, chuỗi giá trị, công nghiệp chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp từ nguyên liệu đến đa dạng hóa sản phẩm cuối cùng trong vùng;

- Ba là đẩy mạnh hợp tác và liên kết vùng trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Phát triển các HTX nông nghiệp trên cơ sở lấy hợp tác làm trọng tâm để thúc đẩy sự liên kết dọc và liên kết ngang trong sản xuất nông nghiệp.

**Bảng 16: Các chỉ tiêu phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

Stt	Hạng mục	Đvt	Năm 2021	Năm 2025	Tăng BQ %
1	Số HTX nông nghiệp	HTX	136	216	12,26
2	Tổng số thành viên HTX nông nghiệp	Thành viên	1.977	3.819	17,89
3	Tổng số lao động thường xuyên trong các HTX nông nghiệp	LĐ	1.545	3.204	20
4	Tổng vốn hoạt động của các HTX nông nghiệp	Triệu đồng	30.431	101.076	35
5	Tổng giá trị tài sản của các HTX nông nghiệp	Triệu đồng	38.038	92.867	25
6	Doanh thu bình quân của các HTX nông nghiệp	Triệu đồng/năm	1.144	1.600	8,75
7	Lợi nhuận bình quân của HTX nông nghiệp	Triệu đồng/năm	308	600	18,12
8	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX nông nghiệp	Triệu đồng/năm	46,2	60	6,75
9	Tổng số cán bộ quản lý của HTX nông nghiệp	Người	476	648	8,02
10	Số cán bộ quản lý HTX nông nghiệp đã qua đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp	Người	85	389	46,24
11	Số cán bộ quản lý HTX nông nghiệp đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	70	200	30,01
12	Tổng số HTX có sản phẩm đạt OCOP	HTX	16	40	25,74

Căn cứ vào quy mô vùng sản xuất tập trung để xác định phát triển hợp tác xã với số lượng, quy mô phù hợp với trình độ quản lý của HTX, không phân biệt địa giới hành chính. Vận động thành lập mới khoảng 20 HTX nông nghiệp/năm, đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh có khoảng 216 HTX nông nghiệp, chú trọng về số lượng thành viên và vốn góp để tăng quy mô sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường; thực hiện chỉ tiêu phát triển HTX đến năm 2025. Tùy điều kiện cụ thể có thể xem xét sáp nhập những HTX cùng ngành nghề trên cùng địa bàn để tăng quy mô thành viên, diện tích sản xuất, vốn.

**Bảng 17: Mục tiêu phát triển HTX nông nghiệp ở các địa phương**

Stt	Địa bàn	Số HTX nông nghiệp thành lập mới giai đoạn 2022 - 2025	Số HTX đến năm 2025	Tỷ lệ % HTX ứng dụng công nghệ cao	Tỷ lệ % HTX liên kết theo chuỗi
1	TP Gia Nghĩa	4	20	40	35
2	Huyện Đắk R'Lấp	12	34	45	40
3	Huyện Tuy Đức	10	22	30	30

Stt	Địa bàn	Số HTX nông nghiệp thành lập mới giai đoạn 2022 - 2025	Số HTX đến năm 2025	Tỷ lệ % HTX ứng dụng công nghệ cao	Tỷ lệ % HTX liên kết theo chuỗi
4	Huyện Đắk G'Long	13	24	35	30
5	Huyện Đắk Song	12	36	45	40
6	Huyện Đắk Mil	14	24	40	40
7	Huyện Krông Nô	4	30	40	35
8	Huyện Cư Jút	11	26	45	35
	<b>Tổng</b>	<b>80</b>	<b>216</b>	<b>40</b>	<b>36</b>

### 2.3. Nội dung phát triển các liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp

Đến năm 2025, phấn đấu thành lập mới 04 liên hiệp HTX nông nghiệp (Lũy kế đến cuối năm 2025, toàn tỉnh có 07 liên hiệp HTX nông nghiệp), bao gồm: 01 liên hiệp HTX về lúa gạo tại địa bàn các huyện Cư Jút và Krông Nô; 01 liên hiệp HTX Mắc ca tại địa bàn các huyện Tuy Đức, Đắk Song; 01 liên hiệp HTX cây ăn trái tại địa bàn các huyện Đắk Mil, Đắk Song, thành phố Gia Nghĩa, Đắk R'lấp; 01 liên hiệp HTX chăn nuôi tại địa bàn các huyện Cư Jút, Krông Nô, Đắk R'lấp.

Do vậy, trong thời gian tới, cần tổ chức đánh giá, lựa chọn các HTX nông nghiệp có đủ điều kiện và khả năng tham gia liên hiệp HTX. Sẽ tổ chức tại địa bàn các huyện dự kiến thành lập 04 liên hiệp HTX (Thời gian dự kiến tổ chức họp đánh giá vào khoảng thời gian 2022 – 2025; địa điểm tổ chức đánh giá tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông).

### 3. Nâng cao năng lực, nhận thức trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025, gồm các nội dung và quy định như sau:

#### 3.1. Đối tượng hỗ trợ

- Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn.

- Công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp tại các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương (bao gồm: công chức chuyên trách và công chức kiêm nhiệm).

- Công chức, viên chức của Liên minh hợp tác xã các cấp, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

- Giảng viên về kinh tế tập thể trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

### **3.2. Nội dung các hoạt động tổ chức đào tạo, tư vấn sản xuất kinh doanh**

#### **3.2.1. Mục tiêu**

- Tăng cường, nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý HTX, THT; đổi mới phương thức đào tạo sát với thực trạng sản xuất, kinh doanh của các HTX, THT.

- Xây dựng nội dung đổi mới với các hoạt động đào tạo, tư vấn sản xuất kinh doanh cho các tổ chức kinh tế tập thể hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp.

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế hợp tác và cán bộ HTX, THT lĩnh vực nông nghiệp, trong đó: đào tạo, tập huấn, đào tạo lại cho 100% thành viên ban quản trị, giám đốc HTX; khoảng 70% cán bộ ban kiểm soát, kế toán của các HTX nông nghiệp.

- Đào tạo nghề cho thành viên HTX, THT lĩnh vực nông nghiệp phát triển các ngành nghề sản xuất, phát huy tiềm năng về sức lao động, nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương.

#### **3.2.2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng**

##### **a/ Nội dung đào tạo, bồi dưỡng:**

- Tổ chức đào tạo, dạy nghề cho Ban Giám đốc HTX

- Marketing sản phẩm nông nghiệp

- Tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp

- Tài chính kế toán trong HTX

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trong HTX

- Liên kết sản xuất và chuỗi giá trị nông sản

- Đổi mới công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm
- Quản trị nhân sự trong HTX
- Xây dựng và phát triển thương hiệu HTX; thương mại hóa nông sản
- Áp dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm và quản lý HTX
- Nâng cao năng lực về hệ thống pháp luật trong HTX
- Các kỹ năng quản lý điều hành HTX
- Các kỹ năng giao thương, mối quan hệ, đàm phán, quản trị sự thay đổi

b/ Đối tượng hỗ trợ: Ban quản trị HTX, thành viên, người lao động đang làm việc tại HTX nông nghiệp có nhu cầu đào tạo đại học.

c/ Điều kiện hỗ trợ:

- Đang công tác và có thời gian làm việc tại cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo ít nhất 01 năm;

- Được cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp vị trí công tác và nhu cầu của cơ quan, đơn vị;

- Có đơn đề nghị được hỗ trợ đào tạo của cơ quan, đơn vị;

- Không quá 50 tuổi;

- Cam kết bằng văn bản làm việc tại HTX nông nghiệp ít nhất gấp đôi thời gian tham gia khóa đào tạo sau khi tốt nghiệp, chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với Nhà nước trong trường hợp không thực hiện cam kết;

- Ưu tiên xem xét các HTX nông nghiệp tham gia chuỗi giá trị, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), sản xuất sản phẩm ứng dụng khoa học công nghệ cao; sản xuất sản phẩm sạch, an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP,...

d/ Nội dung hỗ trợ:

- Kinh phí mua giáo trình phục vụ khóa học (không bao gồm tài liệu tham khảo);

- Học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo;

- Chi phí ăn, ở theo thời gian thực tế tham gia khóa đào tạo; không quá



05 năm đối với đào tạo dài hạn, 03 năm đối với đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học, 02 năm đối với đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.

### 3.2.3. Thu hút lao động trẻ về làm việc tại HTX lĩnh vực nông nghiệp

#### a/ Đối tượng hỗ trợ:

Người tốt nghiệp cao đẳng, đại học và sau đại học.

#### b/ Điều kiện hỗ trợ:

- Có phẩm chất, đạo đức tốt;
- Tốt nghiệp các ngành phù hợp với ngành nghề đăng ký và nhu cầu của HTX nông nghiệp;

- Không quá 35 tuổi;

- Cam kết bằng văn bản làm việc tại HTX nông nghiệp ít nhất 05 năm;

- Ưu tiên xem xét các HTX chuyên đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012, HTX tham gia chuỗi giá trị, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), sản xuất sản phẩm ứng dụng khoa học công nghệ cao; sản xuất sản phẩm sạch, an toàn theo tiêu chuẩn GAP,...

c/ Nội dung hỗ trợ: Mỗi năm các HTX đang hoạt động được hỗ trợ để hợp đồng tối đa 02 người về làm việc. Trong đó, có 01 người đảm nhận công tác chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ và 01 người đảm nhận vị trí trong Ban Giám đốc của HTX nông nghiệp.

d/ Mức hỗ trợ: Hỗ trợ mỗi tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, thời hạn hỗ trợ không quá 36 tháng/người. Như vậy kinh phí hỗ trợ cho 01 lao động trẻ về làm việc khoảng 150 triệu đồng/3 năm;

e/ Quy mô thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025, thu hút khoảng 70 người có trình độ từ cao đẳng trở lên về làm việc tại các HTX lĩnh vực nông nghiệp.

### 3.2.4. Tổ chức triển khai thực hiện

+ Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT, Liên Minh HTX

+ Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2025

+ Đơn vị triển khai thực hiện: Các tổ chức KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp.

**Bảng 18: Chi tiết hỗ trợ đào tạo và tập huấn**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Thành tiền (triệu đồng)</b>
1	Hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực tại các tổ chức kinh tế tập thể lĩnh vực nông nghiệp			4.000
1.1	Bồi dưỡng thành viên, người lao động của các HTX nông nghiệp	Người	1.600	3.200
1.2	Tổ chức các lớp bồi dưỡng công chức, viên chức cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, HTX nông nghiệp	Lớp	8	800
2	Hỗ trợ cho lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp giai đoạn 2021-2025	Người	70	10.500
*	<b>Tổng kinh phí</b>			<b>14.500</b>

#### **4. Nội dung huy động các nguồn vốn về đầu tư, tín dụng cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Lồng ghép, kết hợp các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh, nhằm thu hút các nguồn lực phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác, liên kết.

Tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các hộ nông dân khi tham gia HTX, THT lĩnh vực nông nghiệp và các hình thức tổ chức liên kết hợp tác sản xuất kinh doanh theo chuỗi các sản phẩm nông nghiệp.

Tranh thủ sự tài trợ, hỗ trợ về tài chính và cơ sở vật chất của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, khuyến khích các doanh nghiệp tập trung đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trong đó có các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp.

*\* Về chính sách tín dụng:*

a/ Đối tượng hỗ trợ: HTX nông nghiệp có nhu cầu, có dự án vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

b/ Điều kiện hỗ trợ: Đã hoàn thành thủ tục vay vốn theo quy định của

Nhà nước tại các Ngân hàng thương mại.

c/ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ lãi suất phần chênh lệch giữa lãi suất thực tế cho vay của Ngân hàng thương mại với lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

d/ Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ bằng chênh lệch lãi suất thực tế cho vay trong hạn của Ngân hàng thương mại so với lãi suất cho vay của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh; hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/HTX. Thời gian được hỗ trợ lãi suất đối với HTX (tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại) tối đa là 05 năm đối với các dự án vay đầu tư sản xuất và tối đa 03 năm đối với dự án vay đầu tư kinh doanh dịch vụ.

### **5. Nội dung áp dụng khoa học công nghệ cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Hỗ trợ tư vấn cho các HTX, Liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng khoa học – kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Tập trung chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao cho HTX, THT; thực hiện hướng dẫn và cấp mã số vùng trồng, xây dựng HTX, THT chăn nuôi đạt chứng nhận an toàn sinh học; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, thiết kế mẫu bao bì, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông nghiệp của HTX; Hướng dẫn hợp tác xã thực hiện và tuân thủ quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của nhà nước và yêu cầu thị trường tiêu thụ.

Xây dựng Đề án “Ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho các HTX trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”.

**Bảng 19: Dự kiến kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Thành tiền (triệu đồng)</b>
1	Hỗ trợ tư vấn cho các HTX, Liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng khoa học – kỹ thuật	HTX	50	2.500

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Thành tiền (triệu đồng)</b>
2	Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng, xây dựng HTX, THT chăn nuôi đạt chứng nhận an toàn sinh học; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, thiết kế mẫu bao bì, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông nghiệp của HTX.	HTX	50	2.500
3	Xây dựng Đề án “ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho các HTX trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”.	DA	1	500
*	<b>Tổng kinh phí</b>			<b>5.500</b>

## **6. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

a/ Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

b/ Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, thực hành sản xuất xanh, OCOP hay HTX sản xuất theo mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp (là quá trình sản xuất theo chu trình khép kín, hầu hết các chất thải, phế phụ phẩm được quay lại làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất khác thông qua việc áp dụng công nghệ sinh học, công nghệ hóa lý, các tiến bộ khoa học kỹ thuật cùng với những ứng dụng rất linh hoạt trong quá trình tổ chức sản xuất và kinh doanh).

c/ Nội dung hỗ trợ

- Kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong và ngoài nước; chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.

- Tổ chức cho các HTX, THT nông nghiệp tiếp cận các kênh tiêu thụ và phân phối sản phẩm với đa dạng hình thức: Hội nghị kết nối giao thương, hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, giao dịch trên sàn thương mại điện tử, bán hàng trực tuyến; thực hiện cầu nối cho HTX với các nhà phân phối bán lẻ như Coopmart, Bách Hóa Xanh,...

- Xây dựng một số trung tâm xúc tiến thương mại (bán và giới thiệu sản phẩm); hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán

sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp tại các địa phương.

- Tổ chức, vận động, hỗ trợ cho HTX liên kết sản xuất và tiêu thụ theo các hình thức: Trang trại, doanh nghiệp tham gia hợp tác xã; hợp đồng liên kết giữa hợp tác xã với hợp tác xã, hợp tác xã với doanh nghiệp.

- Tiếp tục phát triển và duy trì sàn giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể.

- Mỗi huyện có một Showroom/ cửa hàng để phục vụ bán hàng; đồng thời bán hàng online cho các HTX có sản phẩm.

#### d/ Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ

- Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể.

- Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài; tổ chức diễn đàn kinh tế tập thể; hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp trong việc đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa.

**Bảng 20: Kinh phí hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường**

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (triệu đồng)
1	Hỗ trợ kinh phí tham gia các đợt hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước	Đợt	10	1.500
2	Hỗ trợ thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm gắn với các điểm OCOP cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp tại các địa phương	Điểm	8	480
3	Tổ chức Tuần lễ trưng bày sản phẩm và kết nối cung cầu cho các HTX nông nghiệp hàng năm	Đợt	8	2.400
4	Hỗ trợ hướng dẫn và triển khai giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp	HTX	229	4.580
5	Hỗ trợ HTX đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa	HTX	229	6.870
*	<b>Tổng kinh phí</b>			<b>15.830</b>

## **7. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng và chế biến sản phẩm**

a/ Đối tượng hỗ trợ: Các HTX, liên hiệp HTX (gọi chung là HTX) hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

b/ Cơ chế đầu tư

- Điều kiện hỗ trợ

+ HTX nông nghiệp căn cứ nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm có đơn đề nghị gửi UBND cấp huyện nơi HTX tổ chức sản xuất, kinh doanh.

+ Các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế quy định số lượng thành viên cụ thể, ưu tiên các HTX nông nghiệp có số lượng thành viên lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; HTX nông nghiệp hoạt động trên các địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ máy móc dây chuyền thiết bị phục vụ chế biến sâu; máy móc phục vụ phân loại và đóng gói sản phẩm, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

+ Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp (bao gồm: Cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội đồng).

- Nguồn vốn và mức hỗ trợ:

+ Nguồn vốn: Ngân sách, HTX và vốn hợp pháp khác.

+ Mức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100%; căn cứ mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, vốn đề xuất đối ứng của HTX, vốn từ các nguồn hợp pháp khác và tính chất của dự án/phương án tính xem xét, quyết định mức hỗ trợ cho dự án/phương án từ nguồn ngân sách địa phương.

- Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho HTX nông nghiệp trên cơ sở các HTX xây dựng đề án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi; Hội

đồng cấp huyện duyệt đề án; HTX có báo giá mua trang thiết bị, máy móc; tài chính huyện chuyển khoản thanh toán qua nhà cung cấp – HTX nhận. Với phương thức này sẽ nâng cao trách nhiệm và làm chủ tài chính, trách nhiệm về quản lý và sử dụng máy móc thiết bị của HTX, nâng cao năng lực và giám sát kiểm tra của cơ quan nhà nước.

c/ Cơ chế quản lý sau đầu tư

Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của HTX, HTX nông nghiệp tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi HTX giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi HTX đã tiến hành đăng ký thành lập quản lý. Do vậy, cơ chế quản lý sau đầu tư do tài chính địa phương quy định.

**8. Xây dựng nội dung phát triển tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trong liên kết phát triển, gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế hợp tác trong sản xuất nông nghiệp, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm OCOP thông qua các hợp đồng kinh tế:

- Tăng cường phát triển các hình thức tổ chức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ và chế biến sản phẩm, khuyến khích phát triển kinh tế HTX, THT, trang trại, các loại hình doanh nghiệp nông nghiệp nông thôn, xây dựng các chuỗi sản xuất chế biến tiêu thụ hàng hóa nông sản.

- Xây dựng các mô hình HTX nông nghiệp liên kết bền vững tại các huyện, thành phố gắn với xây dựng vùng sản xuất tập trung.

- Thành lập và xây dựng các mô hình HTX của các chủ trang trại gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng tại các huyện

- Tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế chính sách, địa bàn, thị trường để thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ quan quản lý, nhà khoa học, tư vấn dịch vụ, ngân hàng... cùng với nông dân tham gia xây dựng chuỗi giá trị trong mô hình liên kết.

### **8.1. Nội dung thực hiện**

- Xây dựng kế hoạch và củng cố các hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, Hợp tác xã nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia;
- Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ thực hiện các thủ tục thành lập Hợp tác xã;
- Ưu tiên đầu tư nguồn lực, hỗ trợ để phát triển các tổ chức kinh tế tập thể, Hợp tác xã nông nghiệp hiện có; Hỗ trợ thành lập mới các Hợp tác xã nông nghiệp thông qua các chuỗi liên kết với doanh nghiệp.

### **8.2. Phát triển các sản phẩm tham gia trong Chương trình OCOP của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn**

- *Mục tiêu:* Phân đầu đến năm 2025, lũy kế có 40 HTX có sản phẩm OCOP (phát triển ít nhất 06 HTX có sản phẩm OCOP/năm).

- *Nội dung:* Hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm OCOP của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp, phát triển ý tưởng sản phẩm, hoàn thiện sản phẩm theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, hình thức mẫu mã bao bì. Phát triển sản phẩm mới trên cơ sở tận dụng nguồn nguyên liệu, lao động, trang thiết bị sẵn có để đa dạng sản phẩm của hợp tác xã và gia tăng giá trị sản phẩm.

Tiếp tục tuyên truyền, tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo Kết luận số 70/KL-TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Nghị quyết Đại hội VI Liên minh HTX Việt Nam, đặc biệt là Kết luận số 809-KL/TU ngày 19/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phát triển nông nghiệp bền vững theo chuỗi liên kết trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Lồng ghép kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp gắn liền với chương trình mỗi xã mỗi sản phẩm OCOP.

### **8.3. Nội dung phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp gắn với chương trình OCOP**

Các chính sách chung theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP, ngày 05 tháng 07 năm 2018 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.



- Chính sách về đầu tư sản xuất giống cây trồng, vật nuôi cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp tham gia vào Chương trình OCOP

+ Ngân sách tỉnh Đắk Nông ưu tiên đầu tư cho công tác nghiên cứu sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao tham gia vào Chương trình OCOP

- Chính sách về hỗ trợ dịch vụ tư vấn phục vụ chương trình phát triển cây trồng, vật nuôi tham gia vào chương trình OCOP của tỉnh: Đối với tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp có phương án đầu tư phát triển sản xuất các sản phẩm OCOP được duyệt, được ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% kinh phí thuê tư vấn (xây dựng phương án vay vốn, tư vấn quản lý, tư vấn sở hữu trí tuệ, tư vấn thiết kế, xây dựng thương hiệu, tư vấn nghiên cứu khoa học, tư vấn chuyên gia công nghệ, tư vấn áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất, chứng nhận thương hiệu giống cây con, hỗ trợ 1 lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận sản phẩm an toàn theo VietGAP, GlobalGAP).

**\* Các chương trình/dự án dự án phát triển kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp gắn với chương trình OCOP**

a. Mục tiêu:

- Xây dựng các mô hình điểm, dự án phát triển các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp nhằm gắn kết nông thôn và du lịch.

- Mỗi tiểu dự án tạo ra ít nhất 3-5 sản phẩm thuộc nhóm đang phát triển mạnh ngành nghề nông thôn.

b. Nội dung:

- Điều tra, khảo sát hiện trạng (Vùng nguyên liệu, nguồn nguyên liệu nông lâm, thủy sản, thị trường, cơ sở vật chất, hạ tầng).

- Xây dựng phương án/kế hoạch chi tiết triển khai, hình thức triển khai.

- Chuyển giao dây chuyền, công nghệ vận hành sản xuất tạo sản phẩm.

c. Đối tượng thụ hưởng: Các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp tham gia hoạt động sản xuất các sản phẩm OCOP, có đóng góp nhất định cho xã hội (trên 50% lao động là người địa phương, sử dụng trên 50% nguồn nguyên liệu địa phương).

d. Thời gian: Năm 2022-2025.

e. Cơ quan thực hiện:

- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ thể thực hiện: Các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp

- Nguồn kinh phí thực hiện: từ vốn lồng ghép của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**Bảng 21: Chi tiết các hạng mục hỗ trợ phát triển các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp gắn với OCOP giai đoạn 2022-2025**

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (triệu đồng)
1	Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp trong Chương trình OCOP	HTX	40	4.000
2	Hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp sản xuất sản phẩm OCOP	HTX	40	2.000
3	Hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý đồng bộ theo quy định về sản phẩm đạt chất lượng OCOP cho các liên hiệp, HTX nông nghiệp	HTX	40	2.000
4	Hỗ trợ Phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp sản phẩm tham gia OCOP	HTX	40	2.000
5	Hỗ trợ phần mềm, nhãn, bao bì, tem truy xuất nguồn gốc điện tử cho các sản phẩm của các Liên hiệp HTX, HTX nông nghiệp	HTX	40	400
*	<b>Tổng kinh phí</b>			<b>10.400</b>

**9. Nội dung phát triển các mô hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**9.1. Xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp có hiệu quả**

*\* Mô hình HTX gắn với vùng nguyên liệu nông sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (Vùng nguyên liệu cà phê – Theo Quyết định số 1088-QĐ-BNN-KTHT, ngày 25/03/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát*

*triển nông thôn về Phê duyệt đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022 - 2025)*

- Xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và tiêu thụ phải gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm phát triển bền vững, gắn với bảo vệ môi trường, sinh thái và thúc đẩy chế biến, bảo quản, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

- Xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và tiêu thụ phải trên cơ sở nhu cầu của thị trường; phát huy lợi thế và điều kiện tự nhiên của từng vùng, gắn kết chặt chẽ với công nghiệp bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh tập trung, ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, thông minh, kinh tế tuần hoàn trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- Phát triển vùng nguyên liệu trên cơ sở tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, bảo quản, chế biến nhằm phát huy tối đa giá trị gia tăng, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, chế biến vận chuyển tiêu thụ nông sản hàng hoá. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các HTX trong vùng nguyên liệu tham gia có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, mở rộng liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp để nâng cao năng lực hoạt động, năng lực cạnh tranh, tiếp cận khoa học công nghệ.

- Khuyến khích liên kết, hợp tác giữa Doanh nghiệp với các HTX nông nghiệp để hình thành chuỗi giá trị nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ, liên doanh, liên kết và làm đầu mối cung cấp nông sản phục vụ trong nước và định hướng đến thị trường xuất khẩu, phát triển bền vững.

- Xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và tiêu thụ phải đồng bộ với cơ chế chính sách, huy động được mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước, để đảm bảo sản xuất có hiệu quả, bền vững và an toàn môi trường sinh thái.

- Quy mô, địa bàn: Phát triển vùng sản xuất nguyên liệu cà phê chất lượng tại huyện Đắk Song, thành phố Gia Nghĩa và các vùng lân cận; hạt nhân là HTX dịch vụ tổng hợp Đoàn Kết và các HTX vệ tinh bao gồm: HTX hồ tiêu hữu cơ Bình Tiến, HTX BeCham, HTX nông nghiệp hữu cơ Đắk Nông, các hộ dân sản xuất cà phê trên địa bàn. Tổng diện tích thực hiện Đề án: 20.000 ha trong đó: Gia Nghĩa 3.000 ha, Đắk Song 17.000 ha. Các nhiệm vụ thực hiện chính:

+ Đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết vùng hỗ trợ HTX vùng nguyên liệu cà phê;

+ Tổ chức sản xuất và quản trị vùng nguyên liệu

+ Phát triển khuyến nông cộng đồng và truyền thông

+ Phát triển liên kết chuỗi giá trị cà phê.

**\* Mô hình HTX nông nghiệp đảm nhiệm các dịch vụ đầu vào, đầu ra trong chuỗi giá trị nông sản:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Sản xuất và cung ứng các dịch vụ trong chuỗi giá trị nông sản.

+ Tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ đầu vào cho các thành viên như: nước, giống, trồng, chăn nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu, dịch vụ kỹ thuật,...

+ Tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ đầu vào cho các thành viên như: thu mua, sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hóa, bảo quản, sơ chế, chế biến, đóng gói, thương mại sản phẩm,...

- Lợi ích mang lại cho các thành viên: mô hình này giải quyết một cách triệt để việc cắt khúc chuỗi giá trị sản xuất nông sản, tạo ra được giá trị cao hơn cho các thành viên, đảm bảo chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí, trực tiếp bán được giá cao và cung cấp thị trường ổn định đối với dịch vụ đầu vào, đầu ra hiệu quả hơn so với từng thành viên thực hiện. Với ba công đoạn trong chuỗi giá trị nông sản được liên kết một cách hữu cơ, chặt chẽ, theo đó các thành viên đồng là chủ sở hữu ở hai khâu dịch vụ đầu vào và dịch vụ đầu ra của HTX.

**\* Mô hình HTX nông nghiệp ứng phó biến đổi khí hậu:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp. Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như hạn hán, lũ lụt... lên diện tích đất sản xuất, HTX nông nghiệp áp dụng các biện pháp để thích ứng như: thay đổi giống, tổ chức chuyển đổi cơ cấu cây trồng mùa vụ, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến thương mại sản phẩm.

- Lợi ích mang lại cho thành viên: nhờ chuyển đổi sản xuất thích nghi với điều kiện môi trường biến đổi đã giúp thành viên thoát khỏi khó khăn, khai thác hiệu quả nguồn lực sẵn có, bảo vệ tài nguyên môi trường, tạo thu nhập ổn định lâu dài cho người dân.

**\* Mô hình HTX nông nghiệp sản xuất sản phẩm OCOP, gắn với du lịch nông thôn:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp đạt được tiêu chuẩn, chứng nhận là sản phẩm OCOP. Bên cạnh đó, HTX gắn sản xuất với dịch vụ du lịch nông thôn, tạo thêm giá trị gia tăng, việc làm cho các thành viên.

- Lợi ích mang lại cho các thành viên: Các sản phẩm OCOP của HTX có nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa và được đánh giá xếp hạng nên chất lượng đảm bảo, tạo được thương hiệu, uy tín trên thị trường. Thành viên HTX được hỗ trợ hướng dẫn, đào tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm. Ngoài ra, việc sản xuất kết hợp với du lịch giúp HTX tăng thêm thu nhập, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

**\* Mô hình doanh nghiệp tham gia là thành viên HTX sản xuất chế biến nông lâm thủy sản:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: HTX sản xuất, chế biến các sản phẩm nông lâm thủy sản trong đó có sự tham gia của doanh nghiệp với vai trò là thành viên của HTX.

- Lợi ích mang lại cho các thành viên: Doanh nghiệp có thể đảm nhiệm một khâu trong chuỗi giá trị như: đảm nhiệm tiêu thụ sản phẩm đầu ra hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ đầu vào cho HTX. Các thành viên HTX khác tập trung vào khâu sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, doanh nghiệp với tư cách thành viên của HTX còn tham gia sâu vào tổ

chức hoạt động của HTX, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, hỗ trợ đào tạo chuyển giao công nghệ...giúp HTX nâng cao hiệu quả, chuyên nghiệp hóa về quản lý và sản xuất kinh doanh.

**Bảng 22: Định hướng các mô hình kinh tế tập thể HTX nông nghiệp tại các địa bàn**

Stt	Mô hình	Số lượng MH	Thời gian thực hiện	Địa bàn
1	Mô hình HTX nông nghiệp đảm nhiệm các dịch vụ đầu vào, đầu ra trong chuỗi giá trị nông sản	03	2022- 2025	TP. Gia Nghĩa
2	Mô hình HTX nông nghiệp ứng phó biến đổi khí hậu	03	2023- 2025	Huyện Krông Nô, Cư Jút, Đắk Glong
3	Mô hình HTX nông nghiệp sản xuất sản phẩm OCOP, gắn với du lịch nông thôn	08	2022- 2025	Địa bàn các huyện, thành phố của tỉnh
4	Mô hình doanh nghiệp tham gia là thành viên HTX sản xuất chế biến nông lâm thủy sản	03	2022- 2025	Huyện Cư Jút, Krông Nô
5	Mô hình HTX gắn với vùng nguyên liệu nông sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (Vùng nguyên liệu cà phê)	01	2022- 2025	Đắk Song, Gia Nghĩa

**9.2. Xây dựng mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp điển hình trong liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm**

- Xây dựng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa HTX nông nghiệp với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Sản phẩm và địa bàn:

+ Sản phẩm: Lựa chọn các nhóm mặt hàng nông sản chủ lực có lợi thế so sánh tại cấp huyện, thành phố để xây dựng mô hình và tập trung vào các sản phẩm sau: Cà phê, tiêu, cây ăn trái, lúa gạo,...

+ Địa điểm: trên địa bàn các huyện, thành phố

- Nội dung tham gia thực hiện: Xây dựng và triển khai thực hiện các hợp đồng liên kết giữa hợp tác xã và nông dân với các đơn vị có liên quan.

+ Xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, tiêu thụ nông sản phục vụ các hợp tác xã tham gia mô hình.

+ Xây dựng mới hoặc hỗ trợ củng cố nâng cao năng lực quản lý, năng lực sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp tham gia các chuỗi giá trị nông sản an toàn, chất lượng cao và an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh; khả năng, kỹ năng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; các quy trình sản xuất như: an toàn vệ sinh thực phẩm; tiêu chuẩn Vietgap, globalgap, nông nghiệp hữu cơ... nhằm đáp ứng nhu cầu của các thị trường trong nước và xuất khẩu.

+ Hỗ trợ xác nhận, chứng nhận sản phẩm an toàn, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm và tìm kiếm, mở rộng thị trường, đối tác kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm.

+ Theo dõi, tổng kết đánh giá, trao đổi kinh nghiệm và nhân rộng mô hình.

Triển khai xây dựng Mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm đối với HTX, THT nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hình thành 5 mô hình HTX kiểu mới trong giai đoạn đến năm 2025.

Xây dựng mô hình HTX điển hình tiên tiến nhân ra diện rộng: Triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025.

**Bảng 23: Dự kiến phát triển các mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tại các HTX nông nghiệp**

Stt	HTX	Địa bàn	Nội dung thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện
1	HTX Nông nghiệp Công Bằng Thuận an	Huyện Đăk Mil	Xây dựng Mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ cà phê	2023 - 2025

2	Hợp tác xã Nông nghiệp Buôn Choah	Huyện Krông Nô	Xây dựng Mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ lúa gạo	2022- 2024
3	HTX Đoàn Kết	Đắk Song	Xây dựng Mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ hồ tiêu	2022 - 2025
4	HTX PTNN công bằng Thành Thái	Huyện Krông Nô	Xây dựng Mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ cà phê	2022- 2024
5	HTX Tia Sáng	TP Gia Nghĩa	Xây dựng Mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ chanh dây, trái cây	2022- 2024

### **10. Nội dung đề xuất các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Các cơ chế, chính sách hỗ trợ đã triển khai thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 trên cơ sở triển khai thực hiện tốt, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX thụ hưởng chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác;

**\* Các chính sách về hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm:**

a/ Điều kiện hỗ trợ:

- HTX nông nghiệp căn cứ nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm có đơn đề nghị gửi cấp chính quyền địa phương nơi HTX tổ chức sản xuất, kinh doanh;

- Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng của HTX nông nghiệp phải phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh và dịch vụ của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp

- Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng đề nghị hỗ trợ phải thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;



- HTX nông nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định tối thiểu 01 năm trước thời điểm đề nghị hỗ trợ;

- Mỗi hạng mục công trình chỉ được hỗ trợ 01 lần;

- Ưu tiên xem xét hỗ trợ các HTX nông nghiệp tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, chuỗi liên kết cung ứng tiêu thụ; Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn (GAP, HACCP, ISO 22000 và tương đương).

b/ Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế, chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt (bao gồm: Cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội đồng).

c/ Mức hỗ trợ Tổng mức hỗ trợ tối đa 3 tỷ đồng/HTX;

Căn cứ vào tính chất của dự án, mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, vốn đề xuất đối ứng của hợp tác xã nông nghiệp, vốn từ các nguồn hợp pháp khác; theo thẩm quyền, chính quyền cấp huyện, cấp xã căn cứ khả năng nguồn lực xem xét, quyết định mức hỗ trợ bổ sung cho dự án từ nguồn ngân sách địa phương nhưng tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho dự án không quá 100% tổng mức đầu tư.

**\* Các chính sách hỗ trợ hành lập mới, củng cố tổ chức HTX nông nghiệp**

a/ Đối tượng hỗ trợ:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập HTX lĩnh vực nông nghiệp;

- Các HTX nông nghiệp sắp xếp lại từ việc hợp nhất, sáp nhập.

b/ Điều kiện hỗ trợ:

- Có văn bản đề nghị được hỗ trợ thành lập mới HTX nông nghiệp; tổ chức, sắp xếp lại hoạt động của HTX nông nghiệp;

- Đảm bảo các điều kiện về thành lập, hợp nhất, sáp nhập theo quy định của Luật Hợp tác xã và các văn bản pháp luật liên quan;

- Các HTX nông nghiệp có thời gian hoạt động tối thiểu 05 năm, liên hiệp HTX nông nghiệp có thời gian hoạt động tối thiểu 03 năm trước khi hợp nhất, sáp nhập.

c/ Nội dung hỗ trợ:

- Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về HTX nông nghiệp trước khi thành lập cho sáng lập viên;

- Tư vấn, hỗ trợ xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX nông nghiệp cho phù hợp với các quy định hiện hành;

- Tư vấn, hỗ trợ xây dựng điều lệ và tổ chức hoạt động của HTX nông nghiệp sau khi hợp nhất, sáp nhập.

d/ Mức hỗ trợ: Hỗ trợ theo chi phí thực tế phát sinh (có hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ).

e/ Quy mô thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025 hỗ trợ thành lập mới khoảng 80 HTX, 04 liên hiệp HTX lĩnh vực nông nghiệp;

**\* Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về KTTT, HTX cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp**

a/ Đối tượng hỗ trợ

- Thành viên, người lao động đang làm việc tại HTX nông nghiệp;

- Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập và tham gia HTX lĩnh vực nông nghiệp;

- Công chức, viên chức của cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp.

b/ Nội dung hỗ trợ: Tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo, hội nghị tuyên truyền pháp luật, phổ biến kiến thức và kinh nghiệm về phát triển KTTT.

c/ Kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp tỉnh sẽ cấp trực tiếp kinh phí cho Liên minh HTX tỉnh để tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về KTTT trong dự toán được giao hằng năm. Ngoài ra,

UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, tập huấn về phát triển KTTT lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn quản lý.

**\* Đào tạo, bồi dưỡng**

a/ Đối tượng hỗ trợ: Thành viên, người lao động đang làm việc tại HTX nông nghiệp có nhu cầu đào tạo đại học.

b/ Điều kiện hỗ trợ:

- Đang công tác và có thời gian làm việc tại cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo ít nhất 01 năm;

- Được cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp vị trí công tác và nhu cầu của cơ quan, đơn vị;

- Có đơn đề nghị được hỗ trợ đào tạo của cơ quan, đơn vị; - Không quá 50 tuổi;

- Cam kết bằng văn bản làm việc tại HTX nông nghiệp ít nhất gấp đôi thời gian tham gia khóa đào tạo sau khi tốt nghiệp, chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với Nhà nước trong trường hợp không thực hiện cam kết;

- Ưu tiên xem xét các HTX nông nghiệp đã chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012, HTX tham gia chuỗi giá trị, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), sản xuất sản phẩm ứng dụng khoa học công nghệ cao; sản xuất sản phẩm sạch, an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP,...

c/ Nội dung hỗ trợ:

- Kinh phí mua giáo trình phục vụ khóa học (không bao gồm tài liệu tham khảo);

- Học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo;

- Chi phí ăn, ở theo thời gian thực tế tham gia khóa đào tạo; không quá 05 năm đối với đào tạo dài hạn, 03 năm đối với đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học, 02 năm đối với đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.

**\* Thu hút lao động trẻ về làm việc tại HTX lĩnh vực nông nghiệp và khuyến khích các HTX nông nghiệp khởi nghiệp đối với lao động trẻ có khát vọng lập nghiệp**

a/ Đối tượng hỗ trợ:

Người tốt nghiệp cao đẳng, đại học và sau đại học.

b/ Điều kiện hỗ trợ:

- Có phẩm chất, đạo đức tốt;
- Tốt nghiệp các ngành phù hợp với ngành nghề đăng ký và nhu cầu của HTX nông nghiệp;
- Không quá 40 tuổi;
- Cam kết bằng văn bản làm việc tại HTX nông nghiệp ít nhất 05 năm;
- Ưu tiên xem xét các HTX tham gia chuỗi giá trị, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), sản xuất sản phẩm ứng dụng khoa học công nghệ cao; sản xuất sản phẩm sạch, an toàn theo tiêu chuẩn GAP,...

c/ Nội dung hỗ trợ: Mỗi năm các HTX đang hoạt động được hỗ trợ đề hợp đồng tối đa 02 người về làm việc. Trong đó, có 01 người đảm nhận công tác chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ và 01 người đảm nhận vị trí trong Ban Giám đốc của HTX nông nghiệp.

d/ Mức hỗ trợ: Hỗ trợ mỗi tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, thời hạn hỗ trợ không quá 36 tháng/người.

e/ Quy mô thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025, thu hút khoảng 70 người có trình độ từ cao đẳng trở lên về làm việc tại các HTX lĩnh vực nông nghiệp.

**\* Về chính sách tín dụng:**

a/ Đối tượng hỗ trợ: HTX nông nghiệp có nhu cầu, có dự án vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

b/ Điều kiện hỗ trợ: Đã hoàn thành thủ tục vay vốn theo quy định của Nhà nước tại các Ngân hàng thương mại.

c/ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ lãi suất phần chênh lệch giữa lãi suất thực tế cho vay của Ngân hàng thương mại với lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

d/ Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ bằng chênh lệch lãi suất thực tế cho vay trong hạn của Ngân hàng thương mại so với lãi suất cho vay của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh; hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất tính trên số dư nợ

thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/HTX. Thời gian được hỗ trợ lãi suất đối với HTX (tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại) tối đa là 05 năm đối với các dự án vay đầu tư sản xuất và tối đa 03 năm đối với dự án vay đầu tư kinh doanh dịch vụ.

***\* Các chính sách khác cho các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp:***

- Được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi được nhà nước giao đất hoặc cho thuê để thực hiện xây dựng cơ sở sấy, chế biến, kho chứa... phục vụ cho dự án liên kết.

- Ưu tiên tham gia thực hiện các hợp đồng xuất khẩu nông sản hoặc chương trình tạm trữ nông sản của Chính phủ.

- Hỗ trợ tối đa 30% trong năm đầu và 20% năm thứ hai chi phí thực tế về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên.

- Hỗ trợ một lần tối đa 50% kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất; bao gồm chi phí về ăn, ở, mua tài liệu, học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo.

- Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng; bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan.

+ Đối với các tổ chức kinh tế tập thể, HTX đầu tư phát triển sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao, có phương án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt được vay ưu đãi từ quỹ đầu tư phát triển của tỉnh với mức vay tối đa bằng 80% giá trị đầu tư của phương án với thời gian vay tối đa không quá 5 năm.

**11. Nâng cao năng lực cho HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc chuyển đổi số**

Chuyển đổi số được xác định là một trong những hướng đi quan trọng thúc đẩy các hợp tác xã nông nghiệp phát triển theo hướng bền vững, thích ứng với thị trường. Trong thời gian tới, để các hợp tác xã có thể ứng dụng

công nghệ hiện đại vào sản xuất và quản lý hiệu quả cần thúc đẩy quá trình số hóa, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền các cấp đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp. Hỗ trợ, tạo điều kiện để HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ số vào sản xuất kinh doanh và tham gia thị trường.

Với những khó khăn cố hữu còn tồn tại cùng với nhiều sự biến động trong thời gian qua, đặc biệt là ảnh hưởng của dịch COVID-19 đã thúc đẩy nhanh hơn quá trình áp dụng công nghệ để các mặt hàng nông sản đến tay người tiêu dùng. Các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng không là ngoại lệ, khi cố gắng tự tìm tòi cho bản thân những hướng đi, cách làm mới để vượt qua khó khăn. Thời gian tới, khuyến khích các tổ chức KTTT, HTX nông nghiệp chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, từng bước thực hiện chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm.

*Chương trình chuyển đổi số trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thực hiện các nội dung sau:*

Hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển KTTT, HTX trong nông nghiệp tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 – 2025. Nội dung thực hiện cụ thể như sau:

+ *Nội dung 1: Số hóa dữ liệu về KTTT, HTX trong nông nghiệp tỉnh Đắk Nông. Cụ thể nội dung thực hiện:*

\* Thu thập danh sách KTTT, HTX trong nông nghiệp có khả năng tham gia chương trình trên địa bàn tỉnh.

\* Xác định loại nông sản, sản phẩm nông nghiệp đăng bán trên sàn thương mại điện tử của KTTT, HTX trong nông nghiệp.

\* Xây dựng gian hàng số cho KTTT, HTX nông nghiệp trên sàn thương mại điện tử.

\* Lựa chọn liên hiệp HTX, HTX, THT nông nghiệp đủ điều kiện, có

sản phẩm đạt các chứng chỉ, chứng nhận, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và có mong muốn chuyển đổi số giao dịch trên sàn thương mại điện tử để tập trung hỗ trợ, xây dựng thương hiệu nhằm dẫn dắt, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, lan tỏa hoạt động mua, bán và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên sàn thương mại điện tử.

+ *Nội dung 2: Tổ chức tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng kinh doanh trên sàn TMĐT cho các đối tượng của kinh tế tập thể trong nông nghiệp của tỉnh, bao gồm 7 liên hiệp HTX nông nghiệp, 216 HTX nông nghiệp, 259 THT nông nghiệp.*

a/ Xây dựng Kế hoạch chi tiết tập huấn kỹ năng số, kỹ năng kinh doanh cho cán bộ chuyên quản, HTX trên địa bàn tỉnh.

b/ Tổ chức tập huấn cơ bản:

- Tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ chuyên quản, tham gia từ cấp tỉnh đến cấp xã để triển khai Kế hoạch.

- Tập huấn cho các đối tượng của KTTT trong nông nghiệp về một số kỹ năng cơ bản để tham gia sàn thương mại điện tử.

c/ Tổ chức tập huấn nâng cao:

- Cử các HTX tiêu biểu, có nhu cầu tham gia tập huấn kỹ năng số, kỹ năng kinh doanh do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Tổ chức tập huấn kỹ năng số, kỹ năng kinh doanh chuyên sâu cho cán bộ chuyên quản của Bưu điện tỉnh, Chi nhánh Bưu chính Viettel theo chương trình của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tổ chức tập huấn nâng cao về một số kỹ năng số, kỹ năng kinh doanh cho các đối tượng KTTT trong nông nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử.

+ *Nội dung 3: Tổ chức hoạt động truyền thông về hoạt động của Kế hoạch thực hiện:*

- Xây dựng các sản phẩm truyền thông để quảng bá về nông sản của tỉnh, gia tăng nhận diện đưa thông tin đến gần hơn với HTX.

- Kịp thời cập nhật thông tin về hoạt động của Kế hoạch trên Cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Truyền thông, quảng bá giới thiệu về các sản phẩm nông nghiệp trên

các sàn thương mại điện tử.

+ *Nội dung 4: Tổ chức giao dịch trên sàn thương mại điện tử.*

- Tập trung nâng cấp, xây dựng các đặc trưng, thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Đắk Nông thông qua các chương trình xúc tiến thương mại, nền tảng số.

- Thực hiện marketing, quảng cáo bán lẻ sản phẩm nông nghiệp qua sàn thương mại điện tử.

- Tổ chức bán hàng và kết nối với các đơn vị thu mua, tiêu thụ và xuất nhập khẩu hàng hóa nông sản trong và ngoài nước.

+ *Nội dung 5: Xây dựng thói quen hoạt động trên nền tảng sàn thương mại điện tử.*

- Hướng dẫn các HTX nông nghiệp tham gia truy cập và sử dụng sàn thương mại điện tử thông qua nền tảng và tích hợp các tiện ích công, dịch vụ xã hội, gia tăng tính tiện ích.

- Tạo dựng lòng tin và thói quen giao dịch trên nền tảng sàn thương mại điện tử thông qua hoạt động truyền thông.

- Cung cấp các thiết bị, sản phẩm đầu vào phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của địa phương và các sản phẩm tiêu dùng hàng ngày cho HTX nông nghiệp.

Hỗ trợ áp dụng công nghệ thông tin, hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

*a/ Đối tượng hỗ trợ*

- Các tổ chức kinh tế tập thể hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn

- Cá nhân, tổ chức liên quan đến hình thành, tổ chức, quản lý và hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp.





*b/ Nội dung thực hiện*

- Lựa chọn và triển khai 03 - 05 mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ số làm điểm để đánh giá, rút kinh nghiệm, nhân ra diện rộng như: Mô hình hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi số (lựa chọn 3-5 hợp tác xã nông nghiệp để hỗ trợ chuyển đổi số trong công tác quản lý và phát triển sản xuất kinh doanh); Mô hình quản trị, giám sát quá trình sản xuất, bán sản phẩm OCOP của các chủ thể là HTX nông nghiệp (lựa chọn 3-5 chủ thể sản xuất và bán hàng OCOP để thực hiện):

+ Các HTX ứng dụng Công nghệ 4.0 eGap & eGap.vn, iMetos của Liên hiệp HTX Kinh tế số Việt Nam nhằm phục vụ chuyển đổi số trong hệ thống HTX với các giải pháp đồng bộ như: nhật kí điện tử, hệ thống quản lý sản xuất bằng điện thoại thông minh, hệ thống camera giám sát đồng ruộng, tem truy xuất nguồn gốc QR code gắn với bộ nhận diện nhãn hiệu của HTX.

+ Sử dụng thương mại điện tử để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

+ Sử dụng các công nghệ thanh toán điện tử.

- Nâng cấp và duy trì trang tin điện tử (Website) về kinh tế tập thể, lĩnh vực nông nghiệp trong đó có: Thông tin về thị trường, khoa học công nghệ; trao đổi - tư vấn pháp luật, chính sách; quan hệ thông tin với các nước, các tổ chức quốc tế liên quan; kết nối với các trang tin về đăng ký hợp tác xã, đào tạo trực tuyến, sàn giao dịch điện tử.

- Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp kết nối với hệ thống đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán (nếu có).

c/ Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển HTX nông nghiệp trong thời gian tới

Trước yêu cầu phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp, nông thôn, hợp tác xã nông nghiệp ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc định hướng, hỗ trợ và nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân, thực sự là đầu mối liên kết, dẫn dắt nông dân để tiếp nhận chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, các HTX nông nghiệp có đóng góp không nhỏ trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Do đó, cần sự quan tâm cao trong hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp trong chuyển đổi số và cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Tập trung tuyên truyền, chuyển đổi nhận thức về quá trình chuyển đổi số trong phát triển HTX nông nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác các cấp; cán bộ chủ chốt, thành viên của Hợp tác xã nông nghiệp. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo về chuyển đổi số; tổ chức tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm, giới thiệu các mô hình hợp tác xã trong và ngoài tỉnh thực hiện chuyển đổi số thành công.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, trình độ cho cán bộ quản lý HTX về lợi ích của việc ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, tập trung vào kỹ năng tiếp thị, xây dựng kế hoạch, tổ chức sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ cho HTX nông nghiệp để HTX nông nghiệp thực sự làm vai trò cầu nối, dẫn dắt nông dân trong sản xuất, quảng bá, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng hệ thống tiện ích, giám sát, tăng hiệu năng quản trị nội bộ bằng công nghệ số cho các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, như: Quản trị nhân sự, xuất nhập tồn kho, định giá vốn, giá bán, quản lý sản xuất, vùng canh tác, quản trị hàng hoá theo lô, theo mã, quản lý chuỗi cung ứng (đóng gói, vận chuyển, kho lưu trữ),... cho phép theo dõi, tư vấn, hướng dẫn thực hiện các quy trình sản xuất, vận hành, thao tác từ xa, tạo và kết thúc hoạt động trên hệ nhật ký điện tử chuyên biệt của hệ thống; đồng thời giúp hợp tác xã kết nối với các kênh thông tin về chính sách, kỹ thuật, thị trường,... và các đơn vị cung ứng vật tư, vận chuyển, tiêu thụ,... để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất sản phẩm OCOP và các sản phẩm nông nghiệp của các HTX nông nghiệp như ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; kiểm soát chất lượng, quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm OCOP và các sản phẩm nông nghiệp bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm gắn với hệ thống quảng bá, thương mại sản phẩm trên sàn thương mại điện tử B2B (bán sỉ) và B2C (bán lẻ).

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý nhà nước về HTX nông nghiệp. Xây dựng nền tảng số cho phép từng bước số hoá mọi quy trình, hoạt động quản lý, hình thành cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành, liên thông và đồng bộ với hệ thống thông tin báo cáo tổng hợp của lĩnh vực HTX nông nghiệp.

- Rà soát, hoàn thiện và ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong phát triển HTX nông nghiệp theo hướng bền vững. Huy động nguồn lực để hỗ trợ các HTX chuyển đổi số; hỗ trợ trang thiết bị, công cụ phục vụ chuyển đổi số dựa trên định hướng phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương.

## **12. Đẩy mạnh xây dựng liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, giải pháp để thực hiện liên kết có hiệu quả**

Xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế hợp tác trong sản xuất nông nghiệp, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm thông qua các hợp đồng kinh tế:

Tăng cường phát triển các hình thức tổ chức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ và chế biến sản phẩm, khuyến khích phát triển kinh tế HTX, THT, trang trại, các loại hình doanh nghiệp nông nghiệp nông thôn, xây dựng các chuỗi sản xuất chế biến tiêu thụ hàng hóa nông sản.

Xây dựng các mô hình HTX nông nghiệp liên kết bền vững tại các huyện, thành phố gắn với xây dựng các vùng sản xuất tập trung.

Thành lập và xây dựng các mô hình HTX nông nghiệp của các chủ trang trại gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng

tại các huyện có phong trào phát triển mạnh về kinh tế tập thể, HTX.

Tăng cường vai trò hỗ trợ của các cấp về liên kết, hợp tác cho các HTX nông nghiệp; Hình thành và phát triển các HTX sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa nhằm phát huy vai trò của HTX trong tổ chức liên kết sản xuất với các hộ thành viên và bao tiêu sản phẩm hàng hóa. Chú trọng thực hiện liên doanh, liên kết đa dạng trên cơ sở tôn trọng lợi ích của các bên như liên doanh liên kết giữa các HTX nông nghiệp với nhau, giữa HTX với doanh nghiệp.

Mở rộng phát triển thị trường với bên ngoài trên cơ sở tìm kiếm đối tác ký kết hợp đồng cung cấp sản phẩm với các doanh nghiệp, cơ sở chế biến sản phẩm. Nâng cao trình độ dự báo nhu cầu thị trường để định hướng đúng loại sản phẩm hàng hóa cần sản xuất cả về số lượng và chất lượng. Nâng cao khả năng cạnh tranh về chất lượng và giá thành sản phẩm. HTX nông nghiệp cần phát huy vai trò cầu nối kinh tế hộ với các doanh nghiệp và thị trường; tiếp nhận sự hỗ trợ của Nhà nước; đồng thời, giúp các doanh nghiệp mở rộng phạm vi hoạt động phục vụ hộ nông dân trên cơ sở hai bên cùng có lợi theo hình thức liên kết, liên doanh, đại lý, uỷ thác cung ứng vật tư sản xuất, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới, cung cấp thông tin và bao tiêu sản phẩm.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

#### **1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn**

Thực hiện công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tập thể, các Nghị quyết khác có liên quan và Luật Hợp tác xã, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã, các văn bản về chính sách phát triển kinh tế tập thể, phát triển HTX.

Tổ chức tập huấn 100% cho đối tượng làm công tác quản lý kinh tế tập thể xã, phường. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức định kỳ cho 100% cho cán bộ và quản trị HTX nông nghiệp; đào tạo nâng cao trình độ, nghiệp vụ quản lý, nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế cho các HTX nông nghiệp có nhu cầu; Tổ chức tập huấn về kỹ thuật sản xuất cho các thành viên HTX, THT nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý HTX, THT nông nghiệp; đổi mới phương thức đào tạo sát với thực trạng sản xuất, kinh doanh của các HTX, THT nông nghiệp. Nội dung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông bao gồm 4 chuyên đề chính:

+ Chuyên đề 01: Đào tạo về công tác quản lý, điều hành KTTT trong nông nghiệp.

+ Chuyên đề 02: Đào tạo chuyển từ lý thuyết sang thực tế tại các mô hình làm ăn có hiệu quả trên cả nước để trực tiếp học tập kinh nghiệm, cách làm.

+ Chuyên đề 03: Liên kết giữa doanh nghiệp với HTX để giao lưu, tìm hiểu nâng cao trình độ quản lý, quản trị HTX theo hướng hiện đại, hiệu quả.

+ Chuyên đề 04: Đào tạo về phương án phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với thị trường hiện nay và tổ chức hoạt động có hiệu quả.

## **2. Giải pháp về hỗ trợ ứng dụng công nghệ, hỗ trợ xây dựng các mô hình nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.**

Bổ trí một phần kinh phí từ chương trình khuyến nông, quỹ khoa học công nghệ cho nghiên cứu, triển khai các đề tài, dự án hỗ trợ hợp tác xã đưa giống mới, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ sinh học, bảo quản và chế biến sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản.

Đẩy mạnh việc chuyển giao tiên bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao cho HTX, THT; thực hiện hướng dẫn và cấp mã số vùng trồng, mã số nhà sơ chế đóng gói; xây dựng HTX, THT chăn nuôi đạt chứng nhận an toàn sinh học; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, thiết kế mẫu bao bì, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông nghiệp của HTX. Tổ chức, vận động, hỗ trợ cho HTX liên kết sản xuất và tiêu thụ theo các hình thức: trang trại, doanh nghiệp tham gia hợp tác xã; hợp đồng liên kết giữa hợp tác xã với hợp tác xã, hợp tác xã với doanh nghiệp.

Xây dựng mô hình trình diễn tại hợp tác xã. Hỗ trợ từ quỹ phát triển khoa học công nghệ quốc gia, tạo điều kiện cho các hợp tác xã xây dựng đề án, dự án ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới.

Hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm OCOP của HTX, phát triển ý tưởng sản phẩm, hoàn thiện sản phẩm theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, hình thức mẫu mã bao bì. Phát triển sản phẩm mới trên cơ sở tận dụng nguồn nguyên liệu, lao động, trang thiết bị sẵn có để đa dạng sản phẩm của hợp tác xã và gia tăng giá trị sản phẩm. Hướng dẫn hợp tác xã thực hiện và tuân thủ quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của nhà nước và yêu cầu thị trường tiêu thụ.

### **3. Nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước và các cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp**

Rà soát, giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn đọng, củng cố hoặc giải thể những HTX nông nghiệp hoạt động không hiệu quả; hướng dẫn các HTX nông nghiệp xây dựng kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể nông nghiệp gắn với tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; thực hiện hỗ trợ, ưu đãi đối với tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt ưu tiên thành viên là hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Từng bước kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp từ tỉnh đến cơ sở, trong đó, đảm bảo cấp huyện, xã có 01 cán bộ lãnh đạo phụ trách và có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm lĩnh vực kinh tế tập thể; kịp thời ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách của tỉnh hỗ trợ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, nhất là các hợp tác xã nông nghiệp tại các địa bàn vùng khó khăn. Triển khai chính sách tín dụng để các hợp tác xã nông nghiệp có nguồn vốn mở rộng sản xuất kinh doanh và có điều kiện liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, HTX khác.

Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa các sở, ban ngành, đoàn thể các cấp trong phát triển và quản lý kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp từ tỉnh đến huyện và cơ sở.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, hỗ trợ, tư vấn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm Pháp luật về kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn.

#### **4. Nhóm giải pháp về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của các liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác lĩnh vực nông nghiệp**

Tổ chức cho các HTX, THT tiếp cận các kênh tiêu thụ và phân phối sản phẩm với đa dạng hình thức: hội nghị kết nối giao thương, hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, giao dịch trên sàn thương mại điện tử, bán hàng trực tuyến; thực hiện cầu nối cho HTX với các nhà phân phối bán lẻ. Thường xuyên cung cấp thông tin, dự báo thị trường đến các HTX để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp. Hỗ trợ, tạo điều kiện để HTX ứng dụng công nghệ số vào sản xuất kinh doanh và tham gia thị trường.

Xây dựng kế hoạch và triển khai hội chợ cho các HTX nông nghiệp với quy mô cấp tỉnh ít nhất 1 lần/năm; tổ chức cho các HTX nông nghiệp tham gia hội chợ cấp quốc gia hàng năm; đồng thời tổ chức hội nghị xúc tiến thương mại hàng nông sản cấp tỉnh và tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp tham gia hội nghị xúc tiến thương mại cấp quốc gia ít nhất 01 lần/năm.

#### **5. Nhóm giải pháp về huy động các nguồn lực xã hội, hỗ trợ đầu tư hạ tầng và chế biến sản phẩm đối với các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn**

Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, hoàn thành các văn bản pháp lý và triển khai thực hiện kịp thời các cơ chế, chính sách của Nhà nước nhằm khuyến khích phát triển sản xuất trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Hỗ trợ HTX nông nghiệp tham gia thực hiện các chương trình, dự án sản xuất kinh doanh và đầu tư trong nông nghiệp như xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phục vụ sản xuất, trồng rừng, bảo vệ môi trường trong sản xuất nông, lâm, thủy sản.

Lồng ghép, kết hợp các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh, nhằm thu hút các nguồn lực phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác, liên kết. Tăng khả năng

tiếp cận vốn tín dụng của các hộ nông dân và trang trại khi tham gia HTX, THT và các hình thức tổ chức liên kết hợp tác sản xuất kinh doanh theo chuỗi các sản phẩm nông nghiệp.

Tranh thủ sự tài trợ, hỗ trợ về tài chính và cơ sở vật chất của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, khuyến khích các doanh nghiệp tập trung đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trong đó có đầu tư phát triển kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp.

Tiếp tục tăng vốn điều lệ Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh để tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp có điều kiện tiếp cận vốn thuận lợi; ngoài nguồn vốn ngân sách cấp, Quỹ huy động thêm các nguồn vốn khác, đảm bảo mức vốn hoạt động của Quỹ không ngừng được mở rộng để hỗ trợ kịp thời nhu cầu vốn cho các HTX đồng thời rà soát các quy định về chính sách hỗ trợ phát triển HTX của Trung ương, theo dõi ý kiến chỉ đạo và văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương để tổ chức thực hiện, đặc biệt là chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng HTX; đồng thời, tạo điều kiện cho các HTX tiếp cận hiệu quả các chính sách hỗ trợ của tỉnh và TW.

## **6. Nhóm giải pháp về đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp**

Các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương đẩy mạnh thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp: Đảm bảo cho HTX nông nghiệp thực hiện đúng theo luật HTX; phát huy được tính tự chủ, năng động của HTX, không gò ép, áp đặt, không làm thay;

Các cơ quan quản lý nhà nước cần phối hợp thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian, cung cấp số liệu đầy đủ, chính xác; HTX, THT lĩnh vực nông nghiệp phải thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, tình hình hoạt động của mình cho cơ quan quản lý nhà nước; kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của HTX, THT nông nghiệp để tác động, hỗ trợ cho HTX, THT tháo gỡ khó khăn.

Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá hoạt động kinh tế tập thể; kịp thời tuyên dương những tổ chức kinh tế tập thể hoạt động có hiệu quả để nhân rộng.



## **7. Nhóm giải pháp về phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên, các đoàn thể, hội, hiệp hội phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp**

Tổ chức 04 đợt/năm công tác phối hợp tuyên truyền, sự chung tay vào cuộc của các tổ chức đoàn thể trong việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp, tạo điều kiện giúp KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn phát triển ổn định, bền vững. Cấp ủy và chính quyền các cấp hỗ trợ, tạo điều kiện và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, hội, hiệp hội trong việc tuyên truyền, vận động thành viên tham gia hợp tác xã, đưa Luật hợp tác xã năm 2012 vào cuộc sống; động viên, khuyến khích các hội viên đi đầu tham gia xây dựng các mô hình điểm về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên các lĩnh vực, nhất là nông thôn; phối hợp trong việc tuyên truyền các chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể tới các hội viên; đưa các nội dung này thành các trọng tâm trong chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của các cấp đoàn, hội.

## **8. Nhóm giải pháp về bảo vệ tài nguyên môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thông qua mô hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp**

Để có thể thích nghi với cuộc khủng hoảng của đại dịch, ngoài những hỗ trợ cụ thể từ Chính phủ và các cơ quan chức năng địa phương, bản thân các HTX nông nghiệp cũng cần tự tìm hướng chuyên đổi, nâng cao năng lực chống chịu và giảm thiểu thiệt hại. Bên cạnh đó, chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ HTX, thành viên HTX nông nghiệp và cán bộ cơ quan Nhà nước hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp về biến đổi khí hậu, các biện pháp thích ứng và các mô hình phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện thời tiết khắc nghiệt; nâng cao năng lực cán bộ HTX nông nghiệp về quản trị, tổ chức sản xuất kinh doanh hiệu quả, đặc biệt là áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Bên cạnh đó, cần đổi mới chính sách hỗ trợ của Nhà nước từ giảm thiểu thiệt hại sang hỗ trợ quản lý phòng ngừa rủi ro thiên tai, dịch bệnh. Xây dựng các mô hình HTX kiểu mới thích ứng với biến đổi khí hậu hiệu quả ở mỗi vùng, cho mỗi hệ thống canh tác nông nghiệp để nhân rộng.

Tổ chức học tập, tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực

quản lý thích ứng với biến đổi khí hậu trong toàn xã hội, các hợp tác xã, thành viên HTX nông nghiệp, cơ quan quản lý, các đơn vị. Thường xuyên cập nhật thông tin, tuyên truyền phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng về dự báo thời tiết, cảnh báo mưa bão, ngập lụt, lũ ống, lũ quét, hạn hán... cung cấp đầy đủ thông tin về biến đổi khí hậu.

Khuyến khích các HTX nông nghiệp thực hiện về giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Có chính sách hỗ trợ các HTX nông nghiệp sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, giảm nhẹ BĐKH thông qua việc sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng hiện có, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới quy trình sản xuất, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, tài nguyên nước, góp phần giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao diện tích, chất lượng rừng làm tăng khả năng hấp thụ các khí nhà kính; quản lý chất thải chất thải, vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu, chất thải trong chăn nuôi, đốt rơm rạ sau thu hoạch lúa.

### **9. Nhóm giải pháp về thúc đẩy liên doanh, liên kết trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

Trong thời gian tới, cần đẩy mạnh hơn nữa vai trò hỗ trợ của các cấp về liên kết, hợp tác cho các HTX nông nghiệp; hỗ trợ cho HTX nông nghiệp trong việc phổ biến chính sách pháp luật đối với khu vực kinh tế tập thể. Hình thành và phát triển các HTX sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa nhằm phát huy vai trò của HTX nông nghiệp trong tổ chức liên kết sản xuất với các hộ thành viên và bao tiêu sản phẩm hàng hóa.

Chú trọng thực hiện liên doanh, liên kết đa dạng trên cơ sở tôn trọng lợi ích của các bên như liên doanh liên kết giữa các HTX nông nghiệp với nhau, giữa HTX nông nghiệp với doanh nghiệp. Mở rộng phát triển thị trường với bên ngoài trên cơ sở tìm kiếm đối tác ký kết hợp đồng cung cấp sản phẩm với các doanh nghiệp, cơ sở chế biến sản phẩm. Nâng cao trình độ dự báo nhu cầu thị trường để định hướng đúng loại sản phẩm hàng hóa cần sản xuất cả về số lượng và chất lượng. Nâng cao khả năng cạnh tranh về chất lượng và giá thành sản phẩm. HTX nông nghiệp cần phát huy vai trò cầu nối kinh tế hộ với các doanh nghiệp và thị trường; tiếp nhận sự hỗ trợ của Nhà nước; đồng thời, giúp các doanh nghiệp mở rộng phạm vi hoạt động phục vụ hộ nông dân trên cơ sở hai bên cùng có lợi theo hình thức liên kết, liên doanh,

đại lý, uỷ thác cung ứng vật tư sản xuất, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới, cung cấp thông tin và bao tiêu sản phẩm.

#### **IV. ĐỀ XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

- Xây dựng Mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ cà phê;
- Xây dựng Mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ lúa gạo
- Xây dựng Mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ hồ tiêu
- Xây dựng Mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ chanh dây, trái cây
- Mô hình HTX nông nghiệp ứng phó biến đổi khí hậu; Mô hình HTX nông nghiệp sản xuất sản phẩm OCOP, gắn với du lịch nông thôn
- Xây dựng mô hình điểm HTX chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp.
- Xây dựng mô hình HTX gắn với vùng nguyên liệu nông sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (Vùng nguyên liệu cà phê)
- Xây dựng Đề án “ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho các HTX trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”.

#### **V. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

##### **1. Nhu cầu vốn đầu tư**

Tổng vốn đầu tư thực hiện đề án từ nay đến năm 2025 là 99.415 triệu đồng, trong đó:

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025 (triệu đồng)</b>
I	Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp	3.035
1	Hỗ trợ thành lập mới tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp	2.075
2	Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, HTX	360
3	Hỗ trợ rà soát, củng cố, xử lý dứt điểm đối với các HTX nông nghiệp yếu kém, đã ngừng hoạt động hoặc hoạt động không đúng quy định của Luật HTX	600

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025 (triệu đồng)</b>
II	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể lĩnh vực nông nghiệp	14.500
1	Hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực tại các tổ chức kinh tế tập thể lĩnh vực nông nghiệp	4.000
2	Hỗ trợ cho lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp	10.500
III	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho các Liên hiệp HTX, HTX lĩnh vực nông nghiệp	13.600
IV	Xây dựng mô hình THT và HTX nông nghiệp điểm chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh	34.000
V	Hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp	5.500
VI	Hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	10.400
VII	Hỗ trợ nâng cao năng lực trong chuyển đổi số cho các liên hiệp HTX, HTX nông nghiệp	3.200
VIII	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp	15.180
	<b>TỔNG</b>	<b>99.415</b>

*Chi tiết các nguồn vốn được thể hiện chi tiết ở Phụ lục 01.*

## **2. Phân kỳ đầu tư**

Nhu cầu vốn đầu tư thực hiện đề án giai đoạn 2021 – 2025 là 99.415 triệu đồng. Trong đó:

Năm 2022: 15.810 triệu đồng

Năm 2023: 27.360 triệu đồng

Năm 2024: 27.110 triệu đồng

Năm 2025: 29.765 triệu đồng

*(Chi tiết tại bảng Phụ lục 01 – Phần Phụ Lục)*

## **3. Phân nguồn vốn đầu tư**

Tổng vốn đầu tư thực hiện đề án giai đoạn 2021 – 2025 là 99.415 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách: 41.385 triệu đồng;

- Vốn lồng ghép: 31.080 triệu đồng;

- Vốn huy động từ các nguồn khác (HTX, LHHTX...): 26.950 triệu đồng (*Chi tiết xem bảng Phụ lục 01 – Phần Phụ Lục*)

## **VI. HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA ĐỀ ÁN**

Sau khi Đề án Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đi vào triển khai thực hiện, sẽ mang lại những hiệu quả nhất định như sau:

### **1. Hiệu quả kinh tế**

Việc phát triển các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trước hết là nâng cao giá trị sản phẩm, góp phần làm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của các tổ chức này; góp phần thúc đẩy kinh tế toàn vùng tăng trưởng nhanh và bền vững, nâng cao khả năng thích ứng với những biến động thị trường hay những cú sốc kinh tế từ bên ngoài.

Tăng cường việc liên kết, gắn kết hữu cơ, sản xuất theo chuỗi giá trị giữa các thành viên, với doanh nghiệp bên ngoài ở tất cả các khâu chế biến, tiêu thụ, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ...; gắn nông nghiệp với công nghiệp, thương mại, từ đó mang lại nhiều lợi ích hơn cho các thành viên.

Phát triển kinh tế tập thể hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp góp phần để tham gia vào chuỗi giá trị hàng hóa trong nước và thế giới (cà phê, hồ tiêu, cây ăn trái,...), đẩy mạnh liên kết giữa các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh.

### **2. Hiệu quả xã hội**

Việc mở rộng quy mô, nguồn vốn để phát huy lợi thế của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh có hiệu quả; mang lại thu nhập cho nhiều người lao động tại địa phương; Người lao động làm việc trong các tổ chức kinh tế tập thể hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp được rèn luyện, đào tạo nâng cao kỹ năng làm việc, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Phát triển các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp gắn với Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, chương

trình OCOP sẽ hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên môn hóa; phát triển các cơ sở, các cụm công nghiệp chế biến đi liền với dịch vụ, thương mại và đô thị hóa thúc đẩy nông thôn phát triển, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

Góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm cách biệt xã hội, duy trì việc làm bền vững, tăng thu nhập cho thành viên, tăng cường tình đoàn kết xã hội trên cơ sở cùng chia sẻ lợi ích lâu dài cho các thành viên HTX nông nghiệp trên địa bàn.

### **3. Hiệu quả môi trường**

Phát triển các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp bền vững môi trường là khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và thành phần môi trường, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống. Trong quá trình phát triển các ngành kinh tế nói chung, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nói riêng giải quyết hài hòa mối quan hệ tương thích giữa vật nuôi, cây trồng với các nguồn tài nguyên đất đai, nguồn nước và tài nguyên khí hậu thời tiết.

Việc ứng dụng công nghệ sinh học, phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng “kinh tế xanh”, nông nghiệp hữu cơ trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp để vừa đảm bảo đạt được năng suất, chất lượng sản phẩm cao, đáp ứng được yêu cầu hội nhập nhưng vẫn chống được ô nhiễm, suy thoái nguồn tài nguyên đất và nguồn nước.

# **PHẦN THỨ TƯ**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Sau khi đề án được UBND tỉnh phê duyệt, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đề án cụ thể hàng năm, nhằm triển khai thực hiện đề án một cách có hiệu quả.

### **II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH, UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ VÀ CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN**

#### **1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đề án, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp, đảm bảo có đội ngũ cán bộ đủ mạnh để tham mưu, đề xuất phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và quản lý thực hiện các dự án hỗ trợ HTX trong nông nghiệp trong khuôn khổ chương trình hỗ trợ HTX theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Xây dựng một số mô hình hợp tác xã nông nghiệp điển hình, mô hình liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ hàng hóa nông nghiệp phù hợp với từng vùng, từng ngành hàng nông sản.

- Tham mưu, xây dựng các cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển các hình thức tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên kết trong nông nghiệp.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng các dự án ứng dụng khoa học - kỹ thuật, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản nông sản trong sản xuất nông nghiệp cho các HTX và các đề tài khoa học cấp tỉnh liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn để nhân rộng vào sản xuất.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc quá trình triển khai thực hiện Đề án; tổng

hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tình hình triển khai thực hiện.

## **2. Sở Công thương**

- Hướng dẫn, xây dựng mô hình HTX nông nghiệp gắn sản xuất với chế biến tiêu thụ nông sản.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế đặc thù hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

## **3. Sở Khoa học công nghệ**

Chủ trì, phối với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan tổng hợp nhu cầu, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ để hỗ trợ cho HTX nông nghiệp theo lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành; Hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách phát triển HTX nông nghiệp và nguồn lực được phân bổ trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

## **4. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, giải quyết việc giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các HTX nông nghiệp và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các HTX trong lĩnh vực đất đai, môi trường.

## **5. Sở Tài chính**

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai các hoạt động theo đề án; báo cáo Bộ Tài chính bổ sung ngân sách vào dự toán ngân sách địa phương hàng năm.

- Hướng dẫn các Liên hiệp HTX, THT nông nghiệp thực hiện các quy định về tài chính, kế toán theo quy định của Pháp luật.

## **6. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Đẩy mạnh hướng dẫn đăng ký, chuyển đổi các HTX hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012, Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí, lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ



phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp.

### **7. Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động của HTX, THT trong nông nghiệp.

### **8. Liên minh Hợp tác xã tỉnh**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các nội dung, giải pháp thực hiện đề án;

- Tăng cường thực hiện các hoạt động tư vấn phát triển, đào tạo, hỗ trợ cho các liên hiệp hợp tác xã, HTX, THT lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động HTX; đào tạo, bồi dưỡng cho các HTX, thành viên HTX.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các HTX tham gia Đề án tiếp cận nguồn vốn vay của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh để mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

### **9. Ngân hàng chính sách và các đơn vị liên quan khác**

Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Đắk Nông Chỉ đạo các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trên địa bàn hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trong việc vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh.

### **10. Sở Thông tin và Truyền thông**

Hướng dẫn, hỗ trợ các HTX nông nghiệp xây dựng các website để quảng bá hình ảnh của đơn vị, giới thiệu sản phẩm; tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin cho các HTX nông nghiệp.

### **11. Các Sở, ban ngành khác có liên quan**

Các Sở, ban ngành khác có liên quan thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước đối với KTTT, HTX lĩnh vực nông nghiệp đồng thời thực hiện có hiệu quả việc củng cố, phát triển HTX, THT lĩnh vực nông nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

## **12. UBND các huyện, thành phố**

Phân công trách nhiệm cho các phòng, ban chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp. Vận động, hướng dẫn và hỗ trợ các thủ tục thành lập các HTX nông nghiệp.

- Chỉ đạo giải quyết các HTX nông nghiệp ngừng hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả, bắt buộc giải thể hoặc chuyển sang hình thức tổ chức hoạt động khác theo quy định.

- Khảo sát, đánh giá kết quả hoạt động của các mô hình kinh tế hợp tác, các mô hình liên kết gắn sản xuất với chế biến tiêu thụ nông sản; phân loại HTX nông nghiệp trên địa bàn.

- Lồng ghép các nguồn vốn để triển khai các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là mô hình liên kết gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế.

- Rà soát quy hoạch, dành quỹ đất cho các HTX nông nghiệp để xây dựng trụ sở, mặt bằng sản xuất kinh doanh; trên cơ sở các chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể và yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn, chủ động bổ sung các chính sách, quy định của địa phương nhằm khuyến khích thành lập và phát triển các HTX, THT lĩnh vực nông nghiệp.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tổ chức phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về chủ trương, chính sách, pháp luật đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp.

## **13. Các tổ chức đoàn thể và các thành phần kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn**

Cấp ủy Đảng cấp huyện, thành phố thuộc tỉnh tập trung chỉ đạo:

(1). Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp hiện có theo Luật HTX năm 2012 trên cơ sở rà soát, củng cố lại các HTX hiện có; Vận động HTX nông nghiệp thu hút thêm thành viên, hợp nhất, sáp nhập HTX cùng ngành nghề và địa bàn hoạt động để tăng tiềm lực tài chính, đất đai và quy mô hoạt động của HTX;

(2). Chủ động xây dựng và nhân rộng các mô hình HTX nông nghiệp

kiểu mới hiệu quả trên địa bàn theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ, phân đấu mỗi địa phương có từ 01 - 02 HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả cao để lan tỏa; Ưu tiên phát triển mô hình HTX hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp, đầu tư theo chuỗi, liên kết với doanh nghiệp;

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội trong việc vận động quần chúng, thành viên tự nguyện tham gia phát triển KTTT, HTX nông nghiệp và thực hiện các quy định pháp luật về KTTT; xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, phối hợp với các tổ chức thành viên trong việc phát triển KTTT.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Phát triển kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp trên địa bàn là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong xu hướng phát triển tất yếu của một nền nông nghiệp nông thôn hiện đại.

Kinh tế tập thể với nòng cốt là HTX ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, nhất là trong quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới hiện nay. Việc phát triển kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp cần đến rất nhiều yếu tố như: Cơ chế chính sách, nguồn vốn, lao động, thị trường, khoa học kỹ thuật... Đề án Phát triển kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đã xác định tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp cả về chiều rộng và chiều sâu. Tập trung phát triển các HTX chuyên ngành gắn với chuỗi giá trị trong nông nghiệp.

Qua đánh giá thực trạng cho thấy, việc phát triển kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực trên địa bàn tỉnh thời gian qua đạt được các kết quả tích cực. Tuy vậy, vẫn còn nhiều hạn chế, năng lực nội tại của kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp vẫn còn nhiều bất cập như một số HTX thiếu vốn, thiếu nguồn nhân lực có chất lượng cao; đội ngũ cán bộ quản lý đa số tuổi cao, còn nặng tư duy HTX kiểu cũ, chưa năng động với thị trường; cơ sở vật chất xuống cấp, công nghệ sản xuất lạc hậu. Các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp chưa đủ mạnh, chưa tạo cơ chế thúc đẩy phát triển...

Để kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp tiếp tục phát triển hiệu quả và bền vững cần thực hiện đầy đủ hệ thống các giải pháp đã được trình bày ở phần trên. Trong đó các giải pháp quan trọng, mang tính đột phá gồm: Cơ chế chính sách, đào tạo nguồn nhân lực, liên kết tổ chức sản xuất, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các HTX nông nghiệp, tăng cường vai trò của nhà nước,...

### **II. KIẾN NGHỊ**

UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành địa phương triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của đề án; UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách đủ để tăng cường đầu tư cho các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, tổ chức và tham gia các hội chợ thương mại cho thành phần kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 01: Khái toán nhu cầu vốn đầu tư thực hiện đề án

*Đvt: triệu đồng*

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025	Phân kỳ đầu tư				Phân nguồn đầu tư		
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ngân sách	Lồng ghép	HTX, THT,...
<b>I</b>	<b>Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp</b>			<b>3.035</b>	<b>760</b>	<b>940</b>	<b>940</b>	<b>395</b>	<b>2.855</b>	<b>180</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ thành lập mới tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp</b>			<b>2.075</b>	<b>430</b>	<b>610</b>	<b>610</b>	<b>425</b>	<b>2.075</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.1	Tổ chức các lớp tập huấn, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động, cho các đối tượng là sáng lập viên có nhu cầu thành lập HTX, THT, Liên hiệp HTX lĩnh vực nông nghiệp	Lớp	4	360	90	90	90	90	360		
1.2	Hỗ trợ kinh phí thành lập mới Liên hiệp HTX, HTX nông nghiệp		80	1715	340	520	520	335	1715		
	Quy mô HTX nông nghiệp từ 7 đến 20 thành viên	HTX	30	450	120	150	150	30	450		
	Quy mô HTX nông nghiệp từ 21 đến 50 thành viên	HTX	25	500	120	160	160	60	500		
	Quy mô HTX nông nghiệp từ 51 thành viên trở lên	HTX	25	625	100	175	175	175	625		
	Hỗ trợ thành lập mới Liên hiệp HTX nông nghiệp	LHHTX	4	140		35	35	70	140		

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025	Phân kỳ đầu tư				Phân nguồn đầu tư		
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ngân sách	Lồng ghép	HTX, THT,...
2	<b>Tổ chức các lớp lập huấn, tuyên truyền cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, HTX</b>	Lớp	4	360	180	180	180	-180	180	180	0
	Tổ chức các lớp lập huấn, tuyên truyền về chủ trương của Đảng, Luật HTX và các chính sách phát triển KTTT, HTX nông nghiệp cho các địa phương trên địa bàn tỉnh	Lớp	4	360	180	180	180	(180)	180	180	
3	<b>Hỗ trợ rà soát, củng cố, xử lý dứt điểm đối với các HTX nông nghiệp yếu kém, đã ngừng hoạt động hoặc hoạt động không đúng quy định của Luật HTX</b>	Đợt	4	600	150	150	150	150	600		
II	<b>Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể lĩnh vực nông nghiệp</b>			14.500	2.200	4.000	4.100	4.200	9.250	-	5.250
1	<b>Hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực tại các tổ chức kinh tế tập thể lĩnh vực nông nghiệp</b>			4.000	700	1.000	1.100	1.200	4.000	-	-
1.1	Bồi dưỡng thành viên, người lao động của các HTX nông nghiệp	Người	1,600	3.200	600	800	900	900	3.200		
1.2	Tổ chức các lớp bồi dưỡng công chức, viên chức cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, HTX nông nghiệp	Lớp	8	800	100	200	200	300	800		
2	<b>Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể, trong đó:</b>			10.500	1.500	3.000	3.000	3.000	5.250	-	5.250
	Hỗ trợ cho lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp giai đoạn 2021-2025	Người	70	10.500	1500	3000	3000	3.000	5.250		5.250

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025	Phân kỳ đầu tư				Phân nguồn đầu tư		
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ngân sách	Lồng ghép	HTX, THT,...
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho các Liên hiệp HTX, HTX lĩnh vực nông nghiệp</b>			<b>13.600</b>	<b>800</b>	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	<b>4.800</b>	<b>4.080</b>	<b>6.800</b>	<b>2.720</b>
	Máy móc phục vụ phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	HTX	20	10.000	500	2500	2500	4.500	3.000	5.000	2.000
	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng	HTX	12	3.600	300	1500	1500	300	1.080	1.800	720
<b>IV</b>	<b>Xây dựng mô hình THT và HTX nông nghiệp điểm chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh</b>			<b>34.000</b>	<b>5.000</b>	<b>9.500</b>	<b>9.500</b>	<b>10.000</b>	<b>7.300</b>	<b>13.600</b>	<b>13.100</b>
	Xây dựng mô hình THT nông nghiệp điểm theo chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh	THT	8	4.000	1000	1000	1000	1.000	800	1.600	1.600
	Xây dựng mô hình HTX nông nghiệp điểm theo chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh	HTX	8	16.000	4000	4000	4000	4.000	3.200	6.400	6.400
	Xây dựng mô hình liên hiệp HTX nông nghiệp điểm theo chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh	LHHTX	3	9.000		3000	3000	3.000	1.800	3.600	3.600
	Mô hình HTX gắn với vùng nguyên liệu nông sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (Vùng nguyên liệu cà phê)	MH	1	5.000		1.500	1.500	2.000	1.500	2.000	1.500
<b>V</b>	<b>Hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp</b>			<b>5.500</b>	<b>1.000</b>	<b>1.500</b>	<b>1.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>3.500</b>	<b>-</b>
	Hỗ trợ tư vấn cho các HTX, Liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng khoa học – kỹ thuật	HTX	50	2.500	500	500	500	1.000	750	1.750	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025	Phân kỳ đầu tư				Phân nguồn đầu tư		
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ngân sách	Lồng ghép	HTX, THT,...
	Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng, xây dựng HTX, THT chăn nuôi đạt chứng nhận an toàn sinh học; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, thiết kế mẫu bao bì, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông nghiệp của HTX.	HTX	50	2.500	500	500	500	1.000	750	1.750	
	Xây dựng Đề án “ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho các HTX trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”.	DA	1	500		500			500		
<b>VI</b>	<b>Hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)</b>			<b>10.400</b>	<b>2.600</b>	<b>2.600</b>	<b>2.600</b>	<b>2.600</b>	<b>3.400</b>	<b>7.000</b>	<b>-</b>
	Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp trong Chương trình OCOP	HTX	40	4.000	1000	1000	1000	1.000	1.200	2.800	
	Hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp sản xuất sản phẩm OCOP	HTX	40	2.000	500	500	500	500	600	1.400	
	Hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý đồng bộ theo quy định về sản phẩm đạt chất lượng OCOP cho các liên hiệp, HTX nông nghiệp	HTX	40	2.000	500	500	500	500	600	1.400	
	Hỗ trợ Phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp sản phẩm tham gia OCOP	HTX	40	2.000	500	500	500	500	600	1.400	
	Hỗ trợ phần mềm, nhãn, bao bì, tem truy xuất nguồn gốc điện tử cho các sản phẩm của các Liên hiệp HTX, HTX nông nghiệp	HTX	40	400	100	100	100	100	400		



TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025	Phân kỳ đầu tư				Phân nguồn đầu tư		
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ngân sách	Lồng ghép	HTX, THT,...
<b>VII</b>	<b>Hỗ trợ nâng cao năng lực trong chuyển đổi số cho các liên hiệp HTX, HTX nông nghiệp</b>			<b>3.200</b>	<b>300</b>	<b>1.300</b>	<b>800</b>	<b>800</b>	<b>2.600</b>	<b>-</b>	<b>600</b>
1	Xây dựng mô hình điểm HTX chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp	HTX	3	1500		500	500	500	900		600
2	Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp kết nối với hệ thống đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính	HT	1	500		500			500		
3	Duy trì và nâng cấp sản giao dịch thương mại điện tử về kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp trong đó có: Thông tin về thị trường, khoa học công nghệ; trao đổi - tư vấn pháp luật, chính sách; quan hệ thông tin với các nước, các tổ chức quốc tế liên quan; kết nối với các trang tin về đăng ký hợp tác xã, đào tạo trực tuyến, sản giao dịch điện tử.	HT	4	1.200	300	300	300	300	1.200		
<b>VIII</b>	<b>Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp</b>			<b>15.180</b>	<b>2.520</b>	<b>3.520</b>	<b>4.170</b>	<b>4.970</b>	<b>9.900</b>	<b>-</b>	<b>5.280</b>
1	Hỗ trợ kinh phí tham gia các đợt hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước	Đợt	10	1.500	300	300	450	450	1.500		
2	Hỗ trợ thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm gắn với các điểm OCOP cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp tại các địa phương	Điểm	8	480	120	120	120	120	480		
3	Tổ chức Tuần lễ trưng bày sản phẩm và kết nối cung cầu cho các HTX nông nghiệp hàng năm	Đợt	8	2.400	600	600	600	600	1.440		960

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025	Phân kỳ đầu tư				Phân nguồn đầu tư		
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ngân sách	Lồng ghép	HTX, THT,...
4	Hỗ trợ hướng dẫn và triển khai giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX lĩnh vực nông nghiệp	HTX	216	4320	600	1000	1200	1520	2.592		1.728
5	Hỗ trợ HTX đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa	HTX	216	6480	900	1500	1800	2280	3.888		2.592
	<b>TỔNG</b>			99.415	15.180	27.360	27.110	29.765	41.385	31.080	26.950

**Phụ lục 2: Thực trạng HTX nông nghiệp tại các địa phương**

Stt	Địa bàn	Năm 2012			Năm 2015			Năm 2021		
		Số lượng	Thành viên	LĐ thường xuyên	Số lượng	Thành viên	LĐ thường xuyên	Số lượng	Thành viên	LĐ thường xuyên
1	TP Gia Nghĩa	2	18	13	12	96	73	16	150	110
2	Huyện Đắk R'Lấp	5	55	46	14	126	141	22	264	220
3	Huyện Tuy Đức	3	45	31	6	66	67	12	185	150
4	Huyện Đắk G'Long	4	72	62	9	117	163	11	238	230
5	Huyện Đắk Song	3	51	34	14	196	169	24	489	350
6	Huyện Đắk Mil	6	120	55	8	120	74	10	207	100
7	Huyện Krông Nô	13	143	130	15	135	152	26	308	280
8	Huyện Cư Jút	5	45	30	9	72	55	15	136	105
	<b>Tổng</b>	<b>41</b>	<b>549</b>	<b>401</b>	<b>87</b>	<b>928</b>	<b>894</b>	<b>136</b>	<b>1.977</b>	<b>1.545</b>

*Nguồn: Báo cáo các huyện, thành phố và số liệu khảo sát*

**Phụ lục 3: Thực trạng tổ chức sản xuất cà phê liên kết theo chuỗi giá trị của một số HTX nông nghiệp**

Stt	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số hộ tham gia	Quy mô (ha)	Sản lượng (tấn)			Nội dung liên kết, áp dụng quy trình	Đơn vị thu mua	Hỗ trợ đầu vào (vật tư...)	Thu mua chế biến Khô	Thu mua chế biến ướt	Chênh lệch so với thị trường (đồng/kg)
					Tổng	Chế biến khô	Chế biến ướt				Số lượng (tấn)	Số lượng (tấn)	
1	HTX NN Krông Nô	Tân Thành - Krông Nô	42	300	120	120		Sản xuất chuỗi giá trị cà phê bền vững, Fairtrade	HTX NN Krông Nô (Đã có sản phẩm cà phê bột)	Hỗ trợ kỹ thuật	120		100
2	HTX PTNN công bằng Thành Thái	Xã Năm Nung	100	240	700	700		Sản xuất chuỗi giá trị cà phê bền vững, Fairtrade	Công ty Intimix; Công ty Coffee House, Kofi Kai	Hỗ trợ kỹ thuật			200 đ/kg khô, 8.000 đ/kg CB ướt
4	HTX Công Bằng Thuận An	Thuận An - Đắk mil	58	125	387,3	381,3	6	Sản xuất theo tiêu chuẩn Fairtrade	Công ty TNHH Dak Man Việt nam	Hỗ trợ phân vi sinh	371,4	6	200 đ/kg khô, 8.000 đ/kg CB ướt
5	HTX NN DVTH Nguyễn Công	Đức Minh - Đắk Mil	180	300	500			Sản xuất chuỗi giá trị cà phê bền vững theo tiêu chuẩn 4C	HTX Nguyễn Công	Hỗ trợ vật tư đầu vào	500		100

Stt	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số hộ tham gia	Quy mô (ha)	Sản lượng (tấn)			Nội dung liên kết, áp dụng quy trình	Đơn vị thu mua	Hỗ trợ đầu vào (vật tư...)	Thu mua chế biến Khô	Thu mua chế biến ướt	Chênh lệch so với thị trường (đồng/kg)
					Tổng	Chế biến khô	Chế biến ướt				Số lượng (tấn)	Số lượng (tấn)	
6	HTX cà phê Tintrue	Tổ 4, Đăk Mâm Krông Nô	8	30	90			Sản xuất chuỗi giá trị cà phê bền vững theo tiêu chuẩn 4C		Hỗ trợ vật tư đầu vào			
7	HTX Đoàn Kết	Nam Bình - Đăk Song	140	150	3	3000		Sản xuất chuỗi giá trị cà phê bền vững theo tiêu chuẩn 4C	Công ty TNHH Nestle Việt Nam	hỗ trợ kỹ thuật, bán vật tư giảm 400đ/kg	3		300
8	HTX nông nghiệp Nam Thịnh	Nam Bình - Đăk Song	100	125	387,4		387	Sản xuất theo tiêu chuẩn Fairtrade	Công ty TNHH Dak Man Việt nam	Hỗ trợ phân vi sinh		387	8
9	HTX Hào Quang	Đăk Wer - Đăk R lấp	56	87	240	240		Sản xuất chuỗi giá trị cà phê bền vững theo tiêu chuẩn 4C	Công ty TNHH Nestle Việt Nam	bán vật tư giảm 400đ/kg	240		100
10	HTX Tiên Phát	Đăk Wer - Đăk R lấp	48	98	134	134		Sản xuất chuỗi giá trị cà phê bền vững theo tiêu chuẩn 4C	Công ty TNHH Nestle Việt Nam	bán vật tư giảm 400đ/kg	134		100

Stt	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số hộ tham gia	Quy mô (ha)	Sản lượng (tấn)			Nội dung liên kết, áp dụng quy trình	Đơn vị thu mua	Hỗ trợ đầu vào (vật tư...)	Thu mua chế biến Khô	Thu mua chế biến ướt	Chênh lệch so với thị trường (đồng/kg)
					Tổng	Chế biến khô	Chế biến ướt				Số lượng (tấn)	Số lượng (tấn)	
11	HTX Hưng Phát	Hưng Bình - Đắk R'lấp	20	60	180		180	Sản xuất chuỗi giá trị cà phê bền vững theo tiêu chuẩn 4C	Công ty Tuấn Hiệp Đắk Nông	Máy chế biến ướt		180	6
12	HTX Công Bằng Đắk Ka	Hưng Bình, Đắk R'lấp	39	100	2500			Sản xuất chuỗi giá trị cà phê bền vững	Công ty cổ phần Phin Xanh		2500		
13	HTX Nông lâm nghiệp Đắk Mil	Đức Minh, Đắk Mil	15	50	50		50	Sản xuất chuỗi giá trị cà phê bền vững	Công ty Yn Sài Gòn			50	80%

**Phụ lục 4: Thực trạng tổ chức sản xuất hồ tiêu liên kết theo chuỗi giá trị của một số HTX nông nghiệp**

Stt	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số hộ tham gia	Qui mô(ha)	Sản lượng(tấn)	Nội dung liên kết, áp dụng quy trình	Đơn vị thu mua	Hỗ trợ đầu vào (vật tư...)	Thu mua tiêu đen (tấn)	Chênh lệch thông thường (đồng/kg)
1	HTX TMNN Thuận Phát	Thuận Hà-Đắk Song	47	70	200	Oganic	Công ty Sơn Hà	Kỹ thuật, Chế phẩm sinh học	200	Gấp 1,5 lần so với giá tại thời điểm
2	HTX Hoàng Nguyên	Thuận Hà - Đắk Song	40	72	220	Hữu Cơ	Công ty Sơn Hà	Bayer, Hữu cơ Hà Lan, Phân sinh học Cát Tường	220	Gấp 1,5 lần so với giá tại thời điểm
3	HTXSX TM DV Bình Minh,	Thôn Tân Sơn, xã EaPô	10	30	107	Hữu Cơ	Công ty Ned spice Việt Nam	Hỗ trợ kỹ thuật	107	Cao hơn 10 % giá thị trường
4	HTX tiêu Hữu cơ Đồng thuận	Thôn 6 - Nhân cơ - Đắk Rlấp	11	30	90	Oganic	Công ty Sơn Hà, công ty Đa Nin Hà Liên	Hỗ trợ kỹ thuật	90	Gấp 1,5 lần so với giá tại thời điểm
5	HTX nông nghiệp hữu cơ Đắk Nông	Đắk R'Moan-Gia nghĩa	115	100	300	Viet Gap	Công ty Sơn Hà, Công ty Lộc Phát (Bách Sinh)	Hỗ trợ kỹ thuật, phân bón	300	3
6	HTX hồ tiêu hữu cơ Bình Tiến	Nam Bình – Đắk Song	68	200	450	Hữu Cơ	Công ty Công Bằng Xanh (Hà Nội)	Hỗ trợ kỹ thuật, phân bón	450	Gấp 1,5 lần so với giá tại thời điểm

**Phụ lục 5: Thực trạng tổ chức sản xuất rau, đậu các loại liên kết theo chuỗi giá trị của một số HTX nông nghiệp**

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số hộ tham gia	Qui mô (ha)	Sản lượng (tấn)	Nội dung liên kết, áp dụng quy trình	Hỗ trợ đầu vào	Đơn vị thu mua	Lợi nhuận so với sản xuất đại trà
1	HTX Đắc Tân	Đắc Nĩa - Gia Nghĩa	34	25,8		Liên kết sản xuất hạt giống rau quả các loại	Giống, kỹ thuật, vật tư ban đầu	Công ty Trang Việt	Đầu ra ổn định
2	HTX NLN Nam Hà	Tâm Thắng - Cư Jut	23	13,3	25	Liên kết thu mua gốc	Kỹ thuật, giống, vật tư	HTX NLN Nam Hà	Đầu ra ổn định
3	HTX Đồng Thuận	Nhân Cơ - Đắc R lấp	15	2	9	Liên kết sản xuất gừng theo hướng Hữu Cơ	Hỗ trợ 30% phân vi sinh, kỹ thuật	Công ty tại Hà Lan	50-70% so với giá thị trường
4	HTX NN CNC Đắc Ha	Xã Đak Ha, huyện Đắc Glong	27	30		Liên kết sản xuất rau quả các loại	Hỗ trợ kỹ thuật	30 tiểu thương ở các tỉnh của TP. Hồ Chí Minh, thành phố Bình Dương và Đồng Nai	Đầu ra ổn định
5	HTX NN dược liệu DVTM Thịnh Phát	Quảng Sơn, huyện Đắc Glong	90	25	1800	Liên kết sản xuất rau quả các loại	Hỗ trợ kỹ thuật	Chợ đầu mối Tp HCM, Công ty tại Nhật bản	Đầu ra ổn định



**Phụ lục 6: Thực trạng tổ chức sản xuất lúa, ngô của một số HTX nông nghiệp trên địa bàn**

<b>Stt</b>	<b>Tên tổ chức, cá nhân</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số hộ tham gia</b>	<b>Qui mô (ha)</b>	<b>Sản lượng (tấn)</b>	<b>Nội dung liên kết, áp dụng quy trình</b>	<b>Hỗ trợ đầu vào</b>	<b>Đơn vị thu mua</b>	<b>Lợi nhuận so với sản xuất đại trà</b>
1	Hợp tác xã sản xuất lúa gạo Buôn Choah	Xã Buôn choah, huyện Krông Nô	115	178	1700 tấn/vụ	Liên kết sản xuất lúa gạo	Kỹ thuật, giống, vật tư	Hợp tác xã sản xuất lúa gạo Buôn Choah,	Đầu ra ổn định
2	Hợp tác xã Nông nghiệp Buôn Choah	Xã Buôn choah, huyện Krông Nô	304	447	4400 tấn/vụ	Liên kết sản xuất lúa gạo	Kỹ thuật, giống, vật tư	Hợp tác xã Nông nghiệp Buôn Choah	Đầu ra ổn định

**Phụ lục 7: Thực trạng tổ chức sản xuất trái cây liên kết của các HTX nông nghiệp**

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số hộ tham gia	Qui mô (ha)	Sản lượng (tấn)	Nội dung liên kết, áp dụng quy trình	Hỗ trợ đầu vào	Đơn vị thu mua
1	Công ty CP XNK tổng hợp 1 VN	Thôn 7, Trường Xuân, Đắk Song	2	5	10	Liên kết tiêu thụ Bơ	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	Công ty CP XNK tổng hợp 1 VN
2	Công ty TNHH MTV Minh Nhân	Thôn 8, Đắk Buk So, Tuy Đức	40	200	400	Liên kết sản xuất, tiêu thụ Bơ	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	Công ty TNHH MTV Minh Nhân
3	Công ty TNHH MTV TM-DV Yên Nhi	Đắk R'ăng, Quảng Tâm, Tuy Đức	25	50	1.000	Liên kết sản xuất, tiêu thụ Chanh dây	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	Công ty TNHH MTV TM-DV Yên Nhi
4	HTX Xoài Đắk Gằn	Bắc Sơn, Đắk Gằn	17	35	480	Liên kết sản xuất, tiêu thụ Xoài	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	HTX Xoài Đắk Gằn
5	HTX Nông lâm nghiệp và TM Tia Sáng	TDP 5, P. Nghĩa Đức, TP. Gia Nghĩa	26	60	1.200	Liên kết sản xuất, tiêu thụ Chanh dây	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	HTX Nông lâm nghiệp và TM Tia Sáng
6	HTX Nam Hải	Thôn 9, Quảng Tân, Tuy Đức	9	50	568,5	Liên kết sản xuất, tiêu thụ Chanh dây, Bơ, Sầu riêng và Mãng cụt	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	HTX liên kết với Công ty Anvifood
7	Tổ HT Bơ an toàn	Huyện Đắk Mil	10	42,2	300	Liên kết sản xuất, tiêu thụ Bơ,	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	Tổ hợp tác tự tiêu thụ
8	HTX Nông nghiệp Trường Sinh	Đắk Ru, Đắk R'lấp	9	19,5	130	Liên kết sản xuất, tiêu thụ Mít, Bơ, Sầu riêng và Bưởi	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	HTX Nông nghiệp Trường Sinh
9	HTX Nông nghiệp Quyết Tiến	Thôn 1, Đắk Wer, Đắk R'lấp	7	7	70	Liên kết sản xuất, tiêu thụ Bơ, Sầu riêng	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	HTX Nông nghiệp Quyết Tiến
10	HTX Nông	TDP 2, TT. Kiên	9	1	150	Liên kết sản xuất, tiêu	Hỗ trợ kỹ	HTX Nông nghiệp

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số hộ tham gia	Qui mô (ha)	Sản lượng (tấn)	Nội dung liên kết, áp dụng quy trình	Hỗ trợ đầu vào	Đơn vị thu mua
	ng nghiệp Thịnh Vượng	Đức, Đắk R'lấp				thụ Dưa lưới	thuật, dịch vụ	Thịnh Vượng
11	HTX Nông nghiệp dịch vụ Bơ núi lửa Krông Nô	Thôn Phú Thuận, xã Quảng Phú, Krông nô	10	80	250	Liên kết sản xuất, tiêu thụ Bơ	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	Công ty Bơ mỹ Hoàng Gia
12	HTX SXNLN HC Quảng Phú	Thôn Phú Thuận, xã Quảng Phú, Krông nô	7	20	350	Liên kết sản xuất, tiêu thụ cam quýt, rau củ	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	Siêu thị Aeon
13	HTX NN DV Sangs Farm	Xã Quảng sơn, huyện Đắk Glong	7	50	200	Liên kết sản xuất Bơ, sầu riêng, bưởi	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	HTX NN DV Sangs Farm
14	HTX hữu cơ An tâm	Nghĩa Đức, Gia Nghĩa	7	50	120	Liên kết sản xuất Bơ, sầu riêng, ổi mít...	Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ	Khách tham quan, siêu thị

*Nguồn: Báo cáo Sở Nông nghiệp & PTNT và số liệu khảo sát*

**Phụ lục 8: Các HTX nông nghiệp đang hoạt động trên địa bàn**

<b>TT</b>	<b>Tên hợp tác xã</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Năm thành lập, chuyển đổi</b>	<b>SLXV (người)</b>	<b>Vốn điều lệ (triệu đồng)</b>
<b>I</b>	<b>HTX nông nghiệp huyện Đắk Mil</b>			<b>207</b>	<b>12.740</b>
1	HTX nông nghiệp Công Bằng Thuận An	99 thôn Đức An, xã Thuận An	Năm 2012	79	2.500
2	HTX nông lâm nghiệp Đắk Mil	05 thôn Minh Đoài, xã Đức Minh	Năm 2013	15	750
3	HTX nông nghiệp DV – TM Nguyễn Công	13C thôn Xuân Trang, xã Đức Minh	Năm 2015	8	3.000
4	HTX dịch vụ nông nghiệp Đăkrpa	Bon Sa Pa, xã Thuận An	Năm 2014	20	1.000
5	HTX nông nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Mạnh	Thôn Đức Thành, xã Đức Mạnh	Năm 2018	9	800
6	HTX NN TM & DV Xoài Đắk Gằn	Thôn Bắc Sơn, xã Đắk Gằn	Năm 2018	40	1.500
7	HTX nông nghiệp hữu cơ Đắk N'Drot	Thôn 4, xã Đắk N'Drot	Năm 2018	10	500
8	HTX cà phê OGA	Thôn Đức An, xã Thuận An	Năm 2019	10	990
9	HTX nông, lâm nghiệp, dược Liệu Đắk Sắk	Thôn Đắk Hà, xã Đắk Sắk	Năm 2020	8	900
10	HTX NN Đắk R'La	Thôn 5, xã Đắk R'La	Ngày 2021	8	800
<b>II</b>	<b>Huyện Krông Nô</b>				<b>57.059</b>
1	HTX nông nghiệp và dịch vụ Hợp Lực	Nâm N'Dir	Năm 2014	33	1.000
2	HTX Nông nghiệp Krông Nô	Tân Thành	Năm 2016	18	500
3	HTX nông nghiệp Hoàng Nam	Đăk Drô	Năm 2016	7	1.000
4	HTX sản xuất kinh doanh tổng hợp Đồng Tiến	Nâm N'Dir	Năm 2015	12	950

<b>TT</b>	<b>Tên hợp tác xã</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Năm thành lập, chuyển đổi</b>	<b>SLXV (người)</b>	<b>Vốn điều lệ (triệu đồng)</b>
5	HTX phát triển nông nghiệp xanh Tây Nguyên	Đắk Mâm	Năm 2017	10	1.000
6	HTX trồng nấm xã Nam Đà	Nam Đà	Năm 2017	7	500
7	HTX phát triển NN công bằng Thanh Thái	Thanh thái Năm Nung	Năm 2017	24	500
8	HTX dịch vụ nông nghiệp Đức Hạnh	Phú Hưng Quảng Phú	Năm 2017	7	2.000
9	HTX Trường Sơn	Thôn 6 Quảng Phú	Năm 2018	7	20.000
10	HTX NN, TM, DV Hồ tiêu sạch Đắk Sôr	Đắk trung, xã Đắk Sôr	Năm 2018	30	600
11	HTX TM - NN hữu cơ - Công nghệ cao Đắk Nông	Nam Anh, xã Nam Đà,	Năm 2018	7	3.600
12	HTX sản xuất lúa gạo Buôn Choánh	Ninh Giang, Buôn Choánh	Năm 2020	7	1.000
13	HTX SXKD Nông nghiệp an toàn Hòa Hưng	Đắk Mâm	Năm 2019	15	669
14	HTX TIN TRUE COFFEE	Đắk Mâm	Năm 2019	7	1.000
15	HTX Nông nghiệp Đức Xuyên	Đức Xuyên	Năm 2019	13	200
16	HTX Ba Cùng Hòa Phát	Đắk Mâm	Năm 2019	11	2.290
17	HTX Nông nghiệp Năm N'Đir	Năm N'Đir	Năm 2020	9	500
18	HTX Ngọc Quân	Năm Nung	Năm 2020	8	500
19	HTX Nông nghiệp dịch vụ Bơ núi lửa Krông Nô	Buôn Choah	Năm 2020	7	1.000
20	HTX Nông nghiệp Buôn Choah	Buôn Choah	Năm 2020	7	2.250
21	HTX Dâu tằm tơ Hợp lực	Quảng Phú	Năm 2020	7	1.000

<b>TT</b>	<b>Tên hợp tác xã</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Năm thành lập, chuyển đổi</b>	<b>SLXV (người)</b>	<b>Vốn điều lệ (triệu đồng)</b>
22	HTX SX Nông lâm nghiệp và dược liệu Buôn Choah	Buôn Choah	Năm 2020	15	5.000
23	HTX sản xuất Nông lâm, nghiệp hữu cơ Quảng Phú	Quảng Phú	Năm 2020	8	2.000
24	HTX Nông nghiệp xanh Thành Phát	Đăk Sôr	Năm 2021	12	1.100
25	HTX Đông trùng hạ thảo Ròng Vàng	Nam Đà	Năm 2021	7	1.300
26	HTX dịch vụ nông nghiệp sinh thái Năm N'Đir	Năm N'Đir	Năm /2021	13	5.600
<b>III</b>	<b>Huyện Đăk G'Long</b>			<b>238</b>	<b>23.410</b>
1	HTX Nông nghiệp Tân Thịnh	Thôn 8, xã Quảng Khê	Năm 2011	9	1.000
2	HTX Nông nghiệp DV-TM Hợp Tiến	Thôn 3B, xã Quảng Sơn	Năm 2005	27	5.000
3	HTX nông nghiệp, thương mại, dịch vụ DaNoFarm	Thôn Quang Hợp, Quảng Sơn	Năm 2018	12	1.000
4	HTX nông nghiệp, dược liệu, dịch vụ - thương mại Thịnh Phát	Thôn 1B, xã Quảng Sơn	Năm 2018	90	1.000
5	HTX nông lâm nghiệp và thương mại dịch vụ Nguyên Phát	Bon Rbut, xã Quảng Sơn	Năm 2018	41	360
6	HTX nông nghiệp, thương mại, dịch vụ tín dụng Đại Đồng Tiến	Thôn Tân Tiến, xã Quảng Khê	Năm 2019	10	400
7	HTX dược liệu An Phúc Khang	Thôn 8, xã Đăk Ha	Năm 2020	10	1.000
8	HTX nông nghiệp hữu cơ, DVTM và xuất nhập khẩu Thuận Tân Phát	Thôn 8, xã Đăk Ha	Năm 2020	17	850
9	HTX TM-DV Bình An	Đăk Som		12	450
10	HTX nông nghiệp công nghệ cao Đăk Ha	Bon Ting Wel Đăng, xã Đăk Ha	Năm 2021		12.000
11	HTX nông nghiệp, thương mại dịch vụ	Bon R'Bút, xã Quảng Sơn	Năm 2021	10	350

<b>TT</b>	<b>Tên hợp tác xã</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Năm thành lập, chuyển đổi</b>	<b>SLXV (người)</b>	<b>Vốn điều lệ (triệu đồng)</b>
	Sangs Fram				
<b>IV</b>	<b>TP. Gia Nghĩa</b>			<b>150</b>	<b>63.080</b>
1	HTX Đắc Tân	Tổ 3, xã Đắc Nĩa	Năm 2017	7	5,000
2	HTX Hồ tiêu hữu cơ Đắc Rmoan	Thôn Tân Hòa, xã Đắc Rmoan	Năm 2017	9	90
3	HTX Nông nghiệp hữu cơ Đắc Nông	Bon Đắc Moan, xã Đắc Moan	Năm 2017	22	120
4	HTX Nông nghiệp Đắc Nông Farm	17 Đường Quang Trung	Năm 2017	9	500
5	HTX Bình Minh	Tổ 6, phường Nghĩa Phú	Năm 2018	7	50,000
6	HTX Nông nghiệp Thương mại Tia Sáng	Tổ 5, phường Nghĩa Đức	Năm 2012	12	1,200
7	HTX NN Sơn Phát	Thôn Đắc Tân, xã Đắc Nĩa	Năm 2018	7	1,000
8	HTX nông nghiệp hữu cơ An Tâm	Tổ 5, phường Nghĩa Đức	Năm 2018	8	500
9	HTX NN DVTN Đồng Lợi	Số 243, đường 23/3 phường Nghĩa Tân	Năm 2019	9	900
10	HTX nông nghiệp, dịch vụ thương mại Tân Phú Nông	Thôn Phú Xuân, xã Đắc Nĩa	Năm 2019	15	450
11	HTX nông nghiệp hữu cơ Như Ý	Thôn Tân An, xã Đắc R'Moan	Năm 2019	7	840
12	HTX nông nghiệp công nghệ cao Tây Nguyên		Năm 2020	8	500
13	HTX nông nghiệp An Nguyên	Bon Phai Kol Pru Đãng, xã Đắc Nĩa	Năm 2020	7	980
14	HTX sản xuất, thu mua nông sản Hoa Sen	Tổ 3, phường Nghĩa Đức	Năm 2020	7	50
15	HTX Cao Nguyên Xanh	thành phố Gia Nghĩa	Năm 2020	9	500
16	HTX nông nghiệp Thiên Phú	Tổ 4, phường Nghĩa Phú		7	450

<b>TT</b>	<b>Tên hợp tác xã</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Năm thành lập, chuyển đổi</b>	<b>SLXV (người)</b>	<b>Vốn điều lệ (triệu đồng)</b>
<b>V</b>	<b>Huyện Đắk R'Lấp</b>			<b>264</b>	<b>32.135</b>
1	HTX An Tiếp	Thôn 3, xã Đắk Sin		7	450
2	HTX Đồng Tiến	Thôn 3, xã Đắk Sin	Năm 2012	9	1.600
3	HTX Nông nghiệp Hào Quang	Thôn 2, xã Đắk Wer	Năm 2016	20	60
4	HTX Hồ tiêu hữu cơ Đồng Thuận	Thôn 6, xã Nhân Cơ		11	500
5	HTX nông nghiệp, thương mại, dịch vụ Quyết Tâm	Thôn 3, xã Đắk Sin	Năm 2017	41	860
6	HTX NLN, chăn nuôi Bon Tu Lung	Bon Bu Srê, xã Đắk Ru	Năm 2017	10	250
7	HTX nông nghiệp và dịch vụ Hưng Thịnh	Thôn 4, xã Đắk Sil	Năm 2017	16	1.690
8	HTX nông nghiệp - thương mại dịch vụ tổng hợp Hưng Phát	Thôn 2, xã Hưng Bình	Năm 2017	7	270
9	HTX nông, lâm nghiệp, dược liệu Thiên Thuận Thành	Thôn 5, xã Quảng Tín	Năm 2017	19	840
10	HTX nông nghiệp, thương mại dịch vụ Trường Thịnh	Thôn 2, xã Hưng Bình	Năm 2018	12	5.000
11	HTX NNDVTM Hà Sơn Bình	Thôn 4, xã Nhân Đạo	Năm 2019	12	75
12	HTX nông nghiệp hữu cơ Thuận Phú Đắk R'th	Thôn 6, xã Nhân Cơ	Năm 2019	7	1.000
13	HTX cà phê hữu cơ Đạo Nghĩa (Organic Coffe)	Thôn Quảng Lộc, xã Đạo Nghĩa	Năm 2019	8	1.000
14	HTX nông nghiệp hồ tiêu hữu cơ Tây Nguyên	Thôn 6, xã Nhân Cơ	Năm 2019	11	111
15	HTX nông sản sạch Hưng Bình	Thôn 4, xã Hưng Bình	Năm 2019	20	500
16	HTX nông nghiệp Quyết Tiến	Thôn 1, xã Đắk Wer	Năm 2019	17	3.329
17	HTX Nông nghiệp Trường Sinh	Thôn Tân Bình, xã Đắk Ru	Năm 2020	7	1.000



<b>TT</b>	<b>Tên hợp tác xã</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Năm thành lập, chuyển đổi</b>	<b>SLXV (người)</b>	<b>Vốn điều lệ (triệu đồng)</b>
18	HTX NN TMDV Gia Lâm	Thôn 5, xã Đắk Sil	Năm 2020	10	1.000
19	HTX nông nghiệp, thương mại dịch vụ Gia Phát Đạt	Thôn 1, xã Đắk Wer	Năm 2020	7	800
20	HTX bảo quản nông nghiệp công nghệ cao Đắk Nông	Bon Bù bir, xã Quảng Tín	Năm 2020	7	10.000
21	HTX nông nghiệp, dịch vụ Mần Xanh	Thôn Quảng Đạt, xã Đạo Nghĩa	Năm 2020	8	800
22	HTX nông nghiệp, thương mại công bằng Đắk Ka	Thôn 8, xã Đắk Ru	Năm 2020	7	1.000
<b>VI</b>	<b>Huyện Tuy Đức</b>			<b>185</b>	<b>9.798</b>
1	HTX Nam Hải Đắk Nông	Thôn 9, xã Quảng Tân	Năm 2016	9	1.000
2	HTXNN an toàn & TM Quảng Tâm	Thôn 2, xã Quảng Tâm	Năm 2017	8	910
3	HTX NN xanh Quảng Trục	Bon Đắk Húyt, xã Quảng Trục	Năm 2018	30	150
4	HTX sản xuất thương mại dịch vụ nông lâm nghiệp Quảng Tâm	Thôn 5, xã Quảng Tâm	Năm 2018	7	2.000
5	HTX nông nghiệp, thương mại và dịch vụ Thành Đạt	Bon Bu Dãr, xã Quảng Trục	Năm 2019	9	1.000
7	HTX nông nghiệp DVTM Quyết Tiến	Thôn 3, xã Đắk Buk So	Năm 2019	8	1.000
8	HTX nông nghiệp và thương mại Hoàng Thiên Ân	Thôn Đắk Krung, Quảng Tân	Năm 2019	9	700
9	HTX nông nghiệp dịch vụ Long Việt	Bon Đắk Húyt, xã Quảng Trục	Năm 2019	77	900
10	HTX nông nghiệp và dịch vụ Ngọc Tám	Bon Phi Lơ Te 1, xã Đắk Ngo	Năm 2020	8	1.000
11	HTX nông nghiệp và dịch vụ Trương Tạo Nam	Thôn Tân Bình, xã Đắk Ngo	Năm 2021	12	638

<b>TT</b>	<b>Tên hợp tác xã</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Năm thành lập, chuyển đổi</b>	<b>SLXV (người)</b>	<b>Vốn điều lệ (triệu đồng)</b>
12	HTX nông nghiệp và dịch vụ Đắk Sung	Thôn 10, xã Quảng Tân	Năm 2021	8	500
<b>VII</b>	<b>Huyện Cư Jút</b>			<b>136</b>	<b>12.239,70</b>
1	HTX Nông lâm nghiệp Nam Hà	Tổ 5, thị trấn EaTlinh	Năm 2009	7	912
2	HTX DV NN Cao Nguyên Xanh	Thôn 1, xã Tâm Thắng	Năm 2015	13	962
3	HTX DVNN Phú Thiện	Thôn Đồi Mây, xã Đắk Will	Năm 2017	8	1.650
4	HTX SX TM DV Bình Minh	Thôn Tân Sơn, xã EaPô	Năm 2018	10	972
5	HTX NNDV Bắc Hà	Thôn 14, Đắk D'rông	Năm 2018	31	900
6	HTX NN Tiến Thành	Thôn 2, xã Cư K'Nia	Năm 2018	7	970
7	HTX sản xuất Đậu nành Nam Dong	Thôn 7, xã Nam Dong	Năm 2018	7	985
8	HTX chăn nuôi và dv nông nghiệp huyện Cư Jut	Buôn Trum, Xã Đắk Wil	Năm 2019	8	800
9	HTX sản xuất nông nghiệp Nam Hà	Tổ 5, thị trấn Eatling	Năm 2019	7	927
10	HTX dịch vụ nông nghiệp hữu cơ Đắk Wil	Thôn Đồi Mây, xã Đắk Wil	Năm 2019		375
11	HTX Nông Phú	Tổ 3, xã CNia	Năm 2017	9	989
12	HTX nông nghiệp sinh thái Chân Nhân	Thôn Nam Tiến, xã EaPô	Năm 2020	7	946
13	HTX Nông nghiệp Cư Jút	Thôn 7, xã Tâm Thắng	Năm 2021	7	850
14	HTX 195 chăn nuôi CNC	Thôn 6, Trúc Sơn	Năm 2021	8	900
15	HTX NN SX Đồng Tâm	Trúc Sơn	Năm 2018	7	800
<b>VIII</b>	<b>Huyện Đắk Song</b>			<b>489</b>	<b>32.985</b>
1	HTX Toàn Thắng	Thôn 7, xã Đắk N'Drung	Năm 2013	9	1.000
2	HTX thương mại, dịch vụ, chế biến, sản xuất nông nghiệp Đoàn Kết	Thôn 9, xã Nam Bình	Năm 2014	55	550
3	HTX Thuận Thành	Bon Ta Mung, xã Trường	Năm 2016	8	210

<b>TT</b>	<b>Tên hợp tác xã</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Năm thành lập, chuyển đổi</b>	<b>SLXV (người)</b>	<b>Vốn điều lệ (triệu đồng)</b>
		Xuân			
4	HTX thương mại Nông nghiệp Thuận Phát	Bản Đầm Gió, xã Thuận Hà	Năm 2016	30	700
5	HTX Hồ tiêu hữu cơ Bình Tiến	Thôn 10, xã Nam Bình	Năm 2017	31	200
6	HTX Hồ tiêu Thành Tâm	Thôn Thuận Tân, xã Thuận Hạnh	Năm 2017	50	500
7	HTX nông nghiệp, thương mại, dịch vụ hữu cơ Hoàng Nguyên	Thôn 8, xã Thuận Hà	Năm 2018	32	1.000
8	HTX Nam Trường Xuân	Thôn 2, xã Trường Xuân	Năm 2015	10	
9	HTX nông nghiệp hữu cơ và dịch vụ Trường Xuân	Thôn 1, xã Trường Xuân	Năm 2018	15	1.000
10	HTX nông nghiệp Nam Thịnh	Thôn 7, xã Nam Bình,	Năm 2018	100	2.000
11	HTX nông nghiệp hữu cơ An Tâm	Thôn Đắc Kual 3, xã Đắc NDung	Năm 2018	30	235
12	HTX nông nghiệp hữu cơ, dịch vụ Hòa Phát Đắc Song	Thôn Thuận Thành, xã Thuận Hạnh	Năm 2019	7	1.000
13	HTX nông nghiệp, dịch vụ thương mại Hải Yến	Tổ 6, thị trấn Đức an	Năm 2019	7	250
14	HTX nông nghiệp, dịch vụ thương mại Thành Công	Thôn 9, xã Nam Bình	Năm 2019	8	500
15	HTX nông nghiệp, dịch vụ thương mại hồ tiêu hữu cơ Nam Bình	Thôn 10, xã Nam Bình	Năm 2019	9	2.500
16	HTX Nông nghiệp Dịch vụ và Hữu cơ Đồng Nguyên	Thôn 10, Xã Nâm N Jang, Huyện Đắc Song	Năm 2019	8	400
17	HTX nông nghiệp ĐS-ĐN-01	Thôn 2, xã Nâm N'Jang	Năm 2020	17	340
18	HTX nông nghiệp và thương mại Minh Thịnh 168	Bản Đắc Thốt, xã Thuận Hà	Năm 2020	8	500

TT	Tên hợp tác xã	Địa chỉ	Năm thành lập, chuyển đổi	SLXV (người)	Vốn điều lệ (triệu đồng)
19	HTX NN sạch Đắk Song	Thôn Thuận Hải, xã Thuận Hạnh	Năm 2021	9	300
20	HTX Tân Bình Tiến	Thôn Tân Bình, xã Đắk Hòa	Năm 2021	15	17.000
21	HTX nông nghiệp hữu cơ BecChampy Đắk Nông	Thôn 10, xã Trường Xuân	Năm 2021	10	1.100
22	HTX Nông - Lâm - Ngư nghiệp Thiên Phú Sơn	Thôn Đắk Hòa, xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song	Năm 2021	7	500
23	HTX TMDVNN hữu cơ Tâm Thành Phát	Thôn 7, xã Thuận hà, huyện Đắk Song	Năm 2021	7	500
24	HTX Thành Long	Thôn Rừng Lạnh, Đắk Hòa, Đắk Song	Năm 2021	7	700

### Phụ lục 9: Tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Nông qua các năm

*Đvt: Tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2021	Tăng BQ (%)
	<b>Tổng sản phẩm trên địa bàn (giá so sánh 2010)</b>	<b>16.063</b>	<b>17.337</b>	<b>18.522</b>	<b>20.727</b>	<b>5,23</b>
1	Nông, lâm, ngư nghiệp	6.588	6.844	7.176	7.918	3,75
2	Công nghiệp, xây dựng	2.266	2.854	3.061	4.096	12,57
	Trong đó: Công nghiệp	1.334	1.889	2.062	2.400	12,46
3	Dịch vụ	6.527	6.913	7.448	7.778	3,57
4	Thuế sản phẩm (-) trừ trợ cấp sản phẩm	682	726	837	936	6,53

Nguồn: Niên giám thống kê và báo cáo KT-XH tỉnh Đắk Nông năm 2021

**Phụ lục 10: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Đắk Nông**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2021
<b>1</b>	<b>Tổng sản phẩm trên địa bàn (giá hiện hành)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>23.798</b>	<b>25.871</b>	<b>29.337</b>	<b>34.619</b>
1.1	Nông, lâm, ngư nghiệp	Tỷ đồng	10.757	12.741	13.055	13.193
1.2	Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	3.253	3.912	4.661	6.488
	Trong đó: Công nghiệp		1.975	2562	3.216	3.850
1.3	Dịch vụ	Tỷ đồng	8.748	7804	9.636	13.394
1.4	Thuế sản phẩm (-) trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	1.040	1.414	1.485	1.543
<b>2</b>	<b>Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)</b>		<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
2.1	Nông, lâm, ngư nghiệp	%	45,2	49,25	46,2	38,11
2.2	Công nghiệp, xây dựng	%	13,67	15,12	15,89	18,74
	Trong đó: Công nghiệp		8,3	9,9	10,96	11,12
2.3	Dịch vụ	%	36,76	30,17	32,85	38,69
2.4	Thuế sản phẩm (-) trừ trợ cấp sản phẩm	%	4,37	5,47	5,06	4,46

Nguồn: Niên giám thống kê và báo cáo KT-XH tỉnh Đắk Nông năm 2021